

CÔNG TY TNHH LODE STAR

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC MẶT
HÀNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG, CÔNG
SUẤT 180.392 SẢN PHẨM/NĂM**

**Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam.**

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Chin, Hiung

MỤC LỤC

DANH SÁCH BẢNG	iv
DANH SÁCH HÌNH	v
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:	1
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC MẶT HÀNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG, CÔNG SUẤT 180.392 SẢN PHẨM/NĂM	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	7
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất.	7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	26
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	26
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	28
5.1. Các hạng mục công trình.	28
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty.	30
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	34
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	34
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.	34
CHƯƠNG III	38
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	38

1.Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	38
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	38
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	39
1.3. Xử lý nước thải:	41
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	45
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông.....	45
2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải lò hơi.....	45
2.3. Giảm thiểu bụi trong quá trình gia công thô, chà nhám và phun cát.....	48
2.4. Giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi.	50
2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	54
3.Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	54
3.1. Chứng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	54
3.2. Biện pháp lưu trữ chất thải rắn thông thường.....	55
3.3. Công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường.....	56
4.Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:	57
4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	57
4.2. Biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại.....	58
4.3. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại.....	59
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	60
5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy.	60
5.2. Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động máy móc, thiết bị sản xuất.....	60
5.3. Đối với tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện.	61
6.Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....	62
6.1. Biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.....	62
6.2. Biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố hệ thống thu gom và hệ thống thoát khí thải.	63
6.3. Phòng ngừa sự cố lò hơi	64
6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	64
6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.....	65
CHƯƠNG IV	68

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	68
CHƯƠNG V	79
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	79
1.Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	79
2.Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	81
CHƯƠNG VI	83
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	83
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: không có	83
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	83
2.1.Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	83
2.2.Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có	84
2.3.Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	84
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	84
CHƯƠNG VII.....	86
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	86
CHƯƠNG VIII	87
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	87
PHỤ LỤC.....	88

Danh sách bảng

Bảng 1. 1. Buồng sơn được lắp đặt và sử dụng tại công ty	5
Bảng 1. 2. Danh mục sản phẩm và công suất sản phẩm	7
Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên liệu sử dụng	7
Bảng 1. 4. Tỷ lệ hao hụt của dự án	8
Bảng 1. 5. Khối lượng nhiên liệu sử dụng	8
Bảng 1. 6. Danh mục hóa chất trong sản xuất	9
Bảng 1. 7. Tổng nhu cầu sử dụng nước hiện tại của dự án.....	26
Bảng 1. 8. Dự báo nhu cầu sử dụng nước của 1.500 công nhân.....	27
Bảng 1. 9. Bảng hạng mục công trình của dự án.	28
Bảng 1. 10. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất của Công ty.....	30
Bảng 2. 1. Kết quả phân tích nước mặt tại suối Ông Đông năm 2021	36
Bảng 3. 1. Khối lượng vật liệu của hệ thống thu gom nước mưa	38
Bảng 3. 2. Khối lượng vật liệu của hệ thống thu gom nước thải.....	40
Bảng 3. 3. Thông số xử lý nước thải.....	43
Bảng 3. 4. Kết quả quan trắc nước sau hệ thống xử lý nước thải năm 2021	44
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải lò hơi	46
Bảng 3. 6. Nồng độ các chất ô nhiễm khí thải lò hơi.....	47
Bảng 3. 7. Thiết bị Xyclon thu hồi bụi.	49
Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của thiết bị trong hệ thống sơn.	52
Bảng 3. 9. Nồng độ các chất ô nhiễm.	53
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong năm 2021	55
Bảng 3. 11. Thông tin công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường.....	56
Bảng 3. 12. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2021.	57
Bảng 3. 13. Bảng chỉ tiêu tiếng ồn tại Công ty.....	61
Bảng 4. 1. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2021.	75
Bảng 4. 2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	76
Bảng 5. 1. Thống kê thời gian vị trí quan trắc nước thải.	79
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2020	80
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2021	80
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2020	82
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021	82
Bảng 6. 1. Kinh phí cho chương trình giám sát.....	84

Danh sách hình

Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của công ty	3
Hình 1. 2. Một số hình ảnh trong quá trình sản xuất	7
Hình 2. 1. Vị trí Công ty TNHH Lode Star	35
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở.....	39
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải.....	40
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải	41
Hình 3. 4. Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày.đêm.....	44
Hình 3. 5. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	46
Hình 3. 6. Hình ảnh lò hơi tại công ty	48
Hình 3. 7. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi bằng Xyclon	48
Hình 3. 8. Hình ảnh Xyclon tại công ty.	50
Hình 3. 9. Công nghệ hấp thụ bụi sơn và hơi dung môi bằng sơn màng nước.....	51
Hình 3. 10. Công nghệ hệ thống hấp thụ bụi sơn và hơi dung môi bằng màng thủy tinh	52
Hình 3. 11. Hệ thống sơn màng nước và màng sợi thủy tinh.	54
Hình 3. 12. Khu vực lưu trữ chất thải rắn	57
Hình 3. 13. Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại công ty.	60

Danh sách từ viết tắt

TT-BTNMT	: Thông tư Bộ Tài nguyên Môi trường
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
BYT	: Bộ Y tế
BVMT	: Bảo vệ Môi trường
NĐ-CP	: Nghị định - Chính phủ
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
PXN	: Phiếu xác nhận
GXN	: Giấy xác nhận
QĐ	: Quyết định
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
XLNT	: Xử lý nước thải
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CNTT	: Công nghiệp thông thường
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
N	: Ni tơ
P	: Phot pho

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH LODE STAR.

– Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

– Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông CHAN MUCHUAN.

– Điện thoại: 0274.3652289 Fax: 0274.3652282 Email: mylien287@gmail.com

– Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337 của UBND tỉnh Bình Dương; chứng nhận lần đầu ngày 05/05/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 24/07/2014 (giấy phép đầu tư gốc số 277/GP-BD ngày 29/7/2003).

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700527439 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương; chứng nhận lần đầu ngày 05/05/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2020.

2. Tên cơ sở:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC MẶT HÀNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG, CÔNG SUẤT 180.392 SẢN PHẨM/NĂM

– Địa điểm cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

– Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

- Giấy phép xây dựng số 288/GPXD do sở xây dựng cấp ngày 08/03/2010

- Giấy phép xây dựng số 2249/GPXD-SXD do sở xây dựng cấp ngày 05/08/2016

– Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

- Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 188/QĐ-STNMT ngày 05/03/2012.

- Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1435/PXN-TNMT ngày 22/10/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 2105/GXN-UBND ngày 18/09/2007 của UBND huyện Tân Uyên;

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 1) số 42/GP-STNMT ngày 18/04/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (cấp lần 5) mã số: QLCTNH: 74.000039.T ngày 16/05/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, Cục Bảo vệ Môi trường

– Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án với tổng số vốn đầu tư là 20.000.000 USD tương đương với 463.900.000.000 VNĐ (bốn trăm sáu mươi ba tỷ, chín trăm triệu đồng), xét khoản 4, điều 8 của Luật Đầu tư công 2019, dự án thuộc nhóm B. Căn cứ phụ lục IV, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Báo cáo được trình bày theo Phụ lục X kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

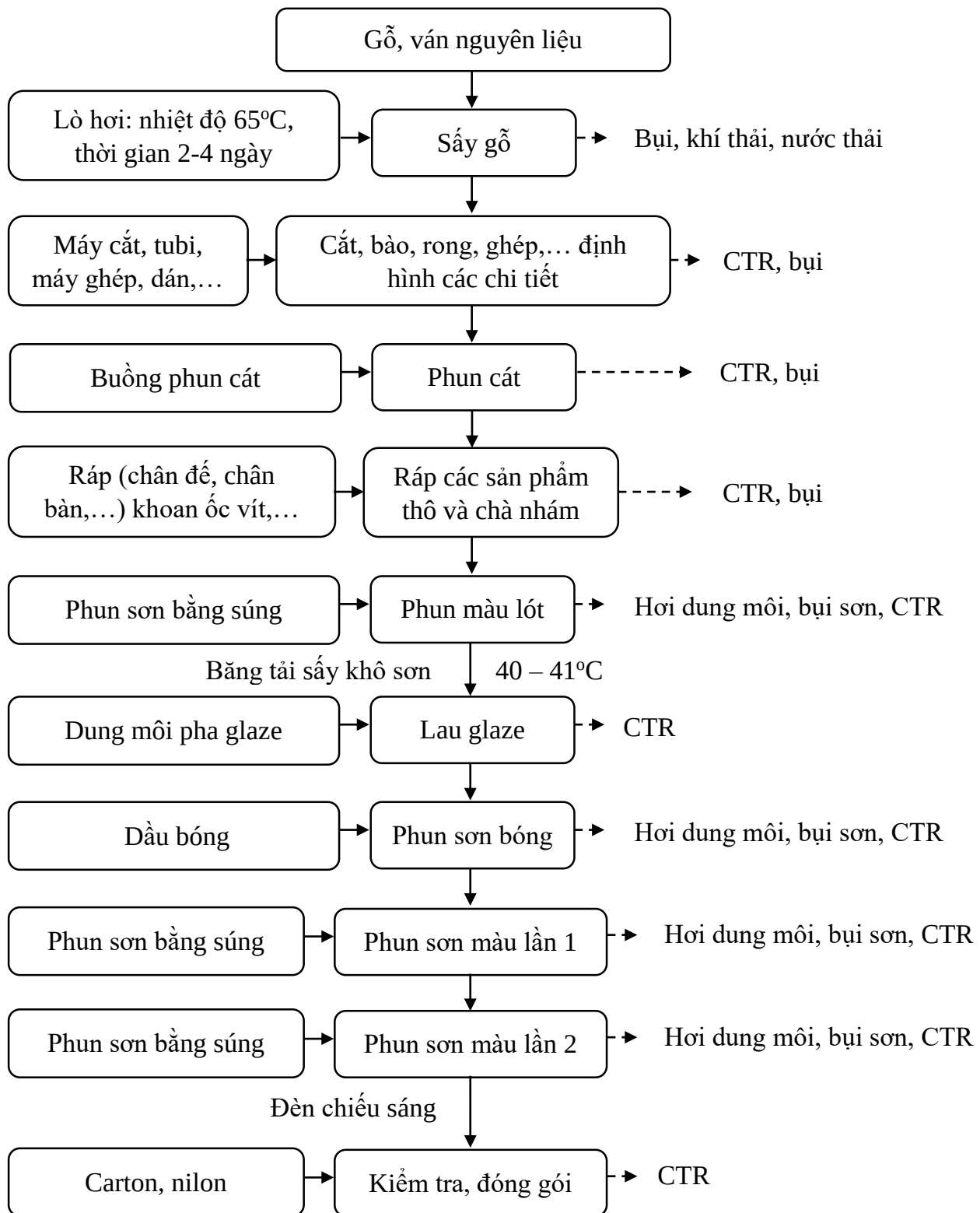
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Sản phẩm của công ty là các mặt hàng đồ gỗ gia dụng với tổng công suất là 180.392 sản phẩm/năm (tương đương 19.885.316 kg/năm).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Công nghệ sản xuất của Công ty TNHH Lode Star được trình bày như sau:



Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của công ty

Thuyết minh quy trình:

Công ty sử dụng nguyên liệu chính là các loại gỗ, ván đã qua sơ chế theo tiêu chuẩn riêng của dự án đối với các chi tiết tạo thành sản phẩm và được xẻ thành tấm có các kích thước khác nhau, độ dày cũng khác nhau (gỗ sồi xẻ: 50mm; gỗ thông xẻ: 22, 37, 50mm; gỗ danta xẻ: 32, 50mm; gỗ cherry: 25.4mm, 50.8mm; gỗ paulownia: 9, 11mm;...) và ván (ván gỗ ép: 18 ly; ván PB: 12, 25 ly; ván ep MDF: 3, 15, 21mm; ván MDF: 9, 12, 25mm;...).

Nguyên liệu sau khi nhập về được kiểm tra số lượng, chất lượng, nếu gỗ nhập về bị lỗi hoặc bị ẩm ướt, không đảm bảo để sản xuất thì công ty sẽ chuyển về lại cho đơn vị cung cấp gỗ để xử lý đạt yêu cầu rồi mới nhận hàng và đưa vào kho lưu trữ. Định kỳ 3 tháng/lần phun chống mối mọt, trong quá trình vận chuyển nhập gỗ và lưu trữ trước khi sử dụng, để lâu ngoài không khí độ ẩm từ 15% - 18%. Trước khi đem đi chuẩn bị cho quá trình sản xuất sẽ tiến hành di chuyển gỗ đến khu vực lò hơi để sấy gỗ với diện tích 846,3 m². Cung cấp lượng nước cho lò hơi 10 m³ (Nước cấp cho quá trình đốt lò hơi 1 phần sẽ bốc hơi, và lượng nước bổ sung cho hao hụt 10-20% mỗi ngày 1m³) để cung cấp nhiệt cho lò hơi với nhiệt độ 65°C trong thời gian dao động 2-4 ngày (tùy từng loại gỗ). Mục đích của việc sấy gỗ nhằm giảm độ ẩm của gỗ còn từ 8% - 12%, từ đó nâng cao được độ bền của gỗ. Quá trình này sử dụng lò hơi 5 tấn và nhiên liệu đốt là củi vụn được công ty vận dụng từ quá trình sản xuất, đốt làm phát sinh tro, bụi, CO, NO_x, SO_x và nước thải. Số lượng củi đốt ước tính khoảng 80 kg/giờ. Để giảm thiểu tác động của khí thải lò hơi công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi, khí thải được thu gom và xử lý bằng Xyclon trước khi thải ra môi trường; phần nước sử dụng cho tháp hấp thụ khí thải lò hơi được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ sẽ thải bỏ 2 tuần/lần. Lưu lượng nước thải phát sinh 1m³/2 tuần.

Gỗ sau khi sấy được qua các công đoạn sơ chế thô như: cắt, bào mặt, rong, chuốt, chà nhám,... tạo thành các chi tiết nhỏ của sản phẩm. Công đoạn này sinh ra gỗ thừa, củi vụn và dăm bào, bụi thô và bụi tinh, phần lớn hạt bụi đều có kích thước lớn. Tại mỗi khu vực máy cắt, bào, tubi đều được trang bị các ống hút gắn tại máy để thu gom bụi gỗ từ quá trình này dẫn qua hệ thống hút nhánh và ống hút bụi chính về hệ thống xử lý bụi. Công ty tận dụng 35% củi vụn để đốt lò hơi, 65% củi vụn còn lại thu gom và tập trung về khu vực chứa rác công nghiệp và ký hợp đồng mua bán dăm bào và củi vụn với Công ty TNHH MTV Quang Bảy để thu gom và xử lý chất thải rắn.

Tiếp đến là công đoạn trét keo và ghép gỗ, ván; định hình gỗ, tạo nên chi tiết cần sử dụng. Toàn bộ quá trình sơ chế và định hình gỗ được sử dụng bằng các máy móc, thiết bị công ty đã trang bị như: máy cắt, tubi, máy tiện, máy bào, máy rong máy chà máy, máy trét keo, máy ghép,...

Tùy vào nhu cầu của khách hàng mà Công ty sẽ chuyển các chi tiết sang phòng phun cát nhằm làm sạch bề mặt hoặc tạo bề mặt giả cổ cho sản phẩm. Công đoạn này cũng làm phát sinh từ quá trình va đập hạt cát lên các chi tiết gỗ. Các hạt bụi phát sinh từ công đoạn này có nhiều kích cỡ khác nhau, chủ yếu nằm trong khoảng 2 – 20 µm. Tuy nhiên, công đoạn này được thực hiện trong phòng kính nên bụi phát sinh chỉ mang tính chất cục bộ tại phòng phun cát và không

ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Công ty áp dụng biện pháp lắng bụi tại phòng phun cát và trang bị đồ bảo hộ chuyên dụng cho công nhân làm việc.

Sau công đoạn phun cát gỗ được gia công thô như khoan lỗ để phục vụ cho quá trình lắp ghép được thực hiện dễ dàng hơn. Sau đó ghép ốc và lắp ghép các vật liệu bằng nhựa hoặc sắt như chân đế, chân bàn, và ráp học tủ,...

Tiếp theo sử dụng giấy nhám hoặc máy chà nhám để bề mặt gỗ được đánh bóng làm nhẵn bóng và dễ bắt sơn. Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể về kích cỡ hạt bụi phát sinh ở những công đoạn khác nhau. Tại các công đoạn gia công như chà nhám và đánh bóng thì kích cỡ hạt bụi nhỏ, thường nằm trong khoảng 2 – 20 μm nên rất dễ phát tán trong không khí.

Ngoài các công đoạn chủ yếu phát sinh bụi trong quá trình sản xuất trên, bụi còn phát sinh tại các công đoạn khác như vận chuyển gỗ, lắp ghép,... tuy nhiên mức độ không đáng kể.

Hiện nay, bụi phát sinh trong quá trình sản xuất được công ty thu gom và xử lý qua hệ thống Xyclon lọc bụi. Chi tiết hệ thống xử lý bụi được thể hiện tại chương 3, phần 2.3.

Sau khi kết thúc công đoạn gia công thợ mộc, sản phẩm được chuyển sang bộ phận sơn lót và sơn phủ để tạo bề mặt bóng đẹp cho sản phẩm. Công nghệ phun sơn tại dự án được áp dụng là công nghệ phun sơn hấp thụ màng nước và sợi thủy tinh.

Công ty đã lắp đặt 46 buồng sơn hấp thụ màng nước và sợi thủy tinh, nhưng hiện tại chỉ sử dụng 30 buồng sơn, cụ thể bảng sau:

Bảng 1. 1. Buồng sơn được lắp đặt và sử dụng tại công ty

Stt	Công ty lắp đặt	Nước cấp (m^3) (46 buồng sơn)	Hiện tại sử dụng	Nước cấp (m^3) (30 buồng sơn)
1	28 buồng sơn màng nước	33,78	13 buồng sơn màng nước	13,63
2	18 buồng sơn sợi thủy tinh		17 buồng sơn sợi thủy tinh	

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

- Sản phẩm có kích thước, chi tiết nhỏ sơn bằng màng treo được dẫn tự động (có màng treo)
- Sản phẩm có kích thước lớn được băng chuyền tự động (không có màng treo)

Phun sơn được băng tải chuyển tự động với vận tốc 0-6 m/phút. Quá trình sơn, hơi dung môi bốc lên gây ô nhiễm đến khu vực môi trường xung quanh. Để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm này, công ty sử dụng quạt hút thu gom, hấp thụ bằng màng nước và màng sợi thủy tinh.

Tại các vị trí buồng phun sơn, công ty bố trí các màng sơn hấp thụ bằng nước và sợi thủy tinh, thì người công nhân phụ trách sử dụng súng thực hiện thao tác phun sơn hướng về phía màng hấp thụ để phủ một lớp sơn lên bề mặt của sản phẩm, sẽ được quạt hút thu gom bụi sơn và hơi dung môi về phía màng. Và tiếp theo sản phẩm sẽ đi qua băng tải con lăn tự động sấy khô sơn ở nhiệt độ 40-41°C trong thời gian 5 -10 phút. Sau khi sấy khô sơn bằng chuyền tiếp tục di chuyển qua khu vực lau glaze bề mặt sản phẩm bằng (50-XVN-234) dung môi pha glaze varsol 18. Tiếp tục là sơn bóng và các công đoạn sơn màu nhằm tạo bề mặt bóng và đẹp của sản phẩm, chống mối mọt và tăng độ bền cho sản phẩm.

Các hóa chất sử dụng trong quá trình phun sơn chủ yếu là Toluene, Xylene, Acetate, Ethylbenzene, Butylacetat,... sẽ làm phát sinh hơi dung môi, bụi sơn và chất thải rắn (chất thải rắn chủ yếu là giẻ lau glaze và các thùng phụ chứa sơn và cặn sơn).

Bụi sơn và hơi dung môi sẽ được hấp thụ vào trong nước, phần không khí sạch đi qua màng hấp thụ được thải ra môi trường qua ống thải cao 8-14 mét. Sau đó hỗn hợp nước, dung môi và sơn được thu gom về bể chứa nước tuần hoàn.

Tại bể chứa nước tuần hoàn với dung tích 7,89 m³ gồm 10 ngăn lọc, do sự chênh lệch về tỷ trọng, hỗn hợp dung môi và sơn sẽ nổi lên trên bề mặt và được thu gom xử lý như chất thải nguy hại. Phần nước sạch được tái sử dụng bơm vào các màng nước hấp thụ. Nước tuần hoàn trong bể chứa được định kỳ 1 năm/lần xả bỏ về hệ thống xử lý nước thải hoặc có dấu hiệu nhiễm bẩn bởi dung môi, sơn và các tạp chất khác.

Chi tiết công trình giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi được thể hiện trong phần 2.4 của chương 3.

Toàn bộ sản phẩm sau khi sơn được băng tải chuyên đi qua thiết bị phòng kín kiểm tra chất lượng sản phẩm cho ra sản phẩm hoàn thiện. Các sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được đưa trở lại các công đoạn trước để chỉnh sửa lại.

Sản phẩm được quấn màng PE để chống trầy xước, cho vào thùng carton bên trong có lót mút xốp để chống va đập trong quá trình vận chuyển.

Một số hình ảnh trong quá trình sản xuất



Cắt, bào mặt chi tiết



Lắp ráp chi tiết



Sơn lót

Sơn màu

Hình 1. 2. Một số hình ảnh trong quá trình sản xuất

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của dự án là đồ gia dụng, bàn ghế, tủ.

Bảng 1. 2. Danh mục sản phẩm và công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)	Đơn vị (kg/sản phẩm)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bàn	36.868	40	1.474.720
2	Ghế	43.086	28	1.206.408
3	Tủ	45.584	45	2.051.280
4	Giường	15.328	75	1.149.600
5	Khung gương	7.400	25	185.000
6	Chi tiết nhỏ	32.126	37	1.188.662
	Tổng	180.392		7.255.670

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất.

Các loại nguyên liệu sử dụng cho quy trình sản xuất của Công ty được thu mua trong nước và nhập khẩu từ các nước trong khu vực. Khối lượng nguyên liệu cần thiết cho quá trình sản xuất được trình bày trong bảng 1.2

Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên liệu sử dụng

Stt	Tên và quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích
	Nguyên liệu			
1	Gỗ	Kg/năm	5.554.500	Nguyên liệu
2	Ván	Kg/năm	1.805.700	Nguyên liệu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Tên và quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích
3	Các loại vật liệu chà nhám	Kg/năm	55.000	Chà gỗ
4	Ốc vít các loại	Kg/năm	910.000	Lắp ráp chi tiết
5	Vật liệu nhựa, chân đế,...	Kg/năm	105.000	Lắp chi tiết sản phẩm
6	Chi tiết bằng sắt (Chân bàn, chân ghế,...)	Kg/năm	4.650	Lắp chi tiết sản phẩm
	Dung môi, hóa chất			
1	Sơn	Kg/năm	354.440	Sơn sản phẩm
2	Dung môi	Kg/năm	332.002	Pha dung môi
3	Bột trét	Kg/năm	2.564	Trét bột chà nhám
4	Keo	Kg/năm	110.594	Ráp chi tiết
5	Chất trám trét	Kg/năm	2.000	Công đoạn trét bột
6	Xúc tác	Kg/năm	8.000	Pha chế chất trám trét
7	Dầu bóng	Kg/năm	828	Công đoạn tẩm dầu
8	Dầu chuối	Kg/năm	62.886	Công đoạn tẩm dầu
	Tổng	Kg/năm	9.308.164	

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Tỷ lệ hao hụt trong quá trình sản xuất của dự án được ước tính như sau:

Bảng 1. 4. Tỷ lệ hao hụt của dự án

Stt	Tổng nguyên liệu (kg/năm)	Tỷ lệ hao hụt	Sản phẩm (kg/năm)
1	9.308.164	22,05% tương đương 2.052.494 kg/năm Gồm các công đoạn: - Sấy gỗ hao hụt khoảng 527.786 kg/năm tương đương 5,67% - Cắt phát sinh củi chiếm 1.026.247 kg/năm tương đương 11,03% (trong đó 4,06% sử dụng cho lò hơi; 6,97% củi vụn còn lại bán cho đơn vị thu gom) - Chà nhám, bào phát sinh mùn cưa, dăm bào chiếm 498.461 kg/năm tương đương 5,36%	7.255.670

(Nguồn: Tính toán)

Các loại nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất và vận chuyển như sau:

Bảng 1. 5. Khối lượng nhiên liệu sử dụng

Stt	Tên và quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Dầu Diesel	Lít/năm	53.420	Vận hành xe nâng
2	Nhớt	Lít/năm	4.500	Vận hành máy móc
3	Củi vụn	Kg/năm	378.000	Lò hơi

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Các loại hóa chất sử dụng cho quá trình sản xuất:

Bảng 1. 6. Danh mục hóa chất trong sản xuất

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
1	Paste màu đen alkyd	20-BVN-024	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 155 đến 210°C (311 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 34°C (93.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 6.5% Mật độ: 1.15g/cm ³ Tính dẻo: 75-85 KU (25°C)	1,2,4-trimethylbenzene 2,6-di-tert-butyl-p-cresol Ethylbenzene 2-butanone oxime	95-63-6 128-37-0 100-41-4 96-29-7	C9H12 C15H24O 100-41-4 C4H9NO	≤2.2 <0.25 ≤0.3 ≤0.3
2	Paste màu alkyd – màu nâu van dyke	20-DVN-022	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 81 đến 300°C (177.8 đến 572°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 12.75% Mật độ: 1.08g/cm ³ Tính dẻo: 70-75 KU (25°C)	1,2,4-trimethylbenzene Isopropyl alconhol Ethylbenzene	95-63-6 67-63-0 100-41-4	C9H12 C3H8O C8H10	<2.5 ≤2 ≤0.3
3	Paste màu alkyd – màu nâu burnt umber	20-DVN-023	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 118 đến 210°C (244.4 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 34°C (93.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 11.2% Mật độ: 1.25g/cm ³ Tính dẻo: 60-70 KU (25°C)	Manganese dioxide 1,2,4-trimethylbenzene 2,6-di-tert-butyl-p-cresol 2-butanone oxime Ethylbenzene	1313-13-9 95-63-6 128-37-0 96-29-7 100-41-4	MnO2 C9H12 C15H24O C4H9NO C8H10	≤10 ≤3 <0.25 ≤0.3 ≤0.3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
4	Paste màu đen N/C carbon	30-BVN-035	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 35 đến 146°C (95 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.2%; Trên: 15% Mật độ: 0.91g/cm ³ Tính dẻo: 54-61 KU (25°C)	Butylaxetat Ethyl acetate Muội than 2-methylpropan-1-ol Isopropyl alconhol Axeton	123-86-4 141-78-6 1333-86-4 78-83-1 67-63-0 67-64-1	C6H12O2 C4H8O2 C C4H10O C3H8O C3H6O	≥10-≤20 ≥10-≤25 ≤5 ≤5 ≤5 ≤5
5	Chất giảm bóng dạng Paste	50-CVN-324	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 146°C (132.8 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.99g/cm ³	Butylaxetat Silica gel Xylene Ethylbenzene Axeton Toluen	123-86-4 112926-00-8 1330-20-7 100-41-4 67-64-1 108-88-3	C6H12O2 SiO2 C8H10 C8H10 C3H6O C7H8	≥10-≤25 ≥10-≤20 ≥10-≤22 ≤5 ≤3 ≤0.3
6	Dung môi reducer E003	50-XVN-018	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 112 đến 129°C (233.6 đến 264.2°F) Điểm bùng cháy: 19°C (66.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.4%; Trên: 15% Mật độ: 0.88g/cm ³	Butylaxetat	123-86-4	C6H12O2	≥90
7	Dung môi pha glaze varsol 18	50-XVN-234	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 155 đến 213°C (311 đến 415.4°F) Điểm bùng cháy: 34°C (93.2°F)	Naphtha 1,2,4-trimethylbenzene mesitylene Ethylbenzene	64742-82-1 95-63-6 108-67-8 100-41-4	C-H C9H12 C9H12 C8H10	≥90 <10 ≤3 ≤0.3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.6%; Trên: 7% Mật độ: 0.78g/cm ³				
8	Dung môi Lactol CPL	50-XVN-2454	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 111°C (172.4 đến 231.8°F) Điểm bùng cháy: -15°C (5°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 8% Mật độ: 0.73g/cm ³	Naphtha Toluen	64742-49-0 108-88-3	- C7H8	≥90 ≤3
9	Dung môi chậm khô CPL	50-XVN-2455	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 147 đến 172°C (296.6 đến 341.6°F) Điểm bùng cháy: 39°C (102.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.1%; Trên: 10.6% Mật độ: 0.82g/cm ³	Heptan-2-one 2-butoxyethanol	110-43-0 111-76-2	C7H14O C6H14O2	≥90 ≤3
10	Màu NGR xanh CONC	92-AVN-010	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 74 đến 143°C (165.2 đến 289.4°F) Điểm bùng cháy: 0°C (32°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 0.85g/cm ³	Xylene Ethyl acetate Ethylbenzene Rượu metylic Toluen	1330-20-7 141-78-6 100-41-4 67-56-1 108-88-3	C8H10 C4H8O2 C8H10 CH4O C7H8	≥10-≤25 <10 ≤5 ≤3 ≤0.3
11	Màu NGR đen CONC	92-BVN-007	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 74 đến 143°C (165.2 đến 289.4°F)	Xylene Ethyl acetate Ethylbenzene	1330-20-7 141-78-6 100-41-4	C8H10 C4H8O2 C8H10	≥10-≤25 <10 ≤7.5

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Điểm bùng cháy: -4°C (24.8°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 0.81g/cm ³	Isopropyl alconhol Rượu metylic Toluen	67-63-0 67-56-1 108-88-3	C3H8O CH4O C7H8	≤3 ≤3 ≤0.3
12	Màu Orange dye solution	92R-OVN-021	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 77 đến 84°C (170.6 đến 183.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 2.31%; Trên: 19% Mật độ: 0.8g/cm ³	Isopropyl alconhol Rượu metylic	67-63-0 67-56-1	C3H8O CH4O	≤3 <5
13	Màu Red Dye Solution	92R-RVN-023	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 77 đến 84°C (170.6 đến 183.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 2.31%; Trên: 19% Mật độ: 0.81g/cm ³	Isopropyl alconhol Rượu metylic	67-63-0 67-56-1	C3H8O CH4O	≤3 <5
14	Màu NGR vàng CONC	92-YVN-005	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Mật độ: 0.82g/cm ³	Amines Isopropyl alconhol Rượu metylic	85029-58-9 67-63-0 67-56-1	Cr-C-H-N-O C3H8O CH4O	≤10 <5 ≤3
15	Sơn bóng Butyrate 5%	366-5VN-228	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 172°C (132.8 đến 341.6°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F)	Butylaxetat Xylene Ethyl acetate Axeton Ethylbenzene	123-86-4 1330-20-7 141-78-6 67-64-1 100-41-4	C6H12O2 C8H10 C4H8O2 C3H6O C8H10	≥25-≤50 ≥10-≤25 ≤10 ≤10 ≤5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 0.91g/cm ³ Tính dẻo: 16-18 SEC (25°C)	2-butoxyethanol Toluen	111-76-2 108-88-3	C6H14O2 C7H8	≤3 ≤0.3
16	Sơn bóng Butyrate 10%	366- 10VN- 227	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 146°C (132.8 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 13% Mật độ: 0.92g/cm ³ Tính dẻo: 16-20 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Ethyl acetate Axeton Ethylbenzene Toluen	123-86-4 1330-20-7 141-78-6 67-64-1 100-41-4 108-88-3	C6H12O2 C8H10 C4H8O2 C3H6O C8H10 C7H8	≥25-≤50 ≥25-≤47 ≤5 ≤10 ≤5 ≤0.3
17	Sơn bóng Butyrate 30%	366- 30VN- 230	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 146°C (132.8 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 13% Mật độ: 0.91g/cm ³ Tính dẻo: 16-20 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Ethyl acetate Axeton Ethylbenzene Toluen	123-86-4 1330-20-7 141-78-6 67-64-1 100-41-4 108-88-3	C6H12O2 C8H10 C4H8O2 C3H6O C8H10 C7H8	≥25-≤50 ≥25-≤47 ≤5 ≤10 ≤5 ≤0.3
18	Base coat trắng cho poly	373- WVN- 017	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 200°C (172.4 đến 392°F) Điểm bùng cháy: -15°C (5°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.7%; Trên: 19% Mật độ: 1.03g/cm ³	Titan dioxit Butylaxetat Toluen Isopropyl alconhol Xylene Ethylbenzene 2-methylpropan-1-ol	13463-67-7 123-86-4 108-88-3 67-63-0 1330-20-7 100-41-4 78-83-1	TiO2 C6H12O2 C7H8 C3H8O C8H10 C8H10 C4H10O	≥10-≤25 ≥10-≤25 ≤10 ≤10 ≤5 ≤3 ≤5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Tính dẻo: 19-21 SEC (25°C)				
19	Sơn bóng waxing 30%	402-30VN-020	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 74 đến 394°C (165.2 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: -4°C (24.8°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.94g/cm ³ Tính dẻo: 26-28 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol Ethyl acetate 2-methylpropan-1-ol Heptan-2-one Ethylbenzene	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 141-78-6 78-83-1 110-43-0 100-41-4	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H8O2 C4H10O C7H14O C8H10	≥25-≤50 ≥10-≤20 ≤5 ≤5 ≤3 ≤3 ≤3
20	Sơn bóng waxing 50%	402-50VN-028	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 74 đến 394°C (165.2 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: -4°C (24.8°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.94g/cm ³ Tính dẻo: 26-28 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol Ethyl acetate 2-methylpropan-1-ol Ethylbenzene	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 141-78-6 78-83-1 100-41-4	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H8O2 C4H10O C8H10	≥25-≤50 ≥10-≤20 ≤5 ≤5 ≤3 ≤3
21	Sơn bóng nitrosilk uv prot 5%	403-5VN-666	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 784 đến 394°C (165.2 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 1g/cm ³ Tính dẻo: 30-40 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol 2-methylpropan-1-ol Ethyl acetate Ethylbenzene Heptan-2-one	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 78-83-1 141-78-6 100-41-4 110-43-0	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H10O C4H8O2 C8H10 C7H14O	≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤10 ≤5 ≤3 ≤3 ≤3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
22	Son bóng nitrosilk uv prot 10%	403-10VN-667	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 394°C (132.8 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 1g/cm ³ Tính dẻo: 30-40 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol 2-methylpropan-1-ol Ethylbenzene axeton Heptan-2-one	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 78-83-1 100-41-4 67-64-1 110-43-0	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H10O C8H10 C3H6O C7H14O	≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤10 ≤5 ≤3 ≤3 ≤3
23	Son bóng nitrosilk uv prot 30%	403-30VN-669	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 394°C (132.8 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.99g/cm ³ Tính dẻo: 30-40 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol 2-methylpropan-1-ol Ethylbenzene axeton Heptan-2-one	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 78-83-1 100-41-4 67-64-1 110-43-0	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H10O C8H10 C3G6O C7H14O	≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤10 ≤5 ≤3 ≤3 ≤3
24	Son bóng nitrosilk 50%	403-50VN-593	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 394°C (132.8 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.97g/cm ³ Tính dẻo: 30-35 SEC	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol 2-methylpropan-1-ol Ethylbenzene Axeton	123-86-4 1330-20-7 67-63-0 78-83-1 100-41-4 67-64-1	C6H12O2 C8H10 C3H8O C4H10O C8H10 C3G6O	≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤10 ≤5 ≤3 ≤5
25	Son lót NC Solid Cao Nitro seal	422-CVN-216	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Mật độ: 1.02g/cm ³	Butylaxetat Xylene Isopropyl alconhol	123-86-4 1330-20-7 67-63-0	C6H12O2 C8H10 C3H8O	≥10-≤25 ≤10 ≤10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
				Ethy acetate	141-78-6	C4H8O2	≤10
				2-butoxyethanol	111-76-2	C6H14O2	≤5
				Axeton	67-64-1	C3G6O	≤5
				Kẽm stearat	557-05-1	C36H70O4	<2.5
				ethylbenzene	100-41-4	Zn	≤0.3
						C8H10	
26	Sơn lót Nitro seal UV protective	422-CVN-230	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 394°C (172.4 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 1.02g/cm ³ Tính dẻo: 50-70 SEC (25°C)	Butylaxetat	123-86-4	C6H12O2	≥10-≤25
				Xylene	1330-20-7	C8H10	<10
				Isopropyl alconhol	67-63-0	C3H8O	<10
				ethylbenzene	100-41-4	C8H10	≤0.3
27	Sơn lót NC HI-SOLID	422-VN-050	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Mật độ: 1g/cm ³	Butylaxetat	123-86-4	C6H12O2	≥10-≤25
				Xylene	1330-20-7	C8H10	≥10-<22
				Isopropyl alconhol	67-63-0	C3H8O	≥10-≤25
				Kẽm stearat	557-05-1	C36H70O4	<2.5
				ethylbenzene	100-41-4	Zn	≤3
						C8H10	
28	Màu Rel Stain đen	430-BVN-079	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 35 đến 146°C (95 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 0.9g/cm ³	Butylaxetat	123-86-4	C6H12O2	≥25-≤50
				Xylene	1330-20-7	C8H10	≥25-≤44
				2-methylpropan-1-ol	78-83-1	C4H10O	≤10
				ethylbenzene	100-41-4	C8H10	≤10
				Ethy acetate	141-78-6	C4H8O2	≤5
				Muội than	1333-86-4	C	≤3
				Axeton	67-64-1	C3H6O	≤3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Tính dẻo: 16-18 SEC (25°C)	Toluen	108-88-3	C7H8	≤0.3
29	Màu Rel stain vàng	430-YVN-011	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 172°C (172.4 đến 341.6°F) Điểm bùng cháy: -15°C (5°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 19% Mật độ: 0.86g/cm ³	Butylaxetat Xylene 2-methylpropan-1-ol 2-butoxyethanol ethylbenzene	123-86-4 1330-20-7 78-83-1 111-76-2 100-41-4	C6H12O2 C8H10 C4H10O C6H14O2 C8H10	≥25-≤50 ≤5 ≤10 ≤5 <1
30	Màu Rel stain đỏ	432-RVN-054	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 35 đến 172°C (95 đến 341.6°F) Điểm bùng cháy: -1°C (30.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.9g/cm ³ Tính dẻo: 14-16 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene 2-methylpropan-1-ol 2-butoxyethanol ethylbenzene Ethyl acetate Isopropyl alcohol	123-86-4 1330-20-7 78-83-1 111-76-2 100-41-4 141-78-6 67-63-0	C6H12O2 C8H10 C4H10O C4H10O C8H10 C4H8O2 C3H8O	≥25-≤50 ≤9.1 ≤10 ≤9.3 ≤3 ≤5 ≤3
31	Sơn lót NC trắng	450-WVN-111	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Mật độ: 1.18g/cm ³	Butylaxetat Titan dioxit Xylene ethylbenzene Isopropyl alcohol Axeton	123-86-4 13463-67-7 1330-20-7 100-41-4 67-63-0 67-64-1	C6H12O2 TiO2 C8H10 C8H10 C3H8O C3H6O	≥10-≤25 ≥10-≤20 ≥10-≤22 ≤3 ≤7.9 ≤2
32	Màu Basecoat NC trắng	450-WVN-677	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 394°C (172.4 đến 741.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F)	Butylaxetat Titan dioxit Xylene ethylbenzene Kẽm stearat	123-86-4 13463-67-7 1330-20-7 100-41-4 557-05-1	C6H12O2 TiO2 C8H10 C8H10	≥10-≤25 ≥10-≤18 <10 ≤3 ≤1.2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.02%; Trên: 19% Mật độ: 1.14g/cm ³ Tính dẻo: 40-42 SEC (25°C)			C36H70O4 Zn	
33	Dung môi pha sơn	480-XVN-212	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Mật độ: 0.84g/cm ³	Butylaxetat Xylene 2-butoxyethanol ethylbenzene Isopropyl alconhol Axeton Toluen	123-86-4 1330-20-7 111-76-2 100-41-4 67-63-0 67-64-1 108-88-3	C6H12O2 C8H10 C4H10O C8H10 C3H8O C3H6O C7H8	≥25-≤50 ≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤5 ≤4.7 ≤3 ≤0.3
34	Dung môi pha sơn	480-XVN-214	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Mật độ: 0.87g/cm ³	Butylaxetat Xylene 2-butoxyethanol ethylbenzene Isopropyl alconhol Axeton Toluen	123-86-4 1330-20-7 111-76-2 100-41-4 67-63-0 67-64-1 108-88-3	C6H12O2 C8H10 C4H10O C8H10 C3H8O C3H6O C7H8	≥25-≤50 ≥10-≤25 ≥10-≤19 ≤5 ≤4.7 ≤3 ≤0.3
35	Dung môi pha sơn NC	480-XVN-2426	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 122 đến 129°C (251.6 đến 264.2°F) Điểm bùng cháy: 27°C (80.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.4%; Trên: 7.6% Mật độ: 0.88g/cm ³	Butylaxetat	123-86-4	C6H12O2	65-100

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
36	Dung môi chậm khô CPL	480-XVN-3660	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 146 đến 172°C (294.8 đến 341.6°F) Điểm bùng cháy: 42°C (107.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.1%; Trên: 10.6% Mật độ: 0.97g/cm ³	2-methoxypropyl acetate 2-butoxyethanol	70657-70-4 111-76-2	C6H14O2 C6H12O3	≤3 ≤0.3
37	Dung môi pha màu ngr smoothcoat	500-XVN-221	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 56 đến 146°C (132.8 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: -20°C (-4°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.2%; Trên: 36.5% Mật độ: 0.85g/cm ³	Toluen Rượu Metylic Butylaxetat Axeton	108-88-3 67-56-1 123-86-4 67-64-1	C7H8 CH4O C6H12O2 C3H6O	≥10-≤25 ≥10-≤15 ≥10-≤25 ≥10-≤25
38	Dung môi pha màu Pad stain	502-CVN-060	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 119°C (172.4 đến 246.2°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.4%; Trên: 19% Mật độ: 0.8g/cm ³	Isopropylalconhol Butan-1-ol	67-63-0 71-36-3		35-45 1-5
39	Dung môi pha màu lau penetrating 548	548-XVN-002	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 109 đến 200°C (228.2 đến 392°F) Điểm bùng cháy: 4°C (39.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.7%; Trên: 8%	Toluen Xylene Solvent naphtha, light arom ethylbenzene	108-88-3 1330-20-7 64742-95-6 100-41-4	C7H8 C8H10 - C8H10	≥25-≤50 ≥25-≤44 ≥10-≤25 ≤10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Mật độ: 0.87g/cm ³				
40	Dung dịch pha Pu glaze	560-CVN-195	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 140 đến 213°C (284 đến 415.4°F) Điểm bùng cháy: 41°C (105.8°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.6%; Trên: 7% Mật độ: 0.9g/cm ³	Solvent naphtha, light arom Solvent naphtha, heavy arom naphtha	64742-95-6 64742-94-5 91-20-3	- - C10H8	≥50-≤75 ≥10-≤25 <2.5
41	Dung dịch pha màu lau glaze	560-CVN-359	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 65 đến 210°C (149 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 36.5% Mật độ: 0.84g/cm ³ Tính dẻo: 14-16 SEC (25°C)	Xylene Rượu metylic 1,2,4-trimethylbenzene Ethylbenzene Mesitylene 2-butanone oxime	1330-20-7 67-56-1 95-63-6 100-41-4 108-67-8 96-29-7	C8H10 CH4O C9H12 C8H10 C9H12 C4H9NO	≤8.9 ≤3.5 ≤5 ≤3 ≤3 ≤0.3
42	Dung dịch pha màu lau glaze non-yellowing	560-CVN-379	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 65 đến 210°C (149 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 36.5% Mật độ: 0.82g/cm ³	Rượu metylic 1,2,4-trimethylbenzene Ethylbenzene Mesitylene 2-butanone oxime	67-56-1 95-63-6 100-41-4 108-67-8 96-29-7		1-5 1-5 0-1 1-5 0-1
43	Màu lau powder glaze trắng	560-WVN-117	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 78 đến 166°C (172.4 đến 330.8°F) Điểm bùng cháy: -15°C (5°F)	Titan dioxit toluen	13463-67-7 108-88-3	TiO2 C7H8	≥10-<20 ≤10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.07%; Trên: 8% Mật độ: 1.12g/cm ³ Tính dẻo: 85-95 KU (25°C)				
44	Chất chống chảy	644-CVN-037	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 100°C (212°F) Mật độ: 1g/cm ³	Theo nhà cung cấp không có thành phần nào độc hại với sức khỏe và môi trường.			
45	Sơn bóng PU 5%	822-5VN-536	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 112 đến 146°C (233.6 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.98g/cm ³	Butylaxetat Xylene Isopropyl alcohol	123-86-4 1330-20-7 67-63-0		45-55 5-15 1-5
46	30 SHEEN PU TOPCOAT	822-30VN-134	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 74 đến 146°C (165.2 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 0.96g/cm ³ Tính dẻo: 22-28 SEC	n-butyl acetate xylene ethyl acetate isopropyl alcohol ethylbenzene	123-86-4 1330-20-7 141-78-6 67-63-0 100-41-4	C6H12O2 C8H10 C4H8O2 C3H8O C8H10	≥25-≤50 ≥20-≤22 ≤10 ≤5 ≤3
47	Sơn lót Pu polyglass (338)	822-CVN-2716	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 82 đến 143°C (179.6 đến 289.4°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F)	Xylene Butylaxetat Kẽm stearat ethylbenzene	1330-20-7 123-86-4 557-05-1 100-41-4	C8H10 C6H12O2 C36H70O4 Zn C8H10	≥10-≤25 ≤10 ≤5 ≤3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.02%; Trên: 15% Mật độ: 1.13g/cm ³ Tính dẻo: 78-84 SEC (25°C)				
48	Sơn lót pu màu nâu cho poly	822-DVN-2641	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 112 đến 146°C (233.6 đến 294.8°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1%; Trên: 15% Mật độ: 1.16g/cm ³ Tính dẻo: 11-15 SEC (25°C)	Butylaxetat Xylene Titan dioxit isopropyl alcohol toluen ethylbenzene metyl meta crylat	123-86-4 1330-20-7 13463-67-7 67-63-0 108-88-3 100-41-4 80-62-6	C6H12O2 C8H10 TiO2 C3H8O C7H8 C8H10 C5H8O2	≥25-≤50 ≤5 ≤3 ≤3 <1 <1 ≤0.3
49	Chất cứng 3286	822-JVN-106	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 125 đến 126°C (257 đến 258.8°F) Điểm bùng cháy: 22°C (71.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.2%; Trên: 7.6% Mật độ: 0.98g/cm ³	Butylaxetat Benzene	123-86-4 26426-91-5	C6H12O2 C-H-N-O	≥50-≤75 ≥10-<25
50	Sơn lót pu hisolid màu trắng	822-WVN-2464	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 112 đến 143°C (233.6 đến 289.4°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.02%; Trên: 15% Mật độ: 1.29g/cm ³ Tính dẻo: 60-70 FU (25°C)	Titan dioxit Xylene Butylaxetat Kẽm stearat ethylbenzene	13463-67-7 1330-20-7 123-86-4 557-05-1 100-41-4	TiO2 C8H10 C6H12O2 C36H70O4 Zn C8H10	≥10-≤25 <10 ≤5 ≤3 ≤3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
51	Sơn bóng AC 20% UVA HQ	830-20VN-422	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 65 đến 153°C (149 đến 307.4°F) Điểm bùng cháy: 12°C (53.6°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 1.11%; Trên: 36.5% Mật độ: 0.99g/cm ³ Tính dẻo: 20-25 SEC (25°C)	Butylacetat isopropyl alcohol Xylene 1,3,5-triazine-2,4,6-triamine 2-methylpropan-1-ol ethyl acetate ethylbenzene silixa gel rượu metulic heptan-2-one isopropyl alcohol fomaldehyt	123-86-4 - 1330-20-7 68002-25-5 78-83-1 141-78-6 100-41-4 112926-00-8 67-56-1 110-43-0 67-63-0 50-00-0	C6H12O2 C-H-N-O C8H10 C-N-H-O C4H10O C4H8O2 C8H10 SiO2 CH4O C7H14O C3H8O CH2O	≥10-≤15 ≤10 ≤9.1 ≤7.5 ≤6.6 ≤3 ≤3 ≤3 ≤2 ≤2.1 ≤1.4 ≤0.3
52	Bột bã không màu	912-CVN-018	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 155 đến 210°C (311 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 34°C (93.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.7%; Trên: 6.5% Mật độ: 1.51g/cm ³	Naphtha 2-butanone oxime	64742-82-1 96-29-7	C-H C4H9NO	≥10-≤25 <1
53	Bột bã VDB	912-DVN-109	Trạng thái: Chất lỏng Điểm sôi: 152 đến 210°C (305.6 đến 410°F) Điểm bùng cháy: 34°C (93.2°F) Giới hạn nổ: Thấp hơn: 0.6%; Trên: 7% Mật độ: 1.4g/cm ³	Naphtha 1,2,4-trimethylbenzene Ethylbenzene	64742-82-1 95-63-6 100-41-4	C-H C9H12 C8H10	≥25-≤50 <2.5 ≤0.3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Tính dẻo: 86-92 KU (25°C)				
54	EPI 1913 1200kg	AV19130 12000	Trạng thái: Chất lỏng pH: 6.5 đến 8 Điểm sôi: 100°C (212°F) Điểm bùng cháy: 70°C (158°F) Mật độ: 1.27g/cm ³ Tính dẻo: 7-10 Pa.s (25°C)	bronopol	52-51-7	C3H6BrN O4	<0.025
55	Hardener 1999 250kg	A199900 250	Trạng thái: Chất lỏng pH: 6.5 đến 8 Điểm bùng cháy: 100°C (212°F) Mật độ: 1.24g/cm ³	Isocyanic acid	9016-87-9	C-H-N-O	100
56	Hot melt 3232 20kg	A323200 020	Trạng thái: Chất lỏng Điểm bùng cháy: 100°C (212°F) Mật độ: 1.05g/cm ³	Theo nhà cung cấp không có thành phần nào độc hại với sức khỏe và môi trường.			
57	KEO	TECHBO ND HM 11-8004	Hình thể: Hạt Màu: Vàng đục Mùi: nhẹ Nhiệt độ tan chảy: 109 ± 5°C Độ nhớt: 56000 ± 7000 (200°C) Trọng lượng riêng: 1.17 ± 0.05 (30°C)	Ethylene copolymer Hydrocarbon resin wax	24937-78-8 9002-88-4		30-<60% 10-<60% 10-<30%
58	KEO	NPEL- 128S	Trạng thái: Chất lỏng Màu: Vàng Mùi: nhẹ Điểm sáng: >250°C Mật độ: (20°C) 1.16g/cm ³ . Sự hòa tan: (20°C)	Bisphenol-A epoxy resin	25068-38-6		100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mã sản phẩm GHS	Mã sản phẩm	Đặc tính lý, hóa	Thành phần nguy hiểm (Theo MSDS)			
				Tên thành phần	Số CAS	CTHH	%
			Độ nhớt: (25°C) 19000-24000cps				
59	AQUENCE WL SRLV 1100kg (keo dán)	IDH1471 099	Trạng thái: Lỏng Mùi: dễ chịu, mùi ngọt pH: 6.0-7.0 Trọng lượng riêng: 1.1 Điểm sôi: 100°C (212°F) Độ nhớt: 4.000-6.000	Aluminium chlorohydrate Methanol DMSO Boric acid Aluminium chloride Mixture	12042-91-0 67-56-1 64741-88-4 10043-35-3 7446-70-0 55965-84-9		0.1-1%

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- *Nguồn cung cấp điện:*

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án được lấy từ lưới điện Quốc gia. Việc cung cấp điện do Công ty Điện lực Bình Dương – Điện lực Tân Uyên thực hiện thông qua đơn vị hạ tầng để cung cấp.

- *Nhu cầu tiêu thụ điện:*

Nhu cầu sử dụng điện của nhà máy để vận hành dây chuyền sản xuất, hoạt động văn phòng,...

Nhu cầu sử dụng điện cho cơ sở: 350.966 Kwh/tháng (căn cứ theo hóa đơn điện 03 tháng gần nhất).

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- *Nguồn cung cấp nước:*

Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương – Chi nhánh Tân Uyên.

- *Mục đích sử dụng:*

Cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên, nước cấp cho sản xuất, cung cấp cho hoạt động nấu ăn, ký túc xá nhân viên, cán bộ, nước tưới cây, rửa đường, PCCC,...

- *Nhu cầu sử dụng nước:*

Căn cứ vào hóa đơn sử dụng nước tháng 01, 02, 03/2022, lượng nước sử dụng trung bình khoảng 1.168 m³/tháng tương đương 44,9 m³/ngày. (với 1 năm làm việc 312 ngày, một tháng 26 ngày). Chi tiết các nguồn sử dụng nước như sau:

Bảng 1. 7. Tổng nhu cầu sử dụng nước hiện tại của dự án

Stt	Mục đích sử dụng	Quy mô hiện hữu	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày) Hiện hữu	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	580 nhân viên	5,2	Phát sinh 100% nước thải
2	Nước cấp cho nhà ăn	580 nhân viên	2,86	
3	Nước cấp cho KTX	40 nhân viên	1	
4	Nước cấp cho sơn màng nước (13 buồng sơn)	Dung tích 13,63m ³ Hàng ngày bổ sung 10% lượng nước bay hơi	14,99	Định kỳ 1 năm/lần thải bỏ với lưu lượng bằng bể chứa nước tuần hoàn
5	Nước cấp bể chứa nước tuần hoàn	7,89 m ³	7,89	Định kỳ 1 năm/lần
6	Nước lò hơi (5 tấn/giờ)	10 m ³ Hàng ngày bổ sung 10% lượng nước bay hơi	11	Không phát sinh

Stt	Mục đích sử dụng	Quy mô hiện hữu	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày) Hiện hữu	Ghi chú
7	Nước cấp cho dập bụi lò hơi	Thể tích bể dập bụi lò hơi 12m ³ . Hàng ngày bổ sung 0,24 m ³	1,44	Định kỳ 2 tuần/lần. Với lưu lượng 1m ³ /2 tuần
8	Nước tưới cây và rửa đường	$Q_t=10\%$ nước cấp sinh hoạt	0,52	
Tổng			44,9	

Hiện nay do tình hình sản xuất chưa đạt đúng mục tiêu, do đó lượng công nhân chưa ở mức tối đa. Dự kiến để sản xuất đúng mục tiêu đề ra, công ty cần sử dụng 1.500 công nhân. Do đó nhu cầu sử dụng nước có thể thay đổi ở mức như sau:

Bảng 1. 8. Dự báo nhu cầu sử dụng nước của 1.500 công nhân

Stt	Mục đích sử dụng	Quy mô hiện hữu	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày) Hiện hữu	Lượng xả thải	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	1.500 nhân viên 80l/người/ngày	120	Phát sinh 100% nước thải	QCVN 01:2021/BXD
2	Nước cấp cho nhà ăn	1.500 nhân viên 18l/người/ngày	27		TCVN 4513:1988
3	Nước cấp cho KTX	40 nhân viên 75l/người/ngày	3,75		
4	Nước cấp cho sơn màng nước (13 buồng sơn)	Dung tích 13,63m ³ Hàng ngày bổ sung 10% lượng nước bay hơi	14,99	Định kỳ 1 năm/lần thải bỏ với lưu lượng bằng bể chứa nước tuần hoàn	Tính toán của công ty
5	Nước cấp bể chứa nước tuần hoàn	7,89 m ³	7,89	Định kỳ 1 năm/lần	
6	Nước lò hơi (5 tấn/giờ)	10 m ³ Hàng ngày bổ sung 10% lượng nước bay hơi	11	Không phát sinh nước thải	Thể tích bồn chứa
7	Nước cấp cho dập bụi lò hơi	Thể tích bể dập bụi lò hơi 12m ³ .	1,44	Định kỳ 2 tuần/lần. Với lưu	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Mục đích sử dụng	Quy mô hiện hữu	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày) Hiện hữu	Lượng xả thải	Ghi chú
		Hàng ngày bổ sung 0,24 m ³		lượng 1m ³ /2 tuần	
8	Nước tưới cây và rửa đường	Tưới cây 3l/m ² /ngày.đêm. Rửa đường 0,4l/m ² /ngày	134,91	Không phát sinh nước thải	Theo QCVN 01:2021/BXD
Tổng			320,98		

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình.

❖ Các hạng mục công trình chính.

Địa điểm thực hiện dự án: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH Lode Star đã đầu tư xây dựng nhà xưởng với một số công trình phụ trợ với tổng diện tích đất 177.477 m².

Hạ tầng cơ sở của dự án đã được hoàn chỉnh, với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1. 9. Bảng hạng mục công trình của dự án.

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
A	Hạng mục công trình chính	68.749,84	38,73
1	Nhà xưởng 1 (Xưởng Sơn)	5.888	3,32
2	Xưởng 1 mở rộng	828	0,47
3	Nhà xưởng 2 (Xưởng Gỗ)	5.888	3,32
4	Nhà xưởng 3 (Kho nguyên liệu)	10.086,2	5,68
5	Văn phòng	668,74	0,38
6	Nhà xưởng A	13.652	7,69
7	Nhà xưởng B	16.132	9,09
8	4 nhà vệ sinh liền kề (xưởng 1,2,a,b)	288	0,16
9	Nhà xưởng D	4.176	2,35
10	Nhà xưởng D1	4.800	2,7
11	Nhà xưởng D2	2.208	1,24
12	Nhà xưởng 3A	3.115,4	1,76
13	Kho mốp xốp	486	0,27
14	Kho sơn	241,5	0,14
15	Nhà bảo vệ	42	0,02
16	Trạm điện	250	0,14
B	Hạng mục công trình phụ trợ	10.376,25	5,85

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
1	Sây gỗ	378,3	0,21
2	Sây gỗ mở rộng	468	0,26
3	Nhà hút bụi	57,5	0,03
4	Nhà nghỉ Trung Quốc	480	0,27
5	Nhà nghỉ Đài Loan	316,25	0,18
6	KTX công nhân	2.192,13	1,24
7	Nhà xe công nhân	1.835,33	1,03
8	Nhà xe văn phòng	1.478,54	0,83
9	Nhà ăn công nhân	1.121,74	0,63
10	Nhà ăn văn phòng	764,95	0,43
11	Đường vào nhà ăn	408,15	0,23
12	Nhà tắm, NVS công nhân	51,36	0,03
13	Nhà nghỉ ca 1	412	0,23
14	Nhà nghỉ ca 2	412	0,23
C	Hạng mục công trình bảo vệ Môi trường	813,03	0,46
1	Hồ xử lý nước thải	500	0,28
2	Phòng máy phát điện	139,74	0,08
3	Trạm bơm PCCC	24,49	0,01
4	Kho lưu trữ chất thải		
4.1	Chất thải sinh hoạt	24	0,01
4.2	Chất thải công nghiệp	58,8	0,03
4.3	Chất thải nguy hại		
-	Thùng phi, cặn sơn	42	0,02
-	Vải lau nhiễm hóa chất	24	0,01
D	Hạng mục công trình khác	97.537,88	54,96
1	Sân đường	27.160,52	15,3
2	Cây xanh	35.495,4	20
3	Đất trống	34.881,96	19,65
Diện tích đất		177.477	100%

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

❖ **Đặc tính các hạng mục công trình**

Nhà xưởng được bố trí đường cứu hỏa bao quanh rộng 10 mét.

Xung quanh nhà xưởng được bố trí các khoảng trồng cây thông thoáng và tạo cảnh quan đẹp.

Kiến trúc chung của nhà xưởng là móng, đà kiềng, khung cột bằng bê tông cốt thép, kèo và xà gồ bằng BTCT, mái và vách dùng tole, nền đổ bê tông, kết hợp các cửa sổ thông gió. Hệ thống cửa sổ, cửa đi bố trí thông thoáng và hợp lý, đáp ứng được chức năng sản xuất và đảm bảo an toàn, thông gió, thuận lợi khi vận hành và thoát hiểm khi có sự cố.

❖ **Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.**

➤ *Phòng máy phát điện*

Phòng máy phát điện được tách riêng với nhà xưởng, diện tích là 139,74 m².

Kết cấu: móng, đà kiềng, cột, bằng BTCT; mái lợp tole, hệ đỡ mái bằng thép; tường xây gạch, sơn nước; nền BTCT.

➤ *Trạm bơm PCCC*

Trạm bơm PCCC được tách riêng với nhà máy, diện tích nhà chứa là 24,49 m².

Kết cấu: móng, đà kiềng, cột, bằng BTCT; mái lợp tole, hệ đỡ mái bằng thép; tường xây gạch, sơn nước; nền BTCT.

➤ *Nhà kho chứa chất thải tập trung.*

Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải tập trung có diện tích 309,2 m² để lưu chứa các thành phần chất thải công nghiệp thông thường và nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất. Kho chứa được xây dựng như sau:

- Được phân thành từng ô riêng biệt. Nơi lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại.
- Cách ly với các hạng mục công trình khác.
- Có tường bao, mái che kín để tránh nắng, mưa.
- Nền của khu vực này được xây dựng bằng xi măng.
- Kho chứa được xây gờ đảm bảo không ngập.
- Có bảng cảnh báo nguy hại.

→ Đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và chuyển giao để xử lý theo đúng quy định.

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty.

Bảng 1. 10. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất của Công ty.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Hiện trạng
1	Bàn nâng	3	Đài Loan	Nâng hàng	85%
2	Băng chuyền tải	4	Đài Loan	Chà nhám	85%
3	Băng tải cao su	5	Việt Nam	Lăn sơn	85%
4	Băng tải máy chà nhám gỗ bằng cao su	4	Đài Loan	Chà nhám	85%
5	Băng tải ván ép	2	Đài Loan	Ép ván	85%
6	Bộ điều khiển của hệ thống báo cháy	1	Việt Nam	Báo cháy	85%
7	Bồn khuấy dung môi	2	Đài Loan	Khuấy sơn, dung môi	85%
8	Bồn phun sơn	15	Đài Loan	Phun sơn	85%
9	Cầu dao đảo thùng	1	Đài Loan	Khuấy sơn	85%
10	Chân ống hút khói lò hơi	1	Việt Nam	Hệ thống lò hơi	85%
11	Công trình đường ống hơi	1	Việt Nam	Hệ thống hơi	85%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Hiện trạng
12	Container	2	Việt Nam	Kho	85%
13	Đại tu hệ thống PCCC	1	Đài Loan	PCCC	85%
14	Dây chuyên băng tải	12	Đài Loan	Đóng gói, lắp ráp	85%
15	Dây chuyên sơn	1	Đài Loan	Sơn hàng	85%
16	Hệ thống đường ống sơn	1	Việt Nam	Dẫn sơn để phun sơn	85%
17	Hệ thống hơi	1	Đài Loan	Phun sơn, súng bắn, chà nhám	85%
18	Hệ thống lọc bụi	1	Việt Nam	Lọc bụi	85%
19	Hệ thống máy hút bụi	7	Việt Nam	Hút bụi	85%
20	Hệ thống PCCC	5	Đài Loan	PCCC	85%
21	Hệ thống phun hút bụi sơn	2	Đài Loan	Hút bụi bồn sơn	85%
22	Hệ thống phun sơn	3	Đài Loan	Phun sơn	85%
23	Hệ thống sấy gỗ	1	Đài Loan	Sấy gỗ	85%
24	Hệ thống sấy hơi nước	1	Trung Quốc	Sấy gỗ	85%
25	Hộp điều khiển dùng trong hệ thống phun sơn	1	Đài Loan	Hệ thống phun sơn	85%
26	Lắp đặt bồn lọc (bên trong lò hơi)	1	Đài Loan	Lọc nước lò hơi	85%
27	Lắp đặt khung sấy	2	Đài Loan	Sấy gỗ	85%
28	Lắp đặt thiết bị sấy chuyên sơn	1	Đài Loan	Sấy sản phẩm	85%
29	Linh kiện hút bụi	1	Đài Loan	Hút bụi	85%
30	Lò sấy	1	Đài Loan	Sấy gỗ	85%
31	Máy bào	8	Đài Loan	Bào gỗ	85%
32	Máy biến thế	2	Thái Lan	Biến thế điện	85%
33	Máy bơm	4	Đài Loan	PCCC	85%
34	Máy cắt	68	Đài Loan	Cắt gỗ	85%
35	Máy cắt và tubi	12	Đài Loan	Tubi	85%
36	Máy chà nhám	37	Đài Loan	Chà nhám gỗ	85%
37	Máy chuột	1	Việt Nam	Chuột gỗ	85%
38	Máy cưa	2	Đài Loan	Cưa gỗ	85%
39	Máy dán	2	Đài Loan	Dán veneer	85%
40	Máy đánh bóng	3	Đài Loan	Đánh bóng gỗ	85%
41	Máy điều khắc	7	Đài Loan	Điều khắc gỗ	85%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Hiện trạng
42	Máy đốt lò hơi, quạt gió, máy lọc bụi, bơm thủy lực	6	Đài Loan	Hệ thống lò hơi	85%
43	Máy ép gỗ	1	Đài Loan	Ép gỗ	85%
44	Máy ghép	1	Đài Loan	Ghép gỗ	85%
45	Máy ghép thủy lực	1	Đài Loan	Ghép gỗ	85%
46	Máy ghép ván	8	Đài Loan	Ghép ván	
47	Máy ghép ván, máy tạo mộng	1	Đài Loan	Ghép ván, tạo mộng	85%
48	Máy hút bụi	1	Việt Nam	Hút bụi	85%
49	Máy in cạnh	1	Việt Nam	In cạnh gỗ	85%
50	Máy khoan	47	Đài Loan	Khoan gỗ	85%
51	Máy mài	2	Đài Loan	Mài dao	85%
52	Máy may	1	Việt Nam	May nệm	85%
53	Máy nén khí	17	Trung Quốc	Nén khí	85%
54	Máy phân tích, kiểm tra hàm lượng chì trong sơn	1	Đài Loan	Kiểm tra sơn	85%
55	Máy phát điện	2	Singapore	Phát điện	85%
56	Máy phay	1	Đài Loan	Phay gỗ	85%
57	Máy phủ sơn	1	Đài Loan	Sơn sản phẩm gỗ	85%
58	Máy phủ tinh vi	2	Đài Loan	Sơn sản phẩm gỗ	85%
59	Máy phun keo	1	Đài Loan	Phun keo	85%
60	Máy phun sơn	8	Đài Loan	Phun sơn	85%
61	Máy ráp học tử, máy ép nguội	5	Đài Loan	Ráp học tử, ép gỗ	85%
62	Máy rong	18	Đài Loan	Rong gỗ	85%
63	Máy rô tơ	4	Đài Loan	Rô tơ gỗ	85%
64	Máy router	2	Đài Loan	Rô tơ gỗ	85%
65	Máy sấy	9	Đài Loan	Sấy gỗ	85%
66	Máy sơn	1		Sơn sản phẩm	85%
67	Máy tạo mộng	24	Đài Loan	Tạo mộng gỗ	85%
68	Máy tạo nhám	4	Đài Loan	Tạo nhám mặt sản phẩm	85%
69	Máy tạo phôi	1	Đài Loan	Tạo phôi gỗ	85%
70	Máy thổi khí	2	Đài Loan	Làm sạch bụi bề mặt	85%
71	Máy tiện	2	Đài Loan	Tiện gỗ	85%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng, công suất 180.392 sản phẩm/năm

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Hiện trạng
72	Máy treo gỗ	1	Đài Loan	Treo sản phẩm đang sơn	85%
73	Máy trét keo	1	Đài Loan	Trét keo để dán gỗ	85%
74	Máy tubi	55	Đài Loan	Tu bi gỗ	85%
75	Nhập khẩu băng chuyển bằng sắt	1	Đài Loan	Làm băng tải sản phẩm	85%
76	Nhập khẩu thiết bị phun, trét keo	1	Đài Loan	Phun, trét keo	85%
77	Quạt hút sơn	3	Đài Loan	Hút hơi sơn lên ống thải cao	85%
78	Thiết bị hút bụi phun sơn	2	Đài Loan	Hút bụi sơn	85%
79	Thiết bị kiểm tra hàm lượng chì, kim loại trong sơn	3	Đài Loan	Kiểm tra sơn	85%
80	Thiết bị phòng kín dây chuyền sơn	1	Đài Loan	Kiểm tra chất lượng hàng	85%
81	Thiết bị phun keo	2	Đài Loan	Phun keo	85%
83	Thiết bị phun sơn	7	Đài Loan	Phun sơn	85%
83	Tổ máy phát điện	1	Đài Loan	Phát điện	85%
84	Tủ điện các loại	17	Đài Loan, VN	Điều khiển điện	85%
85	Xe nâng	6	Nhật Bản	Nâng gỗ, nâng hàng	85%

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ Môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, cacbon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược đến năm 2030 ngăn chặn đầy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Dự án phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thu hút được nhiều nhà đầu tư thứ cấp vào xây dựng nhà máy.

Cơ sở được thực hiện tại vị trí: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 33/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star được chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vị trí, ranh giới khu đất: tại thửa đất số 1567, tờ bản đồ số 09 thuộc phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (theo Mảnh trích lục địa chính (có đo đạc chính lý) số 1 – 2015 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương xác lập ngày 20/05/2015).

Hiện nay Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Quyết định số 188/QĐ-STNMT ngày 05/03/2012 Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm” tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Dự án “Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng” thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường.

❖ Vị trí tiếp giáp

- Phía Đông Bắc giáp với vườn cao su tư nhân.
- Phía Tây Nam giáp với vườn cao su tư nhân.
- Phía Tây Bắc giáp với đất trống và cách xa khoảng 800m là suối Ông Đông.
- Phía Đông Nam giáp với khu dân cư và cách xa khoảng 500m là đường ĐT 747.

- ❖ Mọi tương quan giữa vị trí của công ty và các khu vực khác như sau:
 - Cách trung tâm Thị trấn Uyên Hưng khoảng 7km về phía Đông Bắc.
 - Cách đường ĐT 747 khoảng 500 mét qua đoạn đường đất đi vào công ty.
 - Cách trung tâm thị xã Thủ Dầu Một khoảng 18km về phía Tây Nam.
 - Cách KCN Nam Tân Uyên khoảng 2km về phía Nam.



Hình 2. 1. Vị trí Công ty TNHH Lode Star

Công ty TNHH Lode Star đã được cấp Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm” tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương số 188/QĐ-STNMT ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Công ty đã đầu tư hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày.đêm đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 42/GP-STNMT ngày 18/04/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương (Gia hạn lần 1).

- ❖ *Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án.*

Trong khu vực Công ty hiện nay chỉ có các hộ dân sinh sống, hầu hết khu vực này các hộ dân đều sử dụng nguồn nước là nước cấp từ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

– Xí nghiệp cấp nước Tân Uyên. Đối với nguồn nước mặt, nước suối Ông Đông phục vụ cho mục đích tưới tiêu nông nghiệp và thoát nước cho khu vực.

Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước mặt suối Ông Đông có màu hơi đục, có cặn, không mùi, có sự xuất hiện các thủy sinh vật. Chất lượng nước mặt suối Ông Đông tương đối ổn định, sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày.đêm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước sau xử lý được xả ra suối Ông Đông → suối Cái → Sông Đồng Nai.

Lưu lượng xả thải biến động trong khoảng 3m³/ngày.đêm đến 90 m³/ngày.đêm. Tùy vào khối lượng đơn hàng tại Công ty mà lượng nước thải ra có sự dao động.

Trong thời gian xả thải Công ty luôn thường xuyên giám sát, quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại khu vực gần Công ty. Để đánh giá chất lượng nước mặt tại khu vực xả thải của Công ty, Công ty TNHH Lode Star kết hợp với Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động tiến hành lấy mẫu nước mặt tại suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt tại suối Ông Đông được trình bày trong bảng sau:

Thời gian và vị trí lấy mẫu

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thời gian quan trắc
1	Nước mặt Suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn	- Đợt 1: 26/03/2021 - Đợt 2,3: Không lấy mẫu do tình hình dịch Covid 19 - Đợt 4: 28/12/2021

Kết quả phân tích:

Bảng 2. 1. Kết quả phân tích nước mặt tại suối Ông Đông năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2
			Quý 1	Quý 2	
1	pH (28,0°C)	-	6,88	6,93	6 – 8,5
2	TSS	mg/L	12	15	30
3	COD	mg/L	8	11	15
4	BOD ₅	mg/L	4	5	6
5	NH ₄ ⁺	mg/L	0,087	0,12	0,3
6	NO ₃ ⁻	mg/L	0,69	1,62	5
7	PO ₄ ³⁻	mg/L	0,052	0,084	0,2

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2
			Quý 1	Quý 2	
8	Coliform	MPN/100mL	3.500	3.300	5.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động)

Nhận xét: Qua bảng trên, chúng ta thấy rằng hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A₂.

Nguồn tiếp nhận khí thải của dự án

Khí thải phát sinh từ lò hơi trong quá trình cung cấp nhiệt để sấy gỗ tại dự án được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

Đối với khí thải từ quá trình sơn phát sinh các khí như: Benzen, Xylen, Toluen, Btylaxeta,... được quạt hút vào màng hấp thụ hơi nước và màng sợi thủy tinh và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ – QCVN 20:2009/BTNMT được thoát ra môi trường không khí để khuếch tán.

➤ Dự án “Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng” của Công ty TNHH Lode Star đã hoàn thành các hạng mục xây dựng, công ty đã thực hiện các công trình xử lý nước thải, khí thải, hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt,... Như vậy, sự hình thành và hoạt động của Dự án là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường trong khu vực.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án đã được xây dựng tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Hệ thống thoát nước mưa trên mái nhà xưởng được dẫn từ mái xuống nối vào hệ thống thoát nước nội bộ bằng ống nhựa PVC có đường kính 114mm bằng phương thức tự chảy.

Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa bề mặt xung quanh nhà máy bằng cống bê tông cốt thép có đường kính 400, 600mm theo phương thức tự chảy.

Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom về hố ga (kích thước hố ga 8cm x 8cm) có song chắn rác và cống thoát nội bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống cống thu gom thoát nước mưa (cống BTCT đường kính 1.500mm) của Công ty theo phương thức tự chảy.

Tọa độ vị trí hố ga thoát nước mưa đầu nối: X: 12.25.892 ; Y: 61.05.39

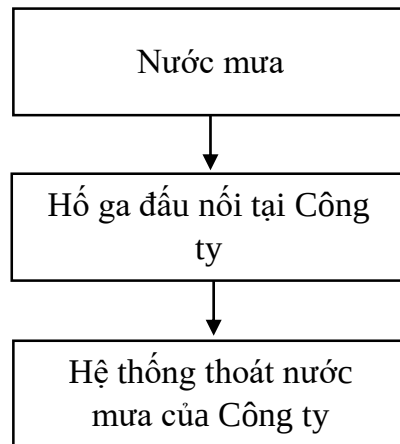
Chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Bảng 3. 1. Khối lượng vật liệu của hệ thống thu gom nước mưa

TT	Hạng mục	Quy cách	Số lượng
1	Ống thu mưa	PVC D=90-114 mm	3.553 m
2	Ống BTCT thoát nước mưa	BTCT D=200-300 mm VH (L=500-14000)	
3	Hố ga thu mưa trong nhà máy	BTCT, nắp thăm	440 hố ga
4	Hố ga thoát nước mưa đầu nối	BTCT, nắp thăm	1 hố ga

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở được thể hiện tại hình 3.1.



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở.

Nhìn chung, khi dự án hoạt động, thì tác động do nước mưa chảy tràn sẽ được giảm thiểu do khu vực dự án đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, với mặt bằng cơ sở được trồng hệ thống cây xanh và bê tông hóa, làm giảm nguy cơ xói mòn, sạt lở đất và bồi lắng dòng chảy tiêu thoát nước mưa. Mặt khác, công tác bảo vệ môi trường được thực hiện hàng ngày, làm giảm thiểu lượng rác thải và vật liệu rơi vãi, nên nguồn nước mưa chảy tràn được coi là nước sạch và sau khi được thu gom, lắng lọc sơ bộ, thì có thể đầu nối với hệ thống thoát nước chung của Công ty.

Ngoài ra chủ cơ sở cũng thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên nạo vét, thông dòng chảy để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để.
- Không cho nước mưa chảy tràn qua khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt hay khu vực chứa chất thải khác.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

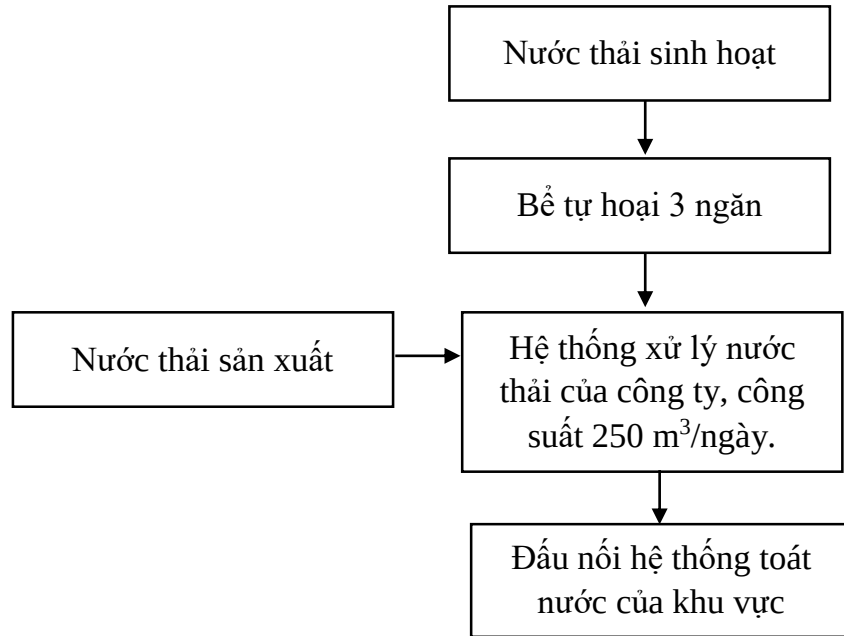
Công trình thu gom nước thải: Hệ thống thu gom nước thải đã được Công ty TNHH Lode Star xây dựng hoàn chỉnh và tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của công ty.

Hệ thống thu gom nước thải: gồm có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống thu gom xử lý nước thải sản xuất. Chi tiết như sau:

- Nước thải từ quá trình sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cán bộ, công nhân viên tại nhà máy. Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Nước thải từ nhà ăn được tách dầu mỡ và thu gom rác. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải sản xuất: phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, bao gồm nước thải xử lý bụi sơn và nước thải xử lý khí thải lò hơi:

- Nước thải từ buồng hấp thụ bụi sơn bằng sơn màng nước sẽ được tái sử dụng tuần hoàn qua các ngăn lọc nước (gồm 10 ngăn) và thải bỏ để thay bằng lượng nước mới định kỳ 1 tuần/lần nhằm tăng hiệu quả xử lý. Lượng nước thải phát sinh khoảng 1m³/tuần.
- Nước sử dụng cho tháp hấp thụ khí thải lò hơi và được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ sẽ thải bỏ 2 tuần/lần. Lưu lượng nước thải phát sinh 1m³/2 tuần.

Sơ đồ tổng quát hệ thống thu gom xử lý nước thải tại Công ty.



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải

➤ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC đường kính Ø 114 mm đầu nối vào cống thoát nước mưa → suối Ông Đông → suối Cái → sông Đồng Nai. Bằng phương thức tự chảy.

Bảng 3. 2. Khối lượng vật liệu của hệ thống thu gom nước thải

TT	Hạng mục	Quy cách	Số lượng
1	Cống tròn BTCT	BTCT, D500mm BTCT, D800mm	2.210m
2	Hố ga nước thải trong nhà máy	BTCT, nắp thăm	275 hố ga
3	Hố ga thoát nước thải đầu nối	BTCT, nắp thăm	1 hố ga

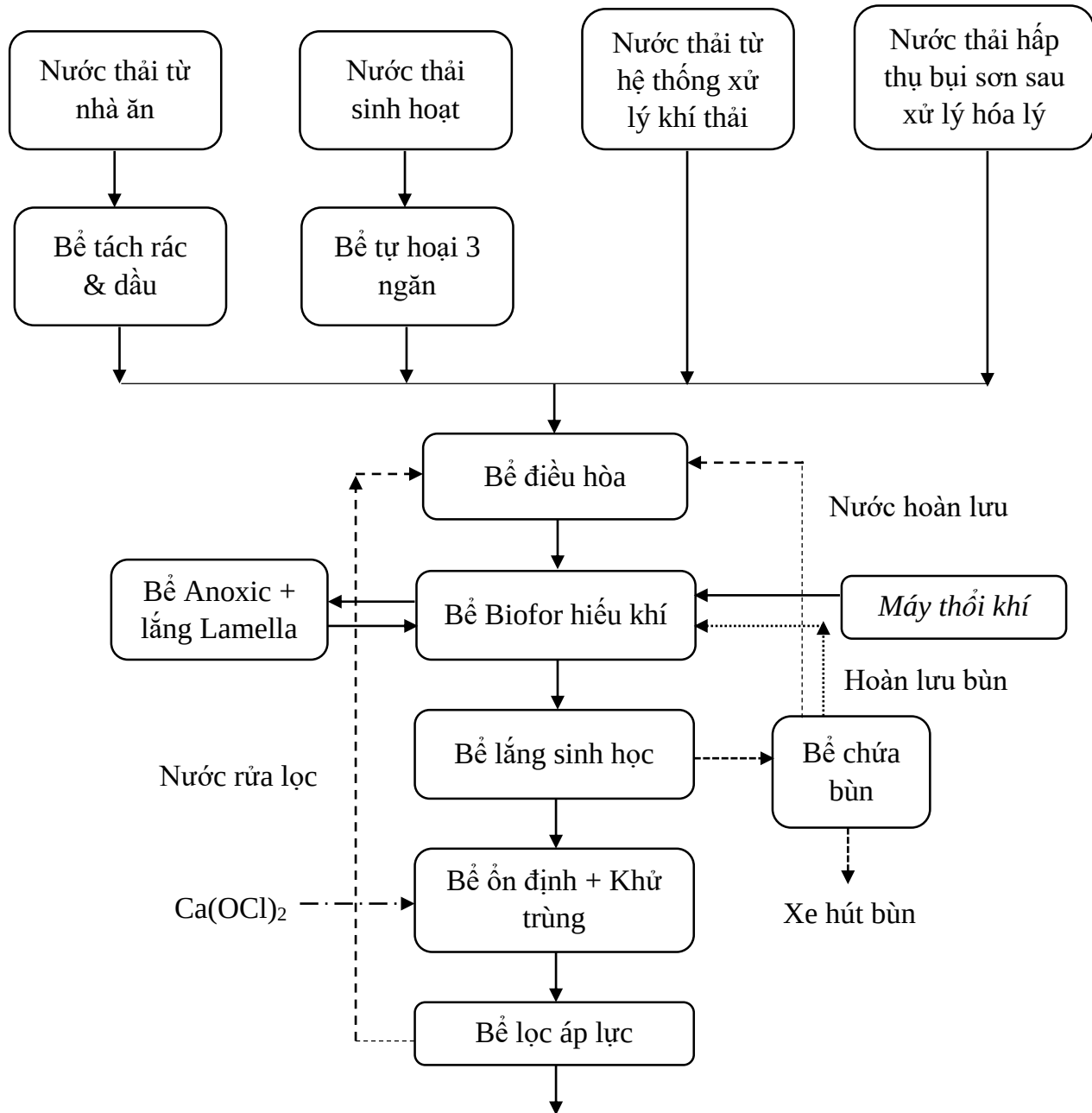
(Nguồn: Công ty Lode Star)

Khi dự án đi vào hoạt động tối đa theo công suất tổng lượng nước thải dự kiến phát sinh tối đa khoảng 250 m³/ngày.đêm. Nước thải này sẽ được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Tọa độ vị trí hố ga thoát nước thải: X: 12.26.519; Y: 06.91.981

1.3. Xử lý nước thải:

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 250m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ như sau:



**Nguồn tiếp nhận cuối Ông Đông
Cột A – QCVN 40:2011/BTNMT**

Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình công nghệ

Nước thải sau bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn được tách rác và thu hòa nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ của nước thải, tạo điều kiện làm liên tục cho hệ thống.

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó qua song chắn rác để giữ lại những rác thải rắn là nguyên nhân gây ra tắc đường ống nước.

Nước thải từ nhà ăn, sinh hoạt và sản xuất tập trung vào bể điều hòa để điều hòa lại lưu lượng nước.

Bể điều hòa:

Bể điều hòa là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất, ổn định về lưu lượng và nồng độ. Nước thải ở bể điều hòa được bơm lên bể khử Anoxic.

Bể xử lý sinh học Biofor hiếu khí:

Bể xử lý sinh học Biofor hiếu khí là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vì phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải là những chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học.

Các vi sinh hiếu khí bám dính thành màng trên vật liệu giá thể cố định có diện tích bề mặt lớn, nên mật độ vi sinh trong bể rất cao. Các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí nhờ O_2 cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

Ngoài ra, để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đủ cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải thiếu). Nước sau khi rời khỏi bể này, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%. Nước thải tiếp tục tự chảy sang bể lắng.

Bể khử Anoxic + lắng Lamella

Đây là bể sinh học ngược dòng – có dòng chảy từ dưới lên. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng dính bám trên giá thể cố định. Từ đó chúng sẽ tiếp nhận và chuyển chất ô nhiễm lơ lửng và hòa tan thành thức ăn. Vi sinh yếm khí phát triển sinh khối trên vật liệu đệm có bề mặt riêng lớn nên có mật độ vi sinh trong thiết bị cao dẫn đến mức phân hủy lớn, 3-4 lần so với dạng vi sinh lơ lửng. Sau đó, nước thải tiếp tục tự chảy qua bể sinh học Biofor hiếu khí. Quá trình hoạt động ổn định, ít sinh bùn hơn các mô hình yếm khí dạng lơ lửng cổ điển do vi sinh chủ yếu bám dính trên giá thể. Thiết bị sinh học yếm khí này vừa có tác dụng giảm Nito, vừa có tác dụng khử COD, P.

Bể lắng sinh học

Nước thải được dẫn vào ống trung tâm nhằm phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang ở đáy ống trung tâm. Ống trung tâm ở bể lắng được thiết kế sao cho nước khi ra khỏi ống trung tâm có vận tốc nước đi lên trong bể chậm nhất (trong trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ COD giảm 75-85%.

Phần nước trong trên bề mặt lắng tập trung vào máng thu và tự chảy sang bể khử trùng. Phần bùn lắng dưới đáy bể lắng định kỳ được bơm về bể chứa bùn.

Bể ổn định + khử trùng

Ổn định lưu lượng và nồng độ nước. Nước thải sau khi được xử lý bằng phương pháp sinh học còn chứa khoảng 10^3 - 10^5 vi khuẩn trong 100ml, hầu hết các loại vi khuẩn này tồn tại trong nước thải không phải là vi trùng gây bệnh, nhưng cũng không loại trừ một số loại vi khuẩn có khả năng gây bệnh.

Chlorine dạng lỏng sẽ được cấp vào bể theo một nồng độ và liều lượng tối ưu, với mục đích đảm bảo nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn nguồn thải.

Bể lọc áp lực

Nước sau xử lý được đưa đến bồn lọc áp lực để xử lý triệt để. Các chất rắn không tan và tan đều được giữ lại khi nước đi qua các lớp vật liệu lọc, nước trở nên sạch hơn sau khi qua hệ thống, tùy theo kích thước cũng như chủng loại vật liệu lọc mà khả năng xử lý đối với từng loại nước khác nhau. Sau mỗi chu kỳ lọc, cần đánh bóm trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược, cần bóm sẽ được xối tung lên và các hạt vật liệu lọc va chạm, ma sát vào nhau sẽ tự làm sạch bề mặt chúng, nước nhiễm bẩn được tạo tháo ra khỏi bồn bằng đường thải riêng biệt.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A với $k_q=0,9$, $k_f=1,1$.

Bảng 3. 3. Thông số xử lý nước thải

Stt	Bể	Kích thước bể	Thời gian lưu nước	Hóa chất sử dụng (nếu có)
1	Bể điều hòa	3600 x 2700 x 4000	6 – 8 giờ	--
2	Bể xử lý sinh học hiếu khí	3800 x 3000 x 4000	8 – 12 giờ	--
3	Bể Anoxic	4 x 3 x 3	2,5 - 4 giờ	--
4	Bể lắng	3000 x 3000 x 4000	2,5 giờ	
5	Bể ổn định + khử trùng	1300 x 2700 x 4000	30 phút	Clo
6	Lọc áp lực	-	--	--
7	Bể chứa bùn	1500 x 2900 x 4000	--	--

↪ Đánh giá nước thải sau xử lý.

Công ty đã kết hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu nước thải tại công ty

Nước thải sau xử lý một phần đưa về hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng, phần còn lại đầu nối về hệ thống thu gom nước thải nước thải của Công ty.

Ngày lấy mẫu 28/12/2021

Bảng 3. 4. Kết quả quan trắc nước sau hệ thống xử lý nước thải năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A
1	pH (30,1°C)	--	6,53	6 – 9
2	TSS	mg/L	22	50
3	COD	mg/L	59	75
4	BOD ₅	mg/L	27	30
5	Tổng N	mg/L	11,5	20
6	Tổng P	mg/L	0,94	4
7	NH ₄ ⁺	mg/L	3,25	5
8	Độ màu	mg/L	20,1	50
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	1,0	5
10	Coliform	MPN/100ml	2.400	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Chất lượng nước thải đầu nối đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.



Hình 3. 4. Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông.

Để hạn chế tác động tiêu cực của nguồn gây ô nhiễm từ phương tiện giao thông, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau đây:

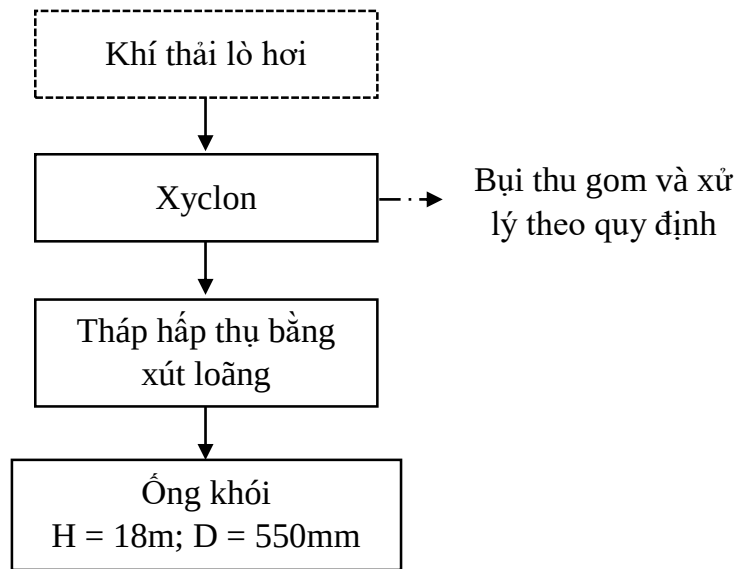
- Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp;
- Không sử dụng các loại xe vận tải đã hết hạn sử dụng;
- Quy định khu vực làm việc riêng cho từng loại xe, không chở quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt;
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe tải vận chuyển thuộc tài sản của công ty, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các loại khí thải;
- Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí;
- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.
- Đường nội bộ, sân bãi được đổ bê tông và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. Khi chạy trong khuôn viên công ty các phương tiện đều phải giảm tốc độ dưới $< 5\text{km/h}$.

Sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí như trên thì chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực cơ sở sẽ đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải lò hơi.

Lò hơi của công ty sử dụng nhiên liệu củi, khi đốt sinh ra các chất ô nhiễm đặc trưng như bụi, CO, NO_x, SO_x.

Để giảm thiểu tác động của khí thải lò hơi, Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải lò hơi trước khi thải ra môi trường. Công nghệ xử lý khí thải lò hơi như sau:



Hình 3. 5. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình

Khí thải phát sinh từ lò hơi sẽ được xử lý qua Xyclon hút từ quạt hút. Tại đây bụi tro phát sinh từ quá trình đốt củi, đốt than sẽ được giữ lại trong nước, dòng khí được quạt hút hút vào Xyclon, sẽ được tháp hấp thụ xút loãng. Sau quá trình này dòng không khí đã được làm sạch sẽ theo ống khói cao 18 m, d=550mm thoát ra ngoài môi trường không khí đảm bảo QCVN 19:2010/BTNMT, Cột B.

Phần nước tại bể lắng bụi sẽ được tái sử dụng, sau một thời gian vận hành, lượng nước này sẽ bốc hơi một phần, phần còn lại chủ đầu tư sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chung với CTNH.

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Quạt	Q=3.500m ³ /h	1 cái
2	Motor quạt	H = 15 HP; V=550 vòng/phút	1 cái
3	Bơm nước	N= 3,5 HP; H=12 m H ₂ O	1 cái
4	Cyclone	Hình chóp; đường kính lớn nhất D1=1,1 M; đường kính nhỏ nhất D2=0,3m; Chiều cao cyclon H=3,4 m	1 cái
5	Tháp hấp thụ	Hình tròn D x H= 1,5 x 5 (m)	1 cái
6	Đường ống dẫn	D = 0,55m	1 hệ thống
7	Bể chứa nước	Xây gạch dung tích 10 m ³	1 bể
8	Ống khói	Vật liệu inox 304 dày 2mm, Ø 550mm, H =18m	1 cái

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
9	Phụ kiện (Van, co, bec phun..)	-	1 bộ
10	Tủ điện điều khiển	-	1 bộ

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

➤ **Đánh giá khí thải lò hơi.**

Công ty đã kết hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu nước thải tại công ty.

Ngày lấy mẫu: 28/12/2022.

Kết quả đo đạc nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi tại bảng 3.3 cho thấy các.

Bảng 3. 6. Nồng độ các chất ô nhiễm khí thải lò hơi.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khí thải tại lò hơi	
			Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	P (m ³ /h)	P<20.000	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = K _v =1
2	Bụi	mg/Nm ³	128	200
3	CO	mg/Nm ³	624,4	1000
4	SO ₂	mg/Nm ³	31,5	500
5	NO _x	mg/Nm ³	96,8	850

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Qua đó, có thể thấy hiện nay hệ thống đang hoạt động hiệu quả

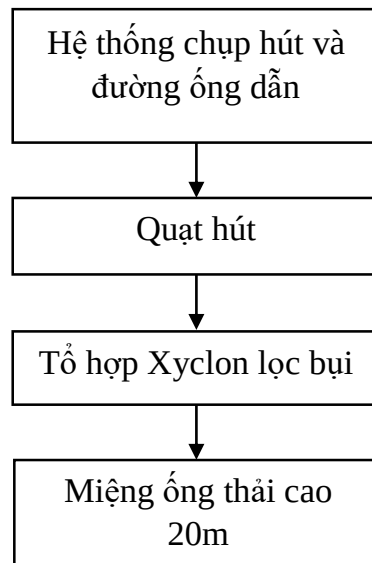


Hình 3. 6. Hình ảnh lò hơi tại công ty

2.3. Giảm thiểu bụi trong quá trình gia công thô, chà nhám và phun cát.

❖ Bụi phát sinh từ quá trình gia công thô và chà nhám.

Bụi gỗ phát sinh trong quá trình gia công thô và chà nhám với tải lượng lớn và kích thước hạt bụi lớn và nhỏ khác nhau, công ty thu gom và xử lý loại bụi này bằng Xyclon lọc bụi.



Hình 3. 7. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi bằng Xyclon

Thuyết minh quy trình

Bụi phát sinh trong quá trình gia công thô và chà nhám được công ty thu gom bằng chụp hút, sau đó theo hệ thống đường ống dẫn về tổ hợp Xyclon lọc bụi. Khi đi vào tổ hợp Xyclon lọc bụi,

dưới tác dụng của lực quán tính và ly tâm, các hạt bụi va đập vào thanh Xyclon và lắng xuống bên dưới. Dòng không khí sau xử lý được thải ra ngoài qua miệng ống ở độ cao 20 mét.

Hệ thống thu gom và xử lý bụi bằng Xyclon của công ty bao gồm các thiết bị sau:

Bảng 3. 7. Thiết bị Xyclon thu hồi bụi.

Stt	Số lượng - Vị trí	Đặc điểm
Số lượng Xyclon (Hút bụi): 15 cái		
1	2 cái Xyclon – Xưởng 3	Công suất 100 HP: 1 cái Công suất 75 HP: 1 cái → Thu hồi bụi xưởng 3 (công đoạn định hình sản phẩm)
2	9 cái Xyclon – Xưởng A,2	Công suất 75 HP: 9 cái → 6 cái thu hồi bụi xưởng A → 3 cái thu hồi bụi xưởng 2
3	4 cái Xyclon tổng – Xưởng A	Công suất 50 HP: 2 cái → Thu gom bụi từ 9 Xyclon xưởng A,2 Công suất 30 HP: 1 cái → Thu gom bụi từ 2 Xyclon xưởng 3 Công suất 20 HP: 1 cái → Thu gom bụi từ 5 cái CC xưởng A

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)



Máy CC thu hồi bụi



Xyclon xưởng 3



Xyclon xưởng A

Hình 3. 8. Hình ảnh Xyclon tại công ty.

❖ *Bụi phát sinh tại phòng phun cát.*

Công đoạn phun cát được thực hiện trong phòng kính nên giảm thiểu khả năng phát tán bụi ra khu vực xung quanh. Do đó, phát sinh từ quá trình phun cát được xử lý bằng biện pháp lắng theo trọng lực và thu gom tạo phòng phun cát. Công nhân làm việc trong phòng phun cát được trang bị đồ bảo hộ chuyên dùng nên ảnh hưởng đến sức khỏe là rất thấp.

Cát thu gom được công ty tái sử dụng vào quá trình phun cát lên sản phẩm.

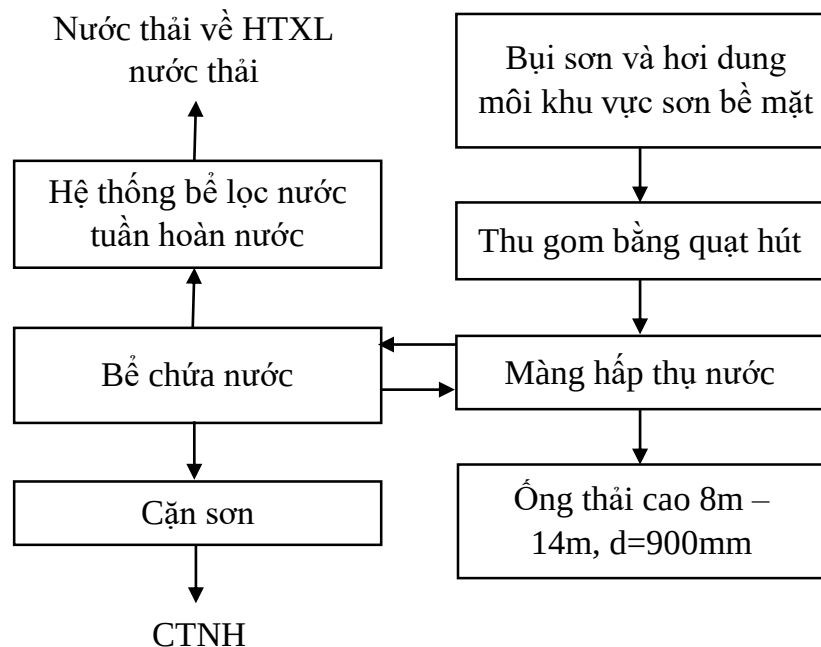
2.4. Giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi.

Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi và bụi sơn từ quá trình sơn như sau:

- 13 buồng sơn màng nước → Quạt hút → Hấp thụ bằng màng nước → Ống thải cao từ 8m đến 14m, đường kính 900mm.
- 17 buồng sơn khô → Quạt hút → Màng lọc sợi thủy tinh → Ống thải cao từ 8m đến 14m, đường kính 900mm.

Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh tại các công đoạn sơn được công ty xử lý bằng hệ thống hấp thụ bằng màng nước và màng hấp thụ sợi thủy tinh.

➤ *Hấp thụ bằng màng nước.*



Hình 3. 9. Công nghệ hấp thụ bụi sơn và hơi dung môi bằng sơn màng nước

Thuyết minh quy trình

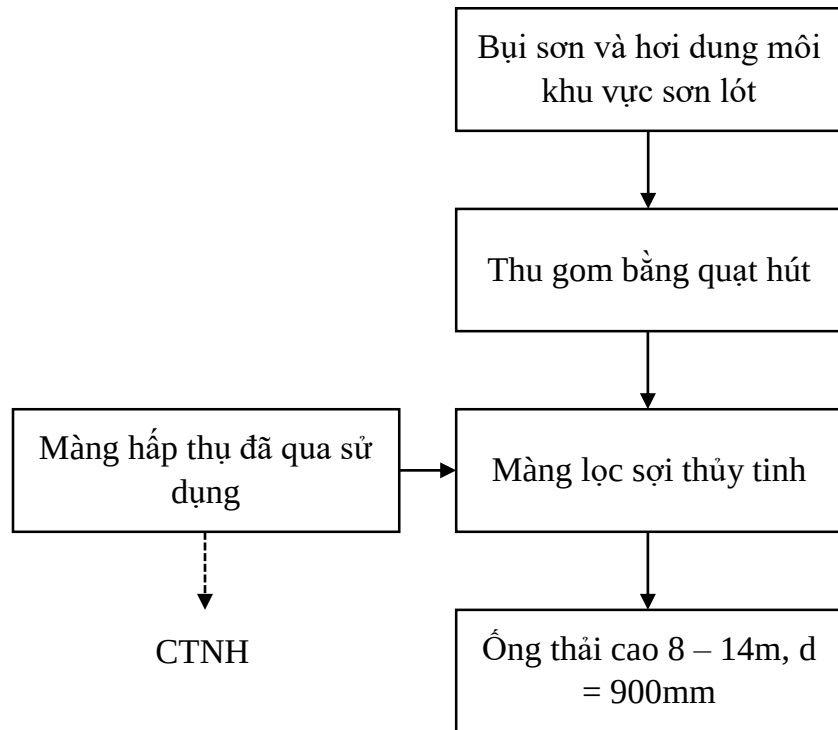
Tại mỗi vị trí phun sơn bố trí các màng nước và quạt hút nhằm thu gom bụi sơn và hơi dung môi về phía màng. Công nhân thực hiện thao tác phun sơn hướng về phía màng nước hấp thụ.

Khí thải bụi sơn và hơi dung môi được quạt hút hút qua thiết bị hấp thụ sử dụng màng nước. Cấu tạo của màng nước bao gồm một hệ thống máng, nước chảy tràn trên vách máng tạo thành màng nước. Hệ thống máng này được nối liền vào đường ống và bơm nước. Khi nước chảy tràn liên tục trên vách máng sẽ tạo thành màn chắn liên mạch từ đó giữ lại các hạt bụi sơn từ lượng khí thải.

Khí thải bụi sơn sau khi qua thiết bị hấp thụ bằng nước sẽ thoát ra môi trường qua ống thải cao 8 – 14m. Quá trình trên được hỗ trợ bởi một quạt hút tạo áp. Khí thải sau khi xử lý đáp ứng được yêu cầu xả thải theo QCVN 20:2009/BTNMT. Lượng nước sử dụng để tạo màng lọc được tuần hoàn liên tục.

Nước thải từ buồng hấp thụ bụi sơn bằng sơn màng nước sẽ được tái sử dụng tuần hoàn qua 10 ngăn lọc, kích thước mỗi ngăn 1.960mm x 1.650mm x 2.440mm với dung tích 7.89 m³. Thải bỏ để thay bằng lượng nước mới định kỳ 1 năm/lần hoặc có dấu hiệu nhiễm bẩn bởi dung môi, sơn và các tạp chất khác. Phần cặn sơn sẽ được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

➤ Hấp thụ bằng màng thủy tinh



Hình 3. 10. Công nghệ hệ thống hấp thụ bụi sơn và hơi dung môi bằng màng thủy tinh
Thuyết minh quy trình

Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn lót được công ty thu gom lọc sợi thủy tinh.

Tương tự như hấp thụ sơn màng nước, tại mỗi vị trí phun sơn, Công ty bố trí màng lọc sợi thủy tinh và quạt hút nhằm thu gom bụi sơn và hơi dung môi về phía màng. Công nhân thực hiện thao tác phun sơn hướng về phía màng lọc.

Khí thải bụi sơn và hơi dung môi sẽ được quạt hút thu gom qua hệ thống lọc sử dụng than hoạt tính và thoát ra môi trường qua ống thải cao 8 – 14m. Khí thải sau khi xử lý đáp ứng được yêu cầu xả thải theo QCVN 20:2009/BTNMT.

Định kỳ 3 tháng/lần thay màng sợi thủy tinh. Màng hấp thụ đã qua sử dụng được công ty thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của thiết bị trong hệ thống sơn (46 buồng sơn)

Stt	Số lượng	Kích thước màng sơn	Ống thải sơn	Kích thước hồ chứa nước	Lưu lượng – Công suất quạt hút
1	1 bồn sơn nước có màng treo	9 x 2,5	3 ống cao 12m	9 x 3,2 x 0,4	2.500 m ³ /h
2	13 bồn sơn sợi thủy tinh	8,6 x 2,5	16 ống cao 8m; 18 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h

Stt	Số lượng	Kích thước màng sơn	Ống thải sơn	Kích thước hồ chứa nước	Lưu lượng – Công suất quạt hút
3	1 bồn sơn sợi thủy tinh	6 x 2,5	3 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h
4	1 bồn sơn sợi thủy tinh	6 x 2,5	2 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h
5	14 bồn sơn nước có màng treo	11,5 x 2,5	28 ống cao 8m; 14 ống cao 14m.	12 x 3,8 x 0,25	2.500 m ³ /h
6	12 bồn sơn nước không có màng treo	6 x 3,5	24 ống cao 8m; 12 ống cao 12m 6 ống cao 14m.	6 x 1,3 x 0,25	2.500 m ³ /h
7	1 bồn sơn nước không có màng treo	12 x 2,7	3 ống cao 8m	27 x 2,2 x 0,15	2.500 m ³ /h
8	3 bồn sơn sợi thủy tinh	6,2 x 3,9	9 ống cao 12m		2.500 m ³ /h
Tổng	46 bồn sơn			33,78 m³	

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

☛ **Đánh giá hơi dung môi.**

Công ty đã kết hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu nước thải tại công ty.

Ngày lấy mẫu: 28/12/2022.

Để đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống hấp thụ bụi sơn bằng màng nước và màng hấp thụ sợi thủy tinh, công ty tiến hành lấy mẫu và phân tích khí thải ra từ ống thoát của các hệ thống trên.

Bảng 3. 9. Nồng độ các chất ô nhiễm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khí thải hơi dung môi	
			Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Toluen	mg/Nm ³	69,7	750
2	Xylen	mg/Nm ³	53,6	870

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Kết quả đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Qua đó, có thể thấy hiện nay hệ thống đang hoạt động hiệu quả.



Màng sợi thủy tinh

Màng nước

Hình 3. 11. Hệ thống sơn màng nước và màng sợi thủy tinh.

2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng

Hiện nay Công ty đã xây dựng phòng máy phát điện riêng biệt với diện tích 139,74m².

Để ứng phó nhanh chóng với các tình huống khẩn cấp sự cố về điện, dự án đã bố trí 3 máy phát điện dự phòng với 2 máy có công suất 400 KVA và 1 máy công suất 100 KVA.

Khí thải của máy phát điện dự phòng cũng là nguồn phát sinh gây ô nhiễm môi trường không khí. Tuy nhiên, để giảm thiểu đến mức tối đa các chất ô nhiễm từ hoạt động thì công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp (dầu DO 0,05%S) để giảm thiểu nồng độ SO₂ trong khí thải.
- Cơ sở sẽ ưu tiên sử dụng lưới điện vì lý do kinh tế và môi trường.
- Máy phát điện dự phòng sẽ được lắp đặt cách biệt khu vực tập trung nhiều người.
- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng.

3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chung loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Chất thải rắn bao gồm chủ yếu là các vụn nguyên liệu, dăm bào, mùn cưa, các loại phế phẩm từ gỗ phát sinh trong công đoạn định hình gỗ và gia công thô, tổng khối lượng chất thải thông thường và chất thải rắn sinh hoạt của dự án phát sinh khoảng 1.011.929 kg/năm.

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong năm 2021

Stt	Nhóm CTR	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận	Ghi chú
1	Rác sinh hoạt	3.432	Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	-
2	Chất thải rắn công nghiệp	6.997	Công ty môi trường Phú Xuân	-
3	Củ vụn, dăm bào	1.001.500	Công ty TNHH Quang Bảy	-
	Tổng	1.011.929		

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star, 2021)

3.2. Biện pháp lưu trữ chất thải rắn thông thường.

A. Biện pháp lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được phân thành 3 loại như sau:

- Rác vô cơ: gồm các loại phế thải thủy tinh, sành sứ, kim loại, giấy, cao su, nhựa, vải, bao bì nilon, lon, chai,...
- Rác hữu cơ: dễ phân hủy như cây cỏ loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, thực phẩm, đồ ăn thừa,...
- Chất thải nguy hại: Phân loại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Quy định thùng màu xanh chứa rác hữu cơ, thùng màu xám chứa rác vô cơ và thùng màu cam chứa CTNH. Ngoài ra, trên mỗi thùng có nhãn mác và các hình ảnh minh họa, hướng dẫn thải đồ rác.

Nhà máy áp dụng các biện pháp cụ thể dưới đây để giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa CTR thông thường:
 - 10 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu văn phòng, nhà vệ sinh, phòng khách.
 - 10 thùng dung tích 60 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất.
 - 5 thùng dung tích 120 lít đặt tại khu nhà ăn.
 - 5 thùng dung tích 120 lít đặt tại khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.
 - CTR sinh hoạt được tập kết về 5 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 660 lít (kích thước dài 1,35m x rộng 0,83m x cao 1,11m) đặt tại kho chứa CTR sinh hoạt.
- Vấn đề thu gom CTR sinh hoạt phát sinh tại nhà máy được thực hiện như sau:
 - Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều trang bị các loại thùng rác có nắp đậy được làm bằng kim loại không rỉ: 1 thùng đựng chất thải loại cứng như: vỏ đồ hộp, các loại chai thủy tinh, chai nhựa,...; 1 thùng đựng chất thải có dạng mềm, ướt dễ phân hủy như: thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được lưu giữ tại khu vực, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).
 - Các thùng chất thải này được thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn (có nắp đậy) để tập trung vào khu vực lưu giữ CTR của nhà máy.
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương để thu gom chất thải sinh hoạt và vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, với tần suất 3 lần/tuần nhằm hạn chế lượng chất thải sẽ phân hủy gây mùi khó chịu. Các loại chất thải có khả năng tái chế sẽ được Công ty thu gom và bán cho các cơ sở phế liệu.

B. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.

Chất thải rắn sản xuất của công ty không thuộc thành phần chất thải nguy hại gồm có kim loại vụn, thùng carton, giấy thải loại từ văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án bố trí các thùng chứa tại khu vực sản xuất, để thu gom toàn bộ lượng CTR không nguy hại phát sinh, sau đó vận chuyển về kho chứa CTR sản xuất thông thường.

CTR không nguy hại được đưa về lưu chứa tại kho.

Đối với các sản phẩm hỏng do quá trình vận chuyển, Công ty sẽ đưa qua công đoạn cắt theo kích thước để tạo ra sản phẩm có kích thước nhỏ hơn.

Đối với các củi vụn của sản phẩm, Công ty sẽ bán cho đơn vị có nhu cầu.

Ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV tư vấn và phân tích môi trường Phú Xuân về chất thải công nghiệp và phế liệu; Ngoài ra còn có Công ty TNHH MTV Quang Bảy để thu mua dăm bào và củi vụn để thu gom, vận chuyển, xử lý CTR không nguy hại theo đúng quy định.

Địa điểm thu gom: tại kho chứa CTR công nghiệp của nhà máy.

Tần suất: 3 lần/tuần hoặc ít/nhiều hơn tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

3.3. Công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường.

Chất thải rắn được thu gom, lưu trữ và xử lý triệt để theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Bảng 3. 11. Thông tin công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường

Kho lưu chứa	Diện tích
Chất thải sinh hoạt	24m ²
Chất thải công nghiệp thông thường	58,8m ²

Công trình lưu trữ chất thải rắn

Công ty đã bố trí kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, có tường bao, mái che, nền bê tông, diện tích 58,8m² để lưu trữ tạm thời chất thải rắn thông thường trước giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.



Hình 3. 12. Khu vực lưu trữ chất thải rắn

4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Nguồn phát sinh

- Hoạt động bảo dưỡng máy móc: dầu nhớt thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại.
- Hoạt động thấp sáng, sinh hoạt: bóng đèn huỳnh quang thải, pin.
- Hoạt động văn phòng: hộp mực in, mực in thải.

Bố trí thùng chứa CTNH:

- 5 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất
- 3 thùng dung tích 60 lít đặt tại khu vực lưu trữ

Thành phần và khối lượng

Trong quá trình hoạt động của công ty, phát sinh một lượng chất thải nguy hại như giẻ lau, găng tay dính hóa chất, cặn sơn, bóng đèn, pin,...; tổng khối lượng chất thải nguy hại của dự án phát sinh khoảng 67.356 kg/năm.

Bảng 3. 12. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2021.

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Cặn sơn	08 01 01	TĐ	17.244	Cấp thoát nước môi trường Bình Dương
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm sơn	18 02 01	TĐ	9.332	
3	Thùng phuy sắt, thiết bị nhiễm hóa chất	18 01 02	SR-TC	34.558	

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
4	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	18 01 03	SR-TC	397	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông.
5	Thùng nhựa 1m ³ có khung sắt	18 01 03	SR-TC	1.680	
6	Bao bì mềm chứa thải thành phần nguy hại	18 01 01	TĐ	3.946	
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	HTXLBD-HR	82	
8	Thủy tinh vỡ	11 02 01	CL	117	
Tổng				67.356	

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star, 2021)

4.2. Biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại

Hiện nay biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại chưa đảm bảo, chủ dự án sẽ trang bị và bố trí thêm các thùng chứa tại khu vực sản xuất, để thu gom toàn bộ lượng CTNH phát sinh. Sau đó vận chuyển về kho CTNH và lưu chứa tại kho. Dự kiến sẽ bố trí như sau:

- 5 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất
- 3 thùng dung tích 60 lít đặt tại khu vực lưu trữ

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- Địa điểm thu gom: Tại kho chứa CTNH nhà máy.
- Tần suất: 1 tháng/lần hoặc hơn tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

Công ty thực hiện quản lý CTNH phát sinh từ hoạt động của nhà máy theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Phân loại tại nguồn.
- Ghi rõ khối lượng và để riêng theo từng loại, sau đó cho vào thùng chứa theo từng chủng loại có dán nhãn để tránh lẫn các loại CTNH với nhau. Tập trung về kho chứa CTNH.

Ban hành nội quy kho chứa CTNH và tiếp tục thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy:

- Quản lý, xuất nhập kho chứa CTNH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy trình.
- Không tháo dỡ, di chuyển hoặc làm giảm hiệu quả của các biển báo, các thiết bị chống đổ tràn hóa chất, thiết bị thu gom trong tình huống đổ tràn.

- Không để dầu mỡ, hóa chất rơi vãi ra ngoài phạm vi khu vực kho hoặc đổ vào môi trường đất, môi trường nước.
- Mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng quy định khi tiếp xúc với CTNH.
- Không sử dụng chất kích thích như rượu, bia hay các chất tương tự khi làm việc trong kho CTNH.
- Không hút thuốc hoặc mang vật và chất nổ vào khu vực kho CTNH.
- Thường xuyên kiểm tra các bình cứu hỏa, các hệ thống PCCC và các trang thiết bị trong kho CTNH.
- Các nhân viên và lái xe giao nhận CTNH có trách nhiệm phối hợp với các cán bộ quản lý kho CTNH để thực hiện đúng hướng dẫn, quy định trong quá trình thu gom, vận chuyển CTNH.
- Tuân thủ quy trình ứng phó sự cố đã được ban hành trong các tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra).
- Tất cả nhân viên có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định này và báo cáo các trường hợp vi phạm cho cán bộ phụ trách An toàn - Môi trường của nhà máy.

4.3. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại.

Công ty đã bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại diện tích 66m² (Thùng phi, cặn sơn: 42m², vải lau nhiễm hóa chất: 24m²) để lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền bê tông; có bố trí thiết bị để lưu chứa chất thải nguy hại, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xéng), có rãnh thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

Công trình lưu trữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại điều 36, thông tư 08/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương và Công ty Cổ Phần Môi trường Miền Đông để thu gom và xử lý toàn bộ CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.



Hình 3. 13. Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại công ty.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

5.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy.

- Đặt nội quy xuống xe tắt máy, hạn chế tốc độ dưới 5km/h.
- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh.
- Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khu vực dân cư và khuôn viên nhà máy.
- Phân phối lượng xe ra vào dự án hợp lý tránh tình trạng tập trung dẫn tới tiếng ồn tập trung trong một khu vực.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ (1 tháng/lần) đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, tránh gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực.
- Bố trí khu vực để xe hợp lý.

5.2. Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động máy móc, thiết bị sản xuất.

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực hẹp.
- Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, tạo môi trường làm việc rộng
- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị.
- Cố định chân bán đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà xưởng.

- Các máy công suất lớn, gây ồn cao được lắp đệm cao su và lò xo chống rung.
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, mới.
- Tiến hành theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ (2-4 tháng/lần) đối với tất cả các máy móc, thiết bị vận hành như: kiểm tra dầu bôi trơn, thay thế những chi tiết hư hỏng,...
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...)
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.
- Tự động hóa một số quá trình sản xuất, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những nơi có độ ồn cao.
- Khu vực văn phòng và khu vực sản xuất được tách riêng biệt để hạn chế ảnh hưởng.
- Tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm lan truyền tiếng ồn.

5.3. Đối với tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện.

Mặc dù tần suất sử dụng máy phát điện không thường xuyên, tuy nhiên Chủ dự án vẫn thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của máy phát điện như sau:

- Máy phát điện được bố trí trong phòng riêng biệt, có lắp đặt tấm cách âm đối với tường, trần. Tấm cách âm được thiết kế và chế tạo với kích cỡ và độ dày tôn vỏ và độ dày vật liệu giảm âm khác nhau.
- Chân đế máy phát điện được kê kích, giảm chấn, cân chỉnh, có định đảm bảo máy được nằm cố định trên mặt phẳng ngang khi vận hành không bị di chuyển, giảm độ truyền tải lên nền.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

➤ Chủ dự án cam kết tiếng ồn đạt QCVN

Công ty đã kết hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu nước thải tại công ty.

Ngày lấy mẫu: 28/12/2022.

Bảng 3. 13. Bảng chỉ tiêu tiếng ồn tại Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khu vực cổng		Khu vực sản xuất	
			Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT	Kết quả	QCVN 24:2016/BYT
1	Cường độ ồn	dBA	55	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	82	≤85

(Nguồn Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Kết quả cho thấy Tiếng ồn đạt quy chuẩn cho phép

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.

A. Phương án phòng ngừa

- Phòng ngừa sự cố người ngã vào bể, ngạt khí, tai nạn lao động:
 - Không cho người lạ, không phận sự đến khu vực xử lý nước thải;
 - Bể xử lý thiết kế cao, có hành lang công tác đủ rộng;
 - Khi lắp đặt hệ thống điện, tủ điện đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và được tiến hành bởi người có chuyên môn;
 - Hóa chất sử dụng cho hệ thống và máy móc, thiết bị dự phòng được đặt nơi có mái che, hóa chất bố trí hợp lý tránh khả năng tương tác giữa các loại hóa chất;
 - Công nhân vận hành được đào tạo kỹ càng về các vấn đề liên quan đến thiết kế kỹ thuật trạm xử lý, cách vận hành cũng như các sự cố thường gặp và phương án ứng phó với từng trường hợp, hạn chế thấp nhất các sự cố đáng tiếc xảy ra do thiếu hiểu biết.
- Phòng ngừa sự cố quá tải
 - Để tránh sự cố quá tải, khi thiết kế, công ty cũng đã tính toán hệ số an toàn cho hệ thống xử lý (công suất thiết kế cao hơn lưu lượng nước thải tính toán phát sinh), nồng độ các chất ô nhiễm dùng làm thông số thiết kế cũng ở mức cao.
 - Xây dựng bể điều hòa để điều hòa lưu lượng và chất lượng nước thải, tránh trường hợp giờ cao điểm nước thải nhiều hệ thống xử lý không kịp.
 - Hệ thống xây dựng chắc chắn, các thiết bị trong hệ thống được bảo trì kiểm tra định kỳ đảm bảo khả năng vận hành tốt.

B. Ứng phó sự cố

- Sự cố ngã vào bể xử lý và ngạt do khí thải từ hệ thống xử lý
 - Tìm cách nhanh nhất đưa người bị nạn ra khu vực an toàn;
 - Hô hấp nhân tạo và sơ cứu tại chỗ;
 - Nhanh chóng đưa người bị nạn đến trạm y tế gần nhất;
 - Lập báo cáo, tường trình sự cố, rút kinh nghiệm và phổ biến cho nhân viên để phòng ngừa tái diễn.
- Sự cố quá tải
 - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng cho phép;
 - Kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo lại hệ thống nếu cần thiết.

C. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý ngưng hoạt động, hư hỏng công trình đơn vị làm cho nước sau xử lý không đạt.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Khi xây dựng sẽ tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn cao, công việc tính toán thiết kế và xây dựng được thực hiện bởi đơn vị có chuyên môn để tránh sự cố rò rỉ, vỡ bể xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa.
- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Bể điều hòa thiết kế thời gian lưu dài để đảm bảo thời gian thay thế thiết bị khi xảy ra sự cố.
- Lưu lượng thiết kế cao hơn lưu lượng xả thải tối đa theo tính toán để đảm bảo hệ thống vẫn đáp ứng được khi lưu lượng tăng cao.
- Khắc phục sự cố
 - Kiểm tra lại các máy móc, thiết bị và quy trình vận hành nhằm khắc phục những sai sót.
 - Kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo lại hệ thống nếu cần thiết.
 - Trường hợp khắc phục sự cố kéo dài, Công ty cam kết sẽ tạm ngưng hoạt động các công đoạn phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong sự cố.

6.2. Biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố hệ thống thu gom và hệ thống thoát khí thải.

- Nhà máy áp dụng các biện pháp giảm thiểu đối với HTXL khí thải sau:
 - Nhà máy sẽ kiểm tra định kỳ vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý (thời gian vệ sinh 6 tháng/lần, tại các vị trí phát sinh nhiều bụi tiến hành vệ sinh 3 tháng/lần).
 - Bố trí công nhân vận hành, thường xuyên kiểm tra bảo trì hệ thống và ghi chép vào nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải để kịp thời phát hiện sự cố xảy ra.
 - Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm,...
 - Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách.
 - Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Trường hợp xảy ra sự cố:
 - Cam kết ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố.
 - Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố.
 - Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.
- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành
 - Báo cáo ngay với cấp trên khi phát hiện sự cố xảy ra.
 - Tiến hành giải quyết các sự cố theo thứ tự ưu tiên: bảo đảm an toàn về người; an toàn về tài sản; an toàn về công việc.

– Nếu sự cố không tự khắc phục được, phối hợp với các đơn vị chức năng có chuyên môn để xử lý.

– Lập hồ sơ ghi chép sự cố.

6.3. Phòng ngừa sự cố lò hơi

– Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm vận hành lò hơi phải đảm bảo theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

– Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống, đặc biệt là các van, khóa, hệ thống đường ống dẫn hơi nhằm phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ xảy ra.

– Có hồ sơ theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống.

– Bảo trì lò hơi định kỳ.

6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

• Đối với khu vực xưởng sản xuất

– Trang bị các thiết bị chống cháy nổ, nhằm chữa cháy kịp thời khi sự cố xảy ra. Bảng hướng dẫn sử dụng bình chữa cháy, sơ đồ thoát hiểm được bố trí tại các vị trí phù hợp.

– Hệ thống điện được thiết kế, và lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn, thường xuyên kiểm tra, chống trường hợp đoản mạch và chập mạch.

– Định kỳ thuê đơn vị có chức năng kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

– Toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy được tập huấn, hướng dẫn về PCCC.

– Thành lập đội PCCC cơ sở, phối hợp với cảnh sát PCCC đào tạo nhận thức về PCCC và thực tập phương án PCCC.

– Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng, và đã được lắp đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị,... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật trong giới hạn cho phép.

– Hệ thống cứu hỏa đảm bảo khoảng cách an toàn cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữa khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa được bố trí đều trong phạm vi nhà máy, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột,... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện.

– Các loại nhiên liệu được lưu trữ trong kho cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Giữ khoảng cách an toàn giữa các công trình để ô tô cứu hỏa có thể tiếp cận dễ dàng.

– Sửa chữa kịp thời các thiết bị khi phát hiện hư hỏng.

– Cán bộ công nhân viên thực hiện theo đúng nội quy của nhà máy đề ra. Nghiêm cấm công nhân hút thuốc hoặc tự ý sử dụng các thiết bị dễ cháy khu vực xưởng sản xuất.

– Lắp đặt camera quan sát tại khu vực nhà xưởng để trích xuất hình ảnh tại camera trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Công ty đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.
- Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ.
 - ✓ Khi sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:
 - Xác định nhanh điểm cháy.
 - Báo động để mọi người biết.
 - Ngắt điện khu vực bị cháy.
 - Báo cho lực lượng PCCC đến.
 - Sử dụng các phương tiện PCCC có sẵn để dập cháy.
 - Cứu người bị nạn.
 - Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn: bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan.
 - Khắc phục sự cố và ổn định sản xuất trở lại.
 - ✓ Tính khả thi: các biện pháp đề xuất có tính khả thi cao, phù hợp thực tế.
 - ✓ Không gian áp dụng: khu vực xưởng sản xuất và các kho lưu chứa nhiên liệu.
 - ✓ Thời gian áp dụng: thời gian vận hành nhà máy.

6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

A. Kỹ thuật kho chứa hóa chất, nhiên liệu

- Công ty bố trí các kho lưu trữ hóa chất, nhiên liệu lưu trữ riêng, nền bê tông chống thấm, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kiên cố bằng khung kèo thép tổ hợp, lợp tôn sóng màu, cách nhiệt nên che kín nắng, mưa. Để ngăn ngừa sự cố tràn đổ hóa chất, Công ty đặt các thùng lưu trữ hóa chất dạng lồng gọn gàng, không chồng cao các thiết bị lưu chứa. Ngoài ra, tại khu vực nhà kho được bố trí dụng cụ phòng cháy chữa cháy và vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn hóa chất ở thể lỏng.

- Bên trong nhà kho được lắp đặt các hệ thống hút khí thoát ra môi trường bên ngoài nhằm tạo thông thoáng cho kho, tránh tù đọng hơi trong khu vực kho.

B. Biện pháp phòng ngừa

- Quá trình bốc dỡ hóa chất phải đảm bảo theo các yêu cầu của TCVN 3147:1990 (Quy phạm an toàn trong công tác xếp dỡ - Yêu cầu chung).

- Các loại hóa chất được lưu trữ trong khu vực có dán nhãn tên, vị trí của từng loại nhằm hạn chế sự xúc tác và nhầm lẫn hóa chất.

- Kiểm tra kỹ các thiết bị dùng để lưu chứa, nghiêm khắc đòi trả hàng khi nhà cung cấp giao hàng không đảm bảo chất lượng.

C. Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất

- Ứng phó sự cố tràn đổ: khi có sự cố tràn đổ, công ty phổ biến cho các công nhân cùng thực hiện các bước sau:
 - Bước 1: Cô lập khu vực bị tràn đổ
 - Bước 2: Dùng cát, giẻ lau, đồ hút để thu gom lượng hóa chất đổ vào thùng lưu trữ. Tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình thu gom lượng hóa chất tràn đổ như: hóa chất thải, giẻ lau, găng tay, cát dính hóa chất,... được lưu trữ trong khu vực chất thải nguy hại của công ty để chờ chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
 - Ứng phó cháy nổ: phát hiện cháy nổ tại nhà kho, nhân viên nhanh chóng thực hiện biện pháp ứng phó sau:
 - Ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở.
 - Thông báo cho công nhân, lãnh đạo sơ tán kịp thời con người và vật dụng có giá trị khác trong vòng bán kính 500m.
 - Thông báo cho cơ quan có chức năng thẩm duyệt PCCC kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.
 - Công nhân dùng bình chữa cháy trang bị phong tỏa đám cháy và di chuyển hết khả năng các bình hóa chất bên ngoài cách ly khỏi đám cháy nhằm tránh tình trạng nổ hóa chất toàn cơ sở.
 - Ứng phó các sự cố nghiêm trọng
- Nếu sự cố được đánh giá nghiêm trọng, ban Giám đốc chỉ đạo điều động bộ phận xử lý tại chỗ kết hợp với các đơn vị có chức năng bên ngoài (UBND phường, cơ quan PCCC, các cơ sở y tế...) và các Công ty bên cạnh để có biện pháp hỗ trợ phối hợp xử lý, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng biết để giám sát, quản lý tránh gây ảnh hưởng đến môi trường.
- Kế hoạch sơ tán người, tài sản.
 - + Khi xảy ra sự cố thì lập tức báo động sơ tán những người không phận sự có mặt tại hiện trường tràn đổ và các khu vực có khả năng chịu tác động kể bên. Sơ tán ngay những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (nguồn lửa, nhiệt, cắt cầu dao điện,...)
 - + Sau khi sơ tán người và tài sản thì cô lập vùng nguy hiểm, cảnh báo cho người không phận sự không được tập trung tại khu vực sự cố.
 - Biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.
 - + Khi xảy ra tràn đổ và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc đầu tiên công ty cần làm là tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con

người, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng và tác động của hóa chất.

- + Khi sự cố có những ảnh hưởng xấu tới môi trường đã được xác định thì công ty sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường như thu hồi triệt để hóa chất tràn đổ, làm sạch mặt bằng và môi trường nơi tràn đổ rò rỉ hóa chất (trung hòa, pha loãng, hấp thụ,...), đền bù thiệt hại về người và môi trường nếu có... đồng thời thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường.
- Những lưu ý khi sự cố xảy ra.
 - + Thông báo cho Công ty TNHH Lode Star nhờ hỗ trợ đóng van xả của hệ thống thoát nước mưa của Công ty nhằm có thể cô lập, lưu trữ tạm thời toàn bộ lượng nước chữa cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Sau đó, công ty sẽ ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đến hút toàn bộ lượng nước chữa cháy này để xử lý đúng quy định không xả thải thẳng ra môi trường.
 - + Thông gió tối đa để giải tán hơi dung môi bảo vệ nhân viên trong khi xử lý tràn đổ hạn chế tiếp xúc với sơn bị đổ.
 - + Sử dụng dụng cụ và thiết bị không phát ra tia lửa.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

A. Nội dung cấp phép xả nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nhà vệ sinh, rửa tay,... từ hoạt động của công nhân.
- Nước thải sản xuất: Từ hệ thống sơn hấp thụ màng nước và lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.26.519; Y: 06.91.981.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250 m³/ngày.đêm tương đương 10,42 m³/giờ.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* liên tục (24 giờ).

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT), cụ thể như sau:*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	mg/l	6-9	3 tháng/ lần
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	75	
4	BOD	mg/l	30	
5	Tổng Nitơ	mg/l	20	
6	Tổng Phospho	mg/l	4	
7	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000	

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Công ty với công suất 250m³/ngày, đường ống thu gom nước thải là cống tròn BTCT D500-D800mm với tổng chiều dài là 2.210m, 275 hố ga.
- Nước thải sau xử lý cục bộ tại nhà máy bảo đảm đạt quy chuẩn nguồn tiếp nhận theo đường ống PVC đường kính 114 mmm đầu nối vào cống thoát nước mưa (Tọa độ X = 12.26.519 và Y = 06.91.981 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰) thải ra nguồn tiếp nhận Suối Ông Đông → suối Cái → sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và bể tách rác và dầu → bể điều hòa → bể Biofor hiếu khí → bể lắng sinh học → Bể ổn định + Khử trùng → Bể lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận Suối Ông Đông.

Thông số kỹ thuật thiết bị xử lý nước thải:

Stt	Bể	Kích thước bể	Thời gian lưu nước	Hóa chất sử dụng (nếu có)
1	Bể điều hòa	3600 x 2700 x 4000	6 – 8 giờ	--
2	Bể xử lý sinh học hiếu khí	3800 x 3000 x 4000	8 – 12 giờ	--
3	Bể Anoxic	4 x 3 x 3	2,5 - 4 giờ	--
4	Bể lắng	3000 x 3000 x 4000	2,5 giờ	--
5	Bể ổn định + khử trùng	1300 x 2700 x 4000	30 phút	Clo
6	Lọc áp lực	-	--	--
7	Bể chứa bùn	1500900 x 4000	--	--

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Vận hành theo quy trình, thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị.

– Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên bảo trì và kiểm tra các mối van, van khóa trên đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

– Thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến bề mặt khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không có

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

– Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư; bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải của suối Ông Đông.

– Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của chủ dự án đầu tư.

– Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải

– Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt bằng than củi.

– Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

– Tọa độ vị trí xả khí thải nguồn số 1: X: 12.26.162; Y: 61.01.77;

– Tọa độ vị trí xả khí thải nguồn số 2: X: 12.26.119; Y: 61.03.26.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

– Nguồn số 1: 3.500 m³/giờ.

– Nguồn số 2: 2.500 m³/giờ/ống.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường qua ống phát thải theo phương thức gián đoạn (chỉ xả thải trong thời gian hoạt động mỗi ngày của nhà máy, nhà máy hoạt động 8 giờ/ngày).

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:*

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	(mg/Nm ³)	200	-	3 tháng/lần
2	SO ₂	(mg/Nm ³)	500	-	
3	NO _x	(mg/Nm ³)	850	-	
4	CO	(mg/Nm ³)	1.000	-	
5	Toluen	(mg/Nm ³)	-	750	
6	Xylen	(mg/Nm ³)	-	870	

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải lò hơi đốt bằng củi được thu gom bằng xyclon thu hồi bụi qua tháp hấp thụ bằng xút loãng và thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao 18, đường kính 550mm.
- Nguồn số 2: Khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ quá trình sơn được hấp thụ bằng màng nước và hấp thụ sợi thủy tinh, sau đó thải ra môi trường bằng 138 ống thải cao 8 – 14m, đường kính 900mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải lò hơi → thu gom bằng quạt hút về Xyclon → Tháp hấp thụ bằng xút loãng → Thải ra môi trường qua ống khói.

Thông số kỹ thuật của công trình thu gom và xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi.

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Quạt	Q=3.500m ³ /h	1 cái
2	Motor quạt	H = 15 HP; V=550 vòng/phút	1 cái
3	Bơm nước	N= 3,5 HP; H=12 m H ₂ O	1 cái
4	Cyclone	Hình chóp; đường kính lớn nhất D1=1,1 M; đường kính nhỏ nhất D2=0,3m; Chiều cao cyclon H=3,4 m	1 cái
5	Tháp hấp thụ	Hình tròn D x H= 1,5 x 5 (m)	1 cái
6	Đường ống dẫn	D = 550mm	1 hệ thống

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
7	Bể chứa nước	Xây gạch dung tích 10 m ³	1 bể
8	Ống khói	Vật liệu inox 304 dày 2mm, Ø 550mm, H =18m	1 cái
9	Phụ kiện (Van, co, bec phun..)	-	1 bộ
10	Tủ điện điều khiển	-	1 bộ

- Công suất thiết kế: lưu lượng 3.500 m³/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: củi và nước.
- Nguồn số 2: Khí thải quá trình sơn.
 - + Hấp thụ màng nước → Quạt hút → Hấp thụ bằng màng nước → Ống thải cao từ 8m đến 14m, đường kính 900mm.
 - + Hấp thụ sợi thủy tinh → Quạt hút → Màng lọc sợi thủy tinh → Ống thải cao từ 8m đến 14m, đường kính 900mm.

Thông số kỹ thuật của thiết bị trong hệ thống hấp thụ sơn.

Stt	Số lượng	Kích thước màng sơn	Ống thải sơn	Kích thước hồ chứa nước	Lưu lượng – Công suất quạt hút
1	1 bồn sơn nước có màng treo	9 x 2,5	3 ống cao 12m	9 x 3,2 x 0,4	2.500 m ³ /h
2	13 bồn sơn sợi thủy tinh	8,6 x 2,5	16 ống cao 8m; 18 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h
3	1 bồn sơn sợi thủy tinh	6 x 2,5	3 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h
4	1 bồn sơn sợi thủy tinh	6 x 2,5	2 ống cao 14m.		2.500 m ³ /h
5	14 bồn sơn nước có màng treo	11,5 x 2,5	28 ống cao 8m; 14 ống cao 14m.	12 x 3,8 x 0,25	2.500 m ³ /h
6	12 bồn sơn nước không có màng treo	6 x 3,5	24 ống cao 8m; 12 ống cao 12m 6 ống cao 14m.	6 x 1,3 x 0,25	2.500 m ³ /h
7	1 bồn sơn nước không có màng treo	12 x 2,7	3 ống cao 8m	27 x 2,2 x 0,15	2.500 m ³ /h
8	3 bồn sơn sợi thủy tinh	6,2 x 3,9	9 ống cao 12m		2.500 m ³ /h
Tổng	46 bồn sơn			33,78 m³	

- Công suất thiết kế: lưu lượng 2.500 m³/giờ/ống thải
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước và sợi thủy tinh (than hoạt tính)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không áp dụng

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Nguồn số 1: khí thải phát sinh từ lò hơi.
 - + Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm vận hành lò hơi phải đảm bảo theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.
 - + Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống, đặc biệt là các van, khóa, hệ thống đường ống dẫn hơi nhằm phát hiện kịp thời các sự cố rò rỉ xảy ra.
 - + Có hồ sơ theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống
 - + Bảo trì lò hơi định kỳ.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh trong quá trình sơn.
 - + Nhà máy sẽ kiểm tra định kỳ vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý (thời gian vệ sinh 6 tháng/lần, tại các vị trí phát sinh nhiều bụi tiến hành vệ sinh 3 tháng/lần).
 - + Bố trí công nhân vận hành, thường xuyên kiểm tra bảo trì hệ thống và ghi chép vào nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải để kịp thời phát hiện sự cố xảy ra.
 - + Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm,...
 - + Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách.
 - + Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của chủ dự án đầu tư.
- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo chất lượng khí thải ra ngoài môi trường đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ sự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

– Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường./.

✎ **Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường**

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nguồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị trong sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

– Tọa độ vị trí phát sinh: X: 12.26.168; Y: 61.02.38.

(Hệ số tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 24:2016/BYT – QCVN 27:2016/BYT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn (QCVN 26:2016/BYT)

STT	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép mức áp suất âm (dBA)	Ghi chú
1	8 giờ	85	Tất cả các điểm giám sát ngoài hàng rào Công ty

3.2. Độ rung (QCVN 27:2016/BYT)

❖ Rung cục bộ:

STT	Thời gian tiếp xúc, phút	Mức cho phép		Ghi chú
		Gia tốc rung (m/s^2)	Vận tốc rung (m/s)	
1	480 (8 giờ)	1,4	$1,4 \cdot 10^{-2}$	
2	30 (0,5 giờ)	5,6	$5,6 \cdot 10^{-2}$	

❖ Rung toàn phần:

Dải tần số (Hz)	Gia tốc rung (m/s^2)		Vận tốc rung (m/s)		Ghi chú
	Rung đứng	Rung ngang	Rung đứng	Rung ngang	
1 (0,08-1,4)	1,10	0,39	$20,0 \cdot 10^{-2}$	$6,3 \cdot 10^{-2}$	
2 (1,4-2,8)	0,79	0,42	$7,1 \cdot 10^{-2}$	$3,6 \cdot 10^{-2}$	
4 (2,8-5,6)	0,57	0,80	$2,5 \cdot 10^{-2}$	$3,2 \cdot 10^{-2}$	
8 (5,6-11,2)	0,60	1,62	$1,3 \cdot 10^{-2}$	$3,2 \cdot 10^{-2}$	
16 (11,2-22,4)	1,14	3,20	$1,1 \cdot 10^{-2}$	$3,2 \cdot 10^{-2}$	
1,5 (22,4-45)	2,26	6,38	$1,1 \cdot 10^{-2}$	$3,2 \cdot 10^{-2}$	
63 (45-90)	4,49	12,76	$1,1 \cdot 10^{-2}$	$3,2 \cdot 10^{-2}$	

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực sản xuất được cách ly riêng với khu vực xung quanh.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/1 lần, các thiết bị cũ là 03 tháng/1 lần.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

A. Quản lý chất thải

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4. 1. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2021.

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Cặn sơn	08 01 01	TĐ	17.244	Cấp thoát nước môi trường Bình Dương
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm sơn	18 02 01	TĐ	9.332	
3	Thùng phuy sắt, thiết bị nhiễm hóa chất	18 01 02	SR-TC	34.558	Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông.
4	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	18 01 03	SR-TC	397	
5	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	18 01 03	SR-TC	1.680	
6	Bao bì mềm chứa thải thành phần nguy hại	18 01 01	TĐ	3.946	
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	HTXLBD-HR	82	
8	Thủy tinh vỡ	11 02 01	CL	117	
Tổng				67.356	

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 4. 2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Nhóm CTR	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp	6.997	Công ty môi trường Phú Xuân	-
2	Củi vụn, dăm bào	1.001.500	Công ty TNHH Quang Bảy	-
	Tổng	1.008.497		

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công, nhân viên làm việc tại Nhà máy phát sinh với khối lượng khoảng 3.432kg/năm tương đương 11 kg/ngày. Chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Hiện nay biện pháp lưu trữ chất thải nguy hại chưa đảm bảo, chủ dự án sẽ trang bị và bố trí thêm các thùng chứa tại khu vực sản xuất, để thu gom toàn bộ lượng CTNH phát sinh. Sau đó vận chuyển về kho CTNH và lưu chứa tại kho. Dự kiến sẽ bố trí như sau:

- 5 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất
- 3 thùng dung tích 60 lít đặt tại khu vực lưu trữ

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 1 kho chứa thùng phi, cặn sơn: 42m²; 1 kho chứa vải lau nhiễm hóa chất: 24m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền bê tông; có bố trí thiết bị để lưu chứa chất thải nguy hại, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xèng), có rãnh thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào kho chứa riêng biệt, để lưu chứa chất thải các loại.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 58,8 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Công ty đã bố trí kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, có tường bao, mái che, nền bê tông, diện tích 58,8m² để lưu trữ tạm thời chất thải rắn thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- 10 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu văn phòng, nhà vệ sinh, phòng khách.
- 10 thùng dung tích 60 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất.
- 5 thùng dung tích 120 lít đặt tại khu nhà ăn.
- 5 thùng dung tích 120 lít đặt tại khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.
- CTR sinh hoạt được tập kết về 5 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 660 lít (kích thước dài 1,35m x rộng 0,83m x cao 1,11m) đặt tại kho chứa CTR sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 24m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: có tường bao, mái che, nền bê tông theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không áp dụng

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất theo TCVN 55:2002 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ về hướng

dẫn Luật hóa chất; Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp); Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất: Thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên Đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hay dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đổ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy trống và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định, sử dụng phương tiện xe nâng di chuyển thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt, theo quy định khác.

- Phương án phòng ngừa trong tiếp nhận và vận chuyển hóa chất: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển hóa chất theo quy định, nhân viên, cán bộ vận chuyển hóa chất phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất, các loại hóa chất trước khi xếp dỡ phải được kiểm tra bao bì, nhãn hiệu đảm bảo không hư hỏng, rõ ràng.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép Môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên tại cơ sở, Công ty TNHH Lode Star phối hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu môi trường không khí và nước tại Công ty.

Việc đo đạc, phân tích được tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường của tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số liệu VILAS 444 theo *Quyết định số 92.2020/QĐ-VPCNCL ngày 13/02/2020 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng*.

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Dựa theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2 năm gần nhất. Công ty đã lập bảng tổng hợp quan trắc nước thải năm 2020 và năm 2021 của Công ty, cụ thể như sau:

- Thời gian và vị trí lấy mẫu

Bảng 5. 1. Thống kê thời gian vị trí quan trắc nước thải.

Stt	Năm quan trắc	Vị trí lấy mẫu	Thời gian quan trắc
1	Năm 2020	Đợt 1, 2, 3: Nước thải tại hố ga Đợt 4: Nước thải sau HTXL	- Đợt 1: 27/03/2020 - Đợt 2: 24/06/2020 - Đợt 3: 23/09/2020 - Đợt 4: 30/11/2020
2	Năm 2021	Nước sau hệ thống xử lý nước thải	- Đợt 1: 26/03/2021 - Đợt 2,3: Không lấy mẫu do tình hình dịch Covid 19 - Đợt 4: 28/12/2021

- Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý .

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH (30,2°C)	mg/l	6,74	6,92	6,57	6,81	6 - 9
2	TSS	mg/l	33	26	30	30	50
3	COD	mg/l	55	41	59	69	75
4	BOD ₅	mg/l	23	25	27	28	30
5	Tổng Nito	mg/l	10,02	9,50	11,12	12,1	20
6	Tổng photpho	mg/l	1,16	1,34	0,952	2,03	4
7	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	1,5	1,6	1,1	2,0	5
8	Coliform	MPN/100ml	2.800	2.400	2.600	2.700	3.000
9	NH ₄ ⁺	mg/l				3,69	5

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)
			Đợt 1	Đợt 4	
1	pH	mg/l	6,81	6,53	6 – 9
2	TSS	mg/l	18	22	50
3	COD	mg/l	43	59	75
4	BOD ₅	mg/l	18	27	30
5	Tổng N	mg/l	9,25	11,5	20
6	Tổng P	mg/l	0,71	0,94	4
7	NH ₄ ⁺	mg/l	1,02	3,25	5
8	Độ màu	mg/l	26,4	20,1	50
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	0,75	1,0	5
10	Coliform	MPN/100ml	2.200	2.400	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Căn cứ vào bảng tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2020 và 2021 của Công ty cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Điều này cho thấy hệ thống của Công ty đang hoạt động hiệu quả, Công ty cần tiếp tục vận hành, bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

- Thời gian và vị trí lấy mẫu

Stt	Năm	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Thời gian lấy mẫu
1	Năm 2020	Khí thải tại lò hơi	KT1	- Đợt 1: 27/03/2020 - Đợt 2: 24/06/2020 - Đợt 3: 23/09/2020 - Đợt 4: 30/11/2020
2	Năm 2021	Khí thải tại lò hơi	KT2	- Đợt 1: 26/03/2021 - Đợt 2,3: Không lấy mẫu do tình hình dịch Covid 19 - Đợt 4: 28/12/2021
		Khí thải hơi dung môi	KT3	

- Kết quả quan trắc

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Lưu lượng	P (m ³ /h)	P<20.000	P<20.000	P<20.000	P<20.000	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1
2	Bụi	(mg/Nm ³)	78	102	115	112	200
3	CO	(mg/Nm ³)	539,4	482,6	572,5	596,7	1.000
4	SO ₂	(mg/Nm ³)	32,7	54,1	17,8	43,5	500
5	NO _x	(mg/Nm ³)	118,2	86,9	128,9	124,7	850

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả KT2		QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Kết quả KT3		QCVN 20:2009/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 4		Đợt 1	Đợt 4	
1	Lưu lượng	P (m ³ /h)	P<20.000	P<20.000	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	-	-
2	Bụi	(mg/Nm ³)	117	128	200	-	-	-
3	CO	(mg/Nm ³)	605,3	624,4	1.000	-	-	-
4	SO ₂	(mg/Nm ³)	27,1	31,5	500	-	-	-
5	NO _x	(mg/Nm ³)	89,4	96,8	850	-	-	-
6	Toluen	(mg/Nm ³)	-	-	-	75,2	69,7	750
7	Xylen	(mg/Nm ³)	-	-	-	61,4	53,6	870

(Nguồn: Công ty TNHH Lode Star)

Nhận xét:

Dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải tại Bảng 5.4 và 5.5, ta thấy hiện tại công trình xử lý khí thải tại nhà máy đang vận hành hiệu quả. Chất lượng khí thải đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K_p = 1 và K_v = 1 và QCVN 20:2009/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:** không có
- 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

A. Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát: Nước sau hệ thống xử lý nước thải
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, NH₄⁺, Độ màu, Tổng dầu, mỡ khoáng, Coliform
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn giám sát: QCVN 40:2011/BTNMT, (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. Quan trắc nguồn nước tiếp nhận.

- Vị trí giám sát: 01 điểm trên suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần
- Quy chuẩn giám sát: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, (Cột A2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

C. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

❖ Không khí khu vực sản xuất

- Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực sản xuất
- Thông số giám sát: bụi, ồn, vi khí hậu, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn giám sát:

QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amilang, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

❖ Chất lượng khí thải tại nguồn

- Vị trí giám sát: Nguồn số 1: Khí thải tại ống khói lò hơi
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi, CO, SO, NO,
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn giám sát: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Vị trí giám sát: Nguồn số 2: Khí thải tại ống thoát hơi sơn

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Toluene, Xylen, Benzen, Butyl axetat, Etylaxetat, Etylbenzen,...
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần
- Quy chuẩn giám sát: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

❖ Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí:
 - + Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt
 - + Khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường
 - + Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom.
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông ty 02/2022/TT-BTNMT.

❖ Báo cáo giám sát môi trường

Chủ dự án cam kết thực hiện chương trình báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 năm/lần (hoặc thay đổi theo quy định hiện hành) gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm khi dự án đi vào hoạt động được trình bày trong bảng 6.1

Bảng 6. 1. Kinh phí cho chương trình giám sát

Stt	Hạng mục	Chi phí (VND/năm)
1	Giám sát chất thải	
1.1	Giám sát chất lượng nước thải	10.000.000
1.2	Giám sát chất lượng khí thải	10.000.000
2	Thu gom, xử lý CTR thông thường	20.000.000
3	Thu gom, xử lý CTNH	40.000.000
	Tổng	80.000.000

Tổ chức thực hiện chương trình giám sát môi trường

- Chủ dự án chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các đơn vị, cơ quan có chức năng có đủ điều kiện quan trắc môi trường để thực hiện giám sát môi trường tại dự án.
- Chủ dự án sẽ báo cáo kết quả quan trắc môi trường theo định kỳ lên Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để báo cáo định kỳ theo đúng quy định.

Kết quả giám sát môi trường sẽ được cập nhật, lưu trữ tại cơ sở để phục vụ quá trình bảo vệ môi trường của công ty; đồng thời cung cấp cho các cơ quan thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường khi được yêu cầu.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2020, 2021 Công ty không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động Công ty luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường, quan trắc định kỳ chất thải để đánh giá hiệu quả đảm bảo công tác quản lý, thực hiện các biện pháp giảm thiểu đạt hiệu quả: nước thải, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trong các quá trình hoạt động dự án sẽ gây ra một số ô nhiễm môi trường khác, tuy nhiên theo phân tích ở trên thì khả năng ô nhiễm này không đáng kể và có thể khắc phục được. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống, Công ty sẽ có nhiều cố gắng trong nghiên cứu và thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động, Công ty cam kết:

- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải, khí thải và các tác động khác phát sinh từ cơ sở.
- Công ty cam kết xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đúng tiến độ đề ra và đảm bảo xử lý chất thải theo đúng các quy chuẩn hiện hành trước khi thải vào môi trường. Công ty xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra ô nhiễm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do cơ sở hoạt động sản xuất. Cam kết thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng dịch và xử lý khi có dịch bệnh.
- Tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy. Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Chứng nhận lần đầu: ngày 05 tháng 5 năm 2008
Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: ngày 24 tháng 7 năm 2014
(Giấy phép đầu tư gốc số 277/GP-BD ngày 29/7/2003)

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Xét Bản đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo của CÔNG TY TNHH LODE STAR nộp ngày 14 tháng 7 năm 2014;

Chúng nhận nhà đầu tư: KIMBERLY WORLDWIDE LIMITED; Giấy
phép đăng ký kinh doanh số AC-134768; cấp ngày 13 tháng 4 năm 2004; nơi
cấp Cayman Islands, B.W.I; địa chỉ trụ sở chính P. O. Box 30592, S.M.B,
Cayside, 2rd Floor, Harbour Drive George Town, Grand Cayman, Cayman
Islands, B.W.I.

Đại diện bởi: Ông CHAN, MU-CHUAN; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); sinh ngày 30 tháng 01 năm 1953; hộ chiếu số 301364324; ngày cấp 13 tháng 4 năm 2010; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú 25 Lane 263, Chia-Chan Rd., Tien Pao Village, Tzukuan Shiang Kaohsiung, Taiwan; nơi ở hiện nay khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung sau:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính do Nhà nước thay đổi tên gọi đơn vị hành chính.
- Thay đổi số và ngày cấp hộ chiếu của người đại diện nhà đầu tư kiêm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản (cho thuê một phần nhà xưởng dư thừa do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).



Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:
 - Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LODE STAR;
 - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: LODE STAR CO., LTD;Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.
3. Địa chỉ trụ sở chính: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
01	C 3100	Sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng.
02		Kinh doanh bất động sản (cho thuê một phần nhà xưởng dư thừa do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

5. Vốn điều lệ: 8.000.000 (tám triệu) đô la Mỹ.
6. Vốn pháp định: 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng Việt Nam.
7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông CHAN, MU-CHUAN; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); sinh ngày 30 tháng 01 năm 1953; hộ chiếu số 301364324; ngày cấp 13 tháng 4 năm 2010; nơi cấp Bộ Ngoại giao Đài Loan; địa chỉ thường trú 25 Lane 263, Chia-Chan Rd., Tien Pao Village, Tzukuan Shiang Kaohsiung, Taiwan; nơi ở hiện nay khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; chức vụ Tổng giám đốc.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ GIA DỤNG.
2. Địa điểm thực hiện dự án: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Diện tích đất sử dụng: 193.570m².
3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
 - a) Mục tiêu:
 - Sản xuất, gia công các mặt hàng đồ gỗ gia dụng.
 - Kinh doanh bất động sản (cho thuê một phần nhà xưởng dư thừa do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).
 - Bất động sản (nhà xưởng) khi đưa vào kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Luật Kinh doanh bất động sản.
 - b) Quy mô của dự án:
 - Sản xuất đồ gỗ: Sản lượng 180.392 sản phẩm/năm.
 - Kinh doanh bất động sản: Doanh thu 290.000 đô la Mỹ/năm.
4. Tổng vốn đầu tư: 20.000.000 (hai mươi triệu) đô la Mỹ.
vốn góp để thực hiện dự án: 8.000.000 (tám triệu) đô la Mỹ.
Tiền độ góp vốn: đã góp đủ.



25
PHÒNG
CHỦ
HỘI
N.T.B

5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2003.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Đã hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

7. CÔNG TY TNHH LODE STAR thực hiện các quy định đối với dự án đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành;

c) Mức thuế thu nhập, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

e) Tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 3:

Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho Doanh nghiệp, một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 22659... Quyền số: 06 SCT/BS

Ngày: 17-06-2022



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Phương



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cung

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700527439

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 05 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 07 tháng 05 năm 2020

BẢN SAO

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LODE STAR CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.3652289

Fax: 0650.3652282

Email: lodestarco@vnn.vn

Website:

3. Vốn điều lệ 132.368.376.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng

tương đương 8.000.000 USD (Tám triệu đô la mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: KIMBERLY WORLDWIDE LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: AC-134768

Ngày cấp: 13/04/2004 Nơi cấp: Cayman Islands, B.W.I

Địa chỉ trụ sở chính: P.O. Box 30592, S.M.B. Cayside, 2rd Floor, Harbour Drive
George Town, Grand Cayman, Cayman Islands, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHAN, MU-CHUAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 30/01/1953

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc (Đài Loan)

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 353360406

Ngày cấp: 04/03/2020

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25, Lane 263, Chia-Chan Rd., Tien Pao Village, Tzukuang Shiang Kaohsiung, Đài Loan, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 22658... Quyền số: 06 SCT/BS

Ngày: 17-06-2022

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Phương



Nguyễn Thanh An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

Số : 02/2022/UQ

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022 tại Văn phòng Công ty TNHH Lode Star, chúng tôi gồm có:

1. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A) :

Ông : **CHAN MU CHUAN**

- Sinh ngày : 30/01/1953 Quốc tịch : Đài Loan
- Hồ chiếu số 353360406 do Đài Loan cấp ngày 04/03/2020
- Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lode Star.

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Bên B) :

Ông : **CHIN HSIUNG**

- Sinh ngày : 26/03/1957 Quốc tịch : Đài Loan
- Hồ chiếu số 352559001 do Đài Loan cấp ngày 01/08/2019
- Chức vụ : Quản lý nhân sự

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN :

Bằng Giấy ủy quyền này, Tôi, **CHAN MU CHUAN** đồng ý ủy quyền cho Bên B là Ông **CHIN HSIUNG** thay mặt tôi thực hiện một số công việc trong thời gian tôi vắng mặt, cụ thể như sau:

- Được quyền ký các biên bản chuyển giao rác công nghiệp thông thường, rác phát sinh từ hoạt động của người lao động, chứng từ chất thải nguy hại.
- Ký báo cáo thống kê, báo cáo nước thải hàng quý, báo cáo ngân hàng nhà nước.
- Ký các hợp đồng mua bán, dịch vụ.
- Ký các báo cáo gửi cơ quan chức năng.
- Ký các loại văn bản liên quan phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Làm việc với các đoàn kiểm tra và ký các giấy tờ có liên quan.

Thời hạn ủy quyền : Kể từ ngày ký cho đến ngày 31/12/2023.

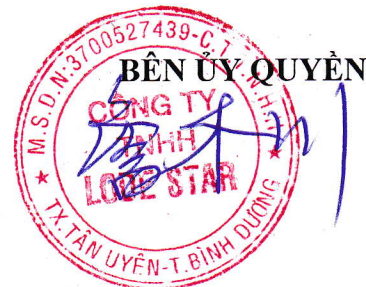
Bên A cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi hành vi do Bên B nhân danh Bên A thực hiện việc ủy quyền trên.

Bên B cam kết thực hiện đúng nội dung Bên A đã ủy quyền cho Bên B.

Giấy ủy quyền này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN


Chin, Hsiung



Chan Mu Chuan

Số: 1.89...../QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 11 tháng 3 năm 2012

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường
Nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm
tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương; Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điều 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt QCVN 40:2011 cột A, ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Quy định tại điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra, giám sát;

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 60 ngày kể từ ngày ký quyết định.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các mặt hàng đồ gỗ gia dụng công suất 180.392 sản phẩm/năm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận: ✓

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lode Star;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Lưu: VT, CCBVMT, Viet7.



Võ Thị Ngọc Hạnh

**Văn phòng công chứng Uyên Hưng
CHỨNG THỰC**

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 06570.....Quyển số: 3.....SCT/BS

Uyên Hưng, ngày 6...tháng 6...năm 2016..

CÔNG CHỨNG VIÊN



Đoàn Xuân Hội



**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình: Xưởng sản xuất chế biến và gia công các mặt hàng gỗ gia dụng (giai đoạn 2) của công ty TNHH Lode Star.

Địa điểm xây dựng: Xã Tân Hiệp- huyện Tân Uyên- tỉnh Bình Dương.

Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu : 10 giờ 00, ngày 07 tháng 05 năm 2009.

Kết thúc: 11 giờ 00, ngày 07 tháng 05 năm 2009.

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: Công Ty TNHH Lode Star.
 - + Bà: Chan Kuo Pi Yu - Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc.
- Đại diện nhà thầu thi công xây dựng: Công ty CP-TK-XD-TM Phúc Thịnh.
 - + Ông: Tô Khải Đạt - Chức vụ: T. Giám đốc.
- Đại diện đơn vị giám sát: Chủ đầu tư tự giám sát.
 - + Chủ đầu tư tự giám sát.
- Đại diện Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu :
 - + Ông : Cao Minh Thắng - Chức vụ : Cán bộ phòng QL.KTKT.
 - + Ông : Hồ Trung Tâm - Chức vụ : Nhân viên phòng QL.KTKT.

Đã tiến hành những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu hoàn thành: Xưởng sản xuất chế biến và gia công các mặt hàng gỗ gia dụng (giai đoạn 2) của công ty TNHH Lode Star, đã lập giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng.
- Kiểm tra tính pháp lý và hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình với quy mô xây dựng như sau:

a/ Hàng mục : Xưởng A.

- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích trệt: 13.580 m².

Khu vệ sinh kế xưởng: 72m².

- Cấu trúc : Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa sắt lùa và cửa kính khung nhôm, khu vực lò sấy có trần bê tông cốt thép. Nền bê tông, khu vực vệ sinh lát gạch.

b/ Hàng mục : Xưởng B.

- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích : 16.060m².

Khu vệ sinh kế xưởng: 72m².



- Cấu trúc : Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa sắt lửa và cửa kính khung nhôm, khu vực lò sấy có trần bê tông cốt thép. Nền bê tông, khu vực vệ sinh lát gạch.

c/ Hạng mục : Xưởng D.

- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích : $4.176m^2$.
- Cấu trúc : Móng cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa sắt lửa và cửa kính khung nhôm. Nền bê tông.

d/ Hạng mục : Kho sơn.

- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích : $241,5m^2$.
- Cấu trúc : Móng cột, đà kiềng, giằng tường, đà sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa panô tole. Nền bê tông.

e/ Hạng mục : Nhà xưởng 1 mở rộng (kéo dài).

- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích : $828m^2$.
- Cấu trúc : Móng cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp tole. Cửa cuốn, cửa sắt lửa và cửa kính khung nhôm. Nền bê tông.



f/ Hạng mục : Nhà nghỉ 1 và 2.

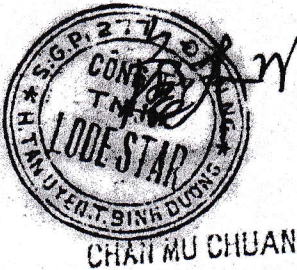
- Số tầng : Nhà 01 tầng.
- Diện tích : nhà nghỉ 1: $480m^2$. nhà nghỉ 2: $325,55m^2$.
- Cấu trúc : Móng cột, đà kiềng, giằng tường, đà mái, sê nô, sàn sảnh bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Vỉ kèo, xà gỗ thép. Mái lợp ngói. Cửa kính khung nhôm. Nền lát gạch.

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia đã có kết luận :

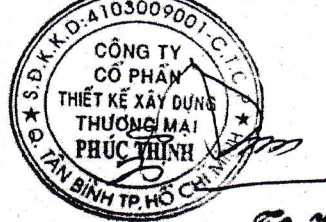
1. Hồ sơ trình để nghiệm thu hoàn thành công trình: Xưởng sản xuất chế biến và gia công các mặt hàng gỗ gia dụng (giai đoạn 2) của công ty TNHH Lode Star, lập theo danh mục nêu tại Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15/07/2005 của Bộ Xây Dựng.
2. Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình: Xưởng sản xuất chế biến và gia công các mặt hàng gỗ gia dụng (giai đoạn 2) của công ty TNHH Lode Star, cơ bản lập theo quy định.
3. Các ý kiến nhận xét khác:

- Các hạng mục công trình chủ đầu tư đã thi công theo giấy phép xây dựng số: 2244/GPXD, ngày 23/10/2007 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.
 - Công tác giám sát công trình do chủ đầu tư tự giám sát.
 - Ngày khởi công: Ngày 21/09/2007, ngày hoàn thành: Ngày 29/09/2008.
4. Hồ sơ trình kiểm tra hoàn thành của của công ty TNHH Lode Star, đủ điều kiện để chủ đầu tư tiến hành việc nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

Chủ đầu tư



Nhà thầu thi công xây dựng

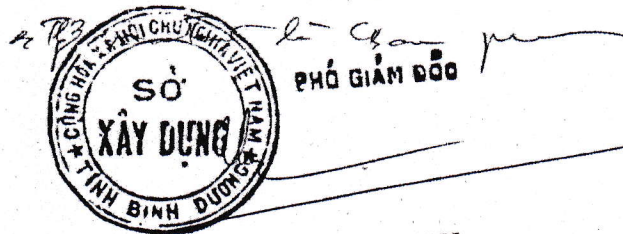


Cổ Khởi Đạt

Đại diện Sở Xây dựng

Cao Minh Thắng- Hồ Trung Tâm
Xác nhận

Số: 1365. /SXD-QLKTKT, ngày 23 / 6 /2009



Nguyễn Văn Khiếu

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc kiểm tra hiện trạng công trình xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 20/12/2011 tại Công trình xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

I. Thành phần tham dự gồm:

1. Đại diện Văn phòng ĐKQSDĐ - Sở TNMT tỉnh Bình Dương:

+ Ông/bà: Nguyễn Thị Bình Minh chức vụ: Nhân viên

+ Ông/bà: Lê Thị Ngọc Hà chức vụ: Nhân viên

2. Đại diện Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

+ Ông/Bà: Lê Văn Hiền chức vụ: Chuyên viên

3. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp.

+ Ông/Bà: Lê Văn Bùn chức vụ: Chủ tịch xã

4. Đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

+ Ông/Bà: Phan Mù Chuân chức vụ: Tổng Giám Đốc



II. Nội dung:

- Căn cứ theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bổ sung tài sản gắn liền với đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star;

- Căn cứ Giấy phép xây dựng số 966/GPXD ngày 16/6/2011 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 300063 ngày 19/7/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp và Bản vẽ hoàn công của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

Các cơ quan kiểm tra đã tiến hành kiểm tra hiện trạng thực tế công trình xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star. Công trình thực tế được xây dựng như sau:

1) Xưởng 3A: 01 tầng, cấp 3

Diện tích theo GPXD: 3115,4 m²

Diện tích XD thực tế: 3115,4 m²

Cấu trúc: Móng, khung cột, dầm, tường bằng BTCT

Tường xây gạch, vữa xi măng, sàn gỗ, thép, mái tôn, nội thất

2) Khu mốp xếp: 01 tầng + tầng lửng, cấp 4

+ Tổng Diện tích theo GPXD: 774m²
 Tầng 1: 486 m², tầng lửng: 288 m²
 + Tổng diện tích XD thực tế: 774 m²
 Tầng 1: 486 m², tầng lửng: 288 m²
 + Lưu ý: Móng, khung cột, đà kiềng bằng BCT. Trồng xây
 gạch xi măng, xà gỗ thép. Mái tole. Nền bê tông (khu
 gác lửng: khung thép kèo thép, sàn bê tông).
 * Qua kiểm tra hiện trạng thực tế công trình XD của
 Công ty TNHH Lode Star, cái có quan hệ có ý kiến như sau:
 Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về chất lượng CI, CCC, MT.
 Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình
 theo diện tích đã được cấp phép.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, được đọc lên cho các bên
 tham dự cùng nghe và thống nhất, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như
 nhau mỗi bên giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN VPĐKQSDĐ
 TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**ĐẠI DIỆN SỞ XÂY DỰNG
 TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Mul
 Nguyễn Thị Bình Minh
hl
 Lê Thị Ngọc Tiên

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN
 XÃ TÂN HIỆP**

hl
 Lê Văn Ban

hl
 Lục Tân Hiến

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH
 LOD STAR**

TỔNG GIÁM ĐỐC
hl
 CHAN MU CHUAN

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

SỐ : ...288..... /GPXD

1./ **Cấp cho:** Công ty TNHH Lode Star.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000337 do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 05/05/2008, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 16/10/2009.
- Địa chỉ trụ sở chính: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên.

2./ **Được phép xây dựng công trình:**

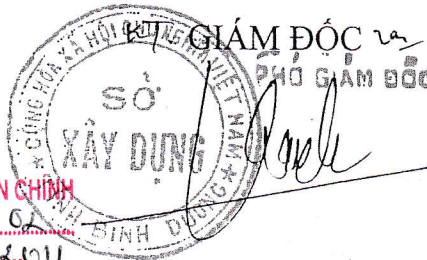
- Tên công trình: Nhà xưởng giai đoạn III.
- Vị trí xây dựng: thửa đất số 17, tờ bản đồ số 09, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 235/QSĐĐ/2004 ngày 06/08/2004 của UBND tỉnh, diện tích đất 140.639 m².
- Địa chỉ : xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên.
- Chỉ giới xây dựng: cách đường hiện có 10m.
- Nội dung công trình chính gồm:
 - + **Xưởng D1** : Diện tích xây dựng 48mx100m = 4.800m². Chiều cao đỉnh mái 14m. Móng, dầm, cột bê tông cốt thép. Kèo thép. Mái tôn. Nền bê tông lưới thép. Tường gạch. Cửa sắt và cửa panô kính.
 - + **Xưởng D2** : Diện tích xây dựng 48mx46m = 2.208m². Chiều cao đỉnh mái 14m. Móng, dầm, cột bê tông cốt thép. Kèo thép. Mái tôn. Nền bê tông lưới thép. Tường gạch. Cửa sắt và cửa panô kính.

3./ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn một năm kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải xin phép gia hạn. Nơi.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư,
- Phòng QLKTKT
- VP lưu

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2010.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: ...1018... QUYỀN SỐ: ...4...
Ngày: ...08 tháng 8 năm 2010...



Trần Khắc Thạch

Số: 22/HQ /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH LODE STAR.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng hạng mục công trình Nhà nghỉ ca, lò sấy.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-04); KT(01-03); KC(01-13); PC(01-03).

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Tại Thửa đất số 17, 08; tờ bản đồ số 09, 14, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 41,6%, hệ số sử dụng đất: 0,41.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính mép đường đất rộng 5m.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị các hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Các hạng mục công trình gồm:

2.1. Nhà sấy gỗ:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Diện tích: $(9,7 \times 39) = 378,3m^2$.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,15m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 8,6m; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, kèo thép. Cửa sắt.

2.2. Nhà nghỉ ca: (02 nhà giống nhau)

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Diện tích 01 nhà: $(10 \times 40) + (3 \times 4) = 412m^2$.

- Tổng diện tích 02 nhà: $824m^2$.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,3m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 6,4m; Số tầng: 01 tầng.

- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch. Tường xây gạch. Mái lợp ngói, hệ đỡ mái bằng thép. Cửa nhôm.



2.2. Các công trình khác: Công trình có sơ đồ đầu nổi điện, nước, phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 300063, số vào sổ cấp GCN: CT00293 ngày 19/7/2011, do UBND tỉnh Bình Dương cấp, diện tích khu đất 193.570m²; Mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng: đến ngày 29/7/2053.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

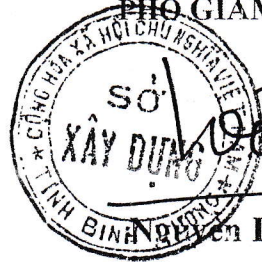
Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Th. *Thanh*

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC *Mica*



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



Bình Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

(Cấp lần 5)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Lode Star.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3652289; Fax: 0650 3652282; Email: lodestarco@vnn.vn

Tài khoản số: 5590211.000836 tại Ngân hàng Nông nghiệp Sóng Thần

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 2): ngày 24 tháng 7 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH : 74.000039.T cấp lại lần 3 ngày 21 tháng 02 năm 2012.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Lode Star;
- Lưu: VT, Nga3.



Tào Mạnh Quân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.000039.T do
Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 5 ngày 16 tháng 5 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH Lode Star.

Địa chỉ: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3652289

Fax: 0650 3652282

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 2): ngày 24 tháng 7 năm 2014.

Nơi cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Màng sơn, cặn sơn thải	Rắn	22.000	08 01 01	Tăng
2	Hộp mực in	Rắn	30	08 02 04	Tăng
3	Keo thải	Rắn	1.700	08 03 01	Tăng
4	Bóng đèn thải	Rắn	60	16 01 06	Giảm
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	1.700	17 02 04	Tăng
6	Dung môi thải	Lỏng	900	17 08 03	Tăng
7	Thùng phuy 200 lít chứa hóa chất	Rắn	90.000	18 01 02	Giảm
8	Thùng thiếc 20 lít chứa hóa chất	Rắn	6.000	18 01 02	Giảm
9	Thùng nhựa 1200 lít	Rắn	7.000	18 01 03	Giảm
10	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	Rắn	120	18 01 03	-
11	Vải lau, găng tay dính hóa chất	Rắn	50.000	18 02 01	Tăng
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01	Tăng

Tổng số lượng: 179.520 kg

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	21.000
2	Mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn	Rắn	1.800.000
3	Thùng carton	Rắn	10.000
4	Bao nylon	Rắn	3.500
5	Mút xốp	Rắn	2.000
Tổng số lượng:			1.836.500 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.000039.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 5 ngày 26 tháng 5 năm 2015” được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Lode Star được chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2016, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Đại diện : SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
- Họ tên : NGÔ QUANG SỰ.
- Chức vụ : PHÓ GIÁM ĐỐC.
- Trụ sở : Tầng 9, tháp A, tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (06503) 822252.

II. Bên thuê đất là: CÔNG TY TNHH LODE STAR.

- Đại diện : CHAN, MU-CHUAN
- Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC
- Trụ sở : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Tổng diện tích đất: 937,2m² (Chín trăm ba mươi bảy phẩy hai mét vuông)(trong đó có diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ: 15,9m² và



diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ suối: 9,6m². Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và hành lang bảo vệ suối).

2. Vị trí, ranh giới khu đất: tại thửa đất số 1567, tờ bản đồ số 09 thuộc phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (theo Mảnh trích lục địa chính (có đo đạc chính lý) số 1 - 2015 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương xác lập ngày 20/5/2015).

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 29/7/2053.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất là 4.437 đồng/m²/năm (Bốn ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng/m²/năm) theo Thông báo số 2452/TB-CT ngày 05/02/2016 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về đơn giá thuê đất.

Giá tiền thuê đất này được ổn định 05 năm, kể từ ngày 22/12/2015 đến ngày 21/12/2020

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 22/12/2015.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Tài khoản 7111 tại Kho bạc nhà nước thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thì hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên

thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất
CÔNG TY TNHH LODE STAR
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
LODE STAR
TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG
CHÂN MU CHUAN

Bên cho thuê đất
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG
NGÔ QUANG SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LODE STAR

Giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337. Chứng nhận lần đầu ngày 05/5/2008,
chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 16/10/2009

do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

BE 300063

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số: 17, 08, tờ bản đồ số: 09, 14
b) Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 193570m², (bằng chữ: Một trăm chín mươi ba ngàn năm trăm bảy mươi mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 193570m², chung: không
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/7/2053
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng giai đoạn III của Công ty TNHH Lode Star.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Xưởng D1	4.800	4.800	Móng, dầm, cột BTCT. Kèo thép. Mái tole. Nền bê tông lưới thép. Tường gạch. Cửa sắt và cửa panô kính.	3	01	2011	-/-
Xưởng D2	2.208	2.208	Móng, dầm, cột BTCT. Kèo thép. Mái tole. Nền bê tông lưới thép. Tường gạch. Cửa sắt và cửa panô kính.	3	01	2011	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Diện tích sử dụng: 193.570m² (đã trừ 3.524m² hành lang lộ giới), trong đó:
 - + Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 09 diện tích 177.477m²;
 - + Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 14 diện tích 16.093m².
- Cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-724978 ngày 06/8/2004 và bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

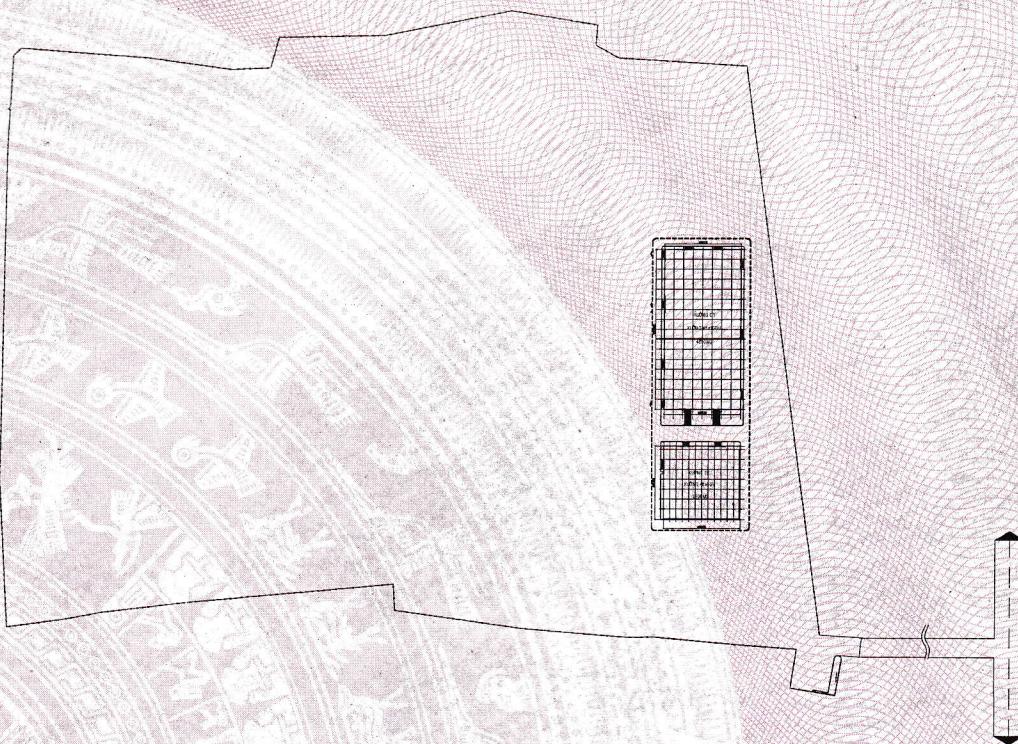
Bình Dương, ngày 19... tháng... 7 năm 2011
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT00293

Phạm Danh

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất với Chi nhánh Ngân hàng
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Khu công nghiệp Sóng Thần
theo Hợp đồng thế chấp số 02/2009/LSTA/HĐTC ngày 01/4/2009.

02.4.2009

Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình của Công ty
trách nhiệm hữu hạn Lode Star.

Hạng mục công trình	Diện tích XD (m ²)	DT sản hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp hạng	Số tầng	Năm HT xây dựng
Xưởng 3A	3115,4	3115,4	Móng, khung cột, dầm kiềng bằng BTCT. Tường xây gạch, vì kèo, xà gỗ thép. Mái lợp, nền bê tông.	III	01	2011
Kho mốp xốp	486	774	Móng, khung cột, dầm kiềng bằng BTCT. Tường xây gạch, vì kèo, xà gỗ thép. Mái lợp, nền bê tông (khu gác lửng khung thép, kèo thép, sàn bê tông).	IV	01 tầng + lửng	2011



GIÁM ĐỐC

10.01.2012

Lê Thị Ngọc Dung

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT Xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà kho	2155,2	2155,2	Móng, khung cột dầm kiềng bằng BTCT. Tường xây gạch & ốp tôn. Mái tôn. Nền bê tông	III	01	-/-	-/-
Nhà bảo vệ	48	48	Móng, khung cột dầm kiềng bằng BTCT. Tường xây gạch. Mái ngói. Nền lát gạch	IV	01		



GIÁM ĐỐC

05.03.2014

Phạm Thanh Tùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Tuyết

Thu hồi diện tích đất 16.093m² (thửa đất số 8 tờ bản đồ số 14) theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Diện tích còn lại 177.477m² (thửa đất số 17 tờ bản đồ số 14).

Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất (nhà kho 2.155,2m², nhà bảo vệ 48m²) cho Công ty TNHH chế biến gỗ Mộc Xuyên, địa chỉ trụ sở chính: khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương – theo hồ sơ số 140.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



742592011004307

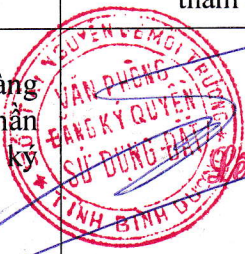
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 17, 08

Tờ bản đồ số: 09, 14

Số phát hành GCN: BE 300063

Số vào sổ cấp GCN: CT00293

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thay đổi tên của bên nhận thế chấp thành tên mới là Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 06/12/2011 - hồ sơ số 1048/quyền số 03/2011. <i>quy</i>	 GIÁM ĐỐC 06.12.2011 <i>Thị Ngọc Dung</i>
Đã xóa đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất (GCNQSH công trình xây dựng – Hồ sơ gốc số 66/CN-SHCT ngày 06/11/2006) ngày 06/12/2011 theo hồ sơ số 1049/quyền số 03/2011. <i>quy</i>	 GIÁM ĐỐC 06.12.2011 <i>Thị Ngọc Dung</i>
	

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số:



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

7 4 7 2 3 2 5 9 2 1 0 0 1 7 0

CHỨNG NHẬN

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

1/ Tên công trình: **CÔNG TY TNHH LODE STAR**

Địa chỉ: **Xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**

Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sàn XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Xưởng gỗ	3	5.888	1.312,54	BTCT	01	2004
02	Xưởng Sơn	3	5.888		BTCT	01	2004
03	Kho NL	3	10.086,2		BTCT	01	2004
04	Văn phòng	3	668,74		BTCT	02	2004
05	Nhà bảo vệ	4	42		BTCT	01	2004
06	Trạm điện	4	250		BTCT	01	2004
07	2 nhà vệ sinh	4	144		BTCT	01	2004
08	Nhà hút bụi	4	57,5		BTCT	01	2004

2/ Đất có công trình xây dựng:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): 235/QSDĐ/2004 ngày 06/ 8/2004

Thửa đất số:

Diện tích: 193.570 m²

Sử dụng riêng: m²

Sử dụng chung: m²

Đất được giao hoặc thuê: Đất thuê (50 năm)

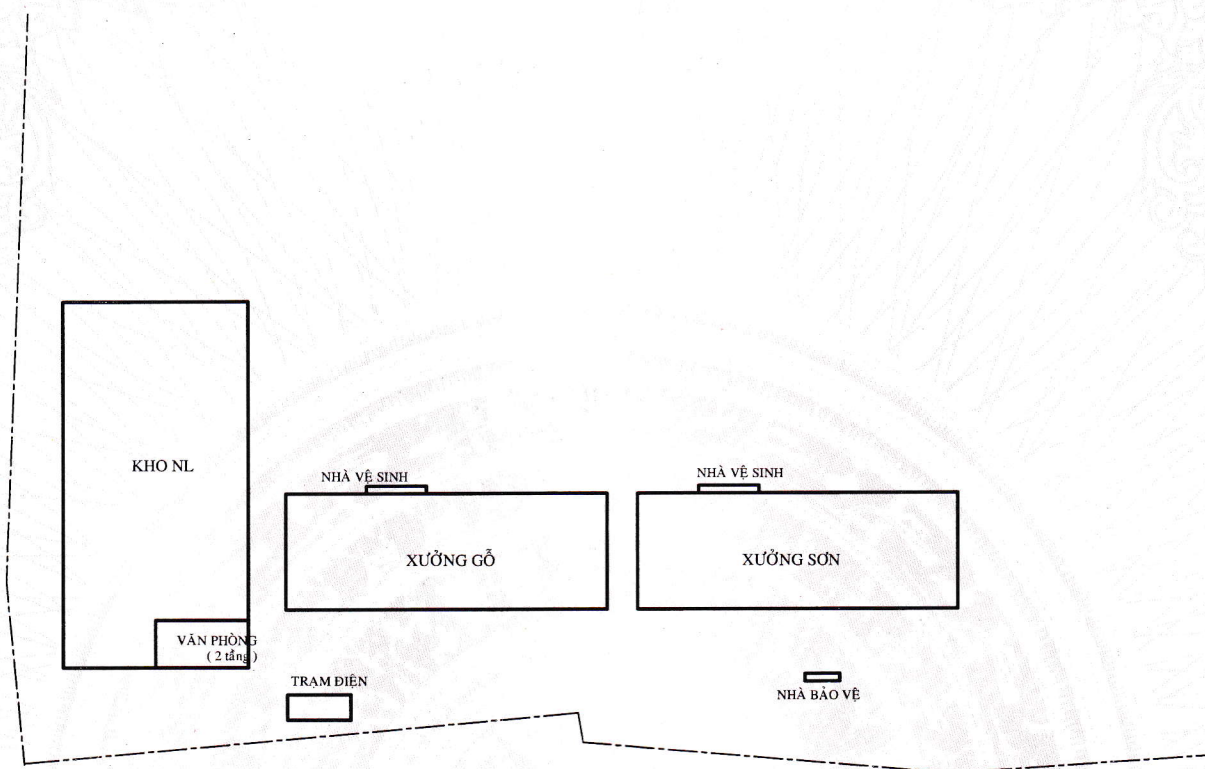
Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm):

1112/HĐ.TĐ ngày 03/6/2004

Thời gian thuê từ ngày 29 tháng 7 năm 2003

đến ngày tháng năm

Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng



Mục IV của trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

BD, ngày 06 tháng 11 năm 2006
TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương



Hồ sơ gốc số 66/CN-SHCT

Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ký, đóng dấu)
(1)	(2)	(3)

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Chủ sở hữu có quyền và nghĩa vụ đối với công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận chia công trình xây dựng phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận mới.
3. Chủ sở hữu không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận.
4. Chủ sở hữu có trách nhiệm:
 - Giữ gìn, bảo quản giấy chứng nhận; trường hợp mất giấy chứng nhận phải báo ngay với công an phường, xã, thị trấn nơi gần nhất và cơ quan cấp giấy.
 - Khi giấy chứng nhận bị hư hỏng, rách nát hoặc mục IV hết chỗ ghi thì chủ sở hữu phải đến cơ quan cấp giấy chứng nhận làm thủ tục để được cấp đổi giấy mới.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

7 4 7 2 3 2 5 9 3 3 0 0 9 3 2

CHỨNG NHẬN

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

1/ Tên công trình: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sàn XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Nhà Xưởng A	3	13.652		Btct	01	2007
02	Nhà Xưởng B	3	16.132		Btct	01	2007
03	Nhà Xưởng D	3	4.176		Btct	01	2007
04	Kho sơn	4	241,5		Btct	01	2007
05	Xưởng mở rộng	4	828		Btct	01	2007
06	2 Nhà nghỉ	4	805,55		Btct	01	2007

2/ Đất có công trình xây dựng:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): T 724978 ngày 06/ 8/2004

Thửa đất số: 17; 08

Diện tích: 193.570 m²Sử dụng riêng: m²Sử dụng chung: m²

Đất được giao hoặc thuê: Đất thuê (50 năm)

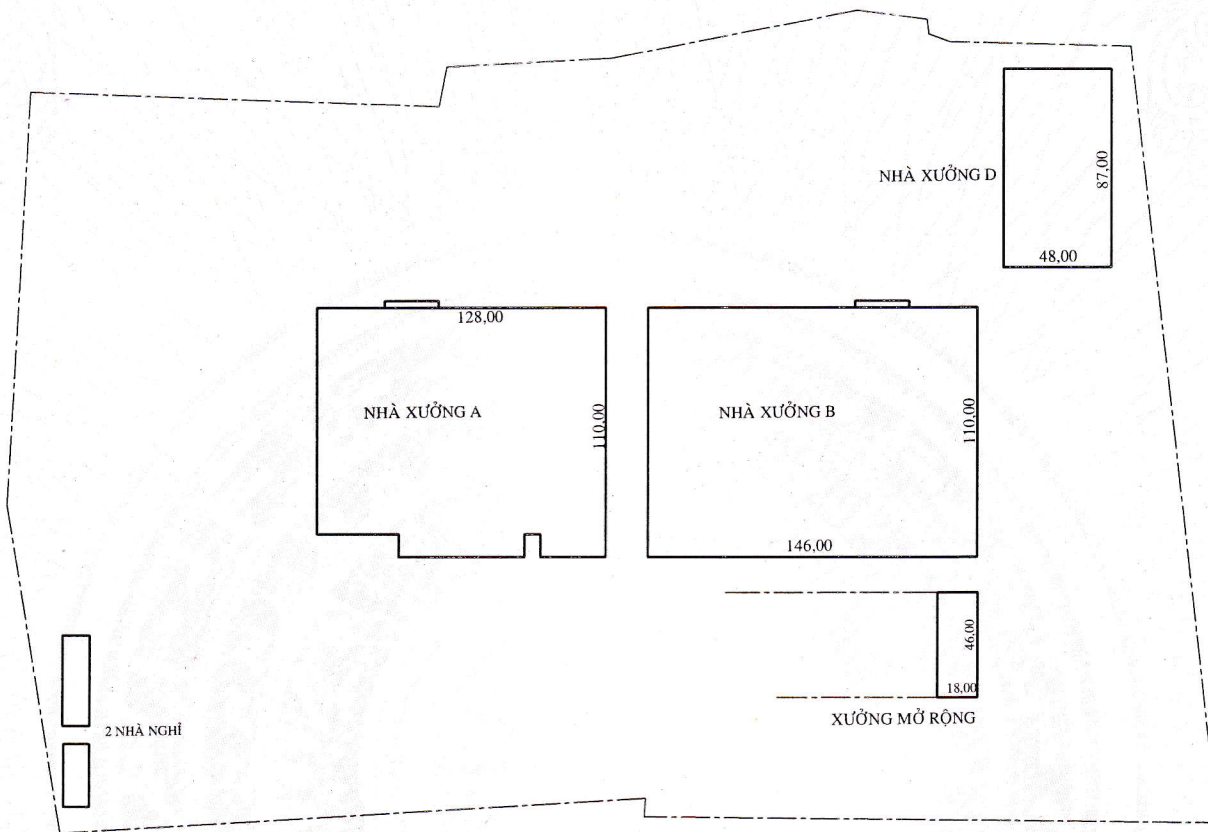
Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm):

1112 /HĐ.TĐ ngày 03/ 9/2004

Thời gian thuê từ ngày 29 tháng 7 năm 2003

đến ngày tháng năm

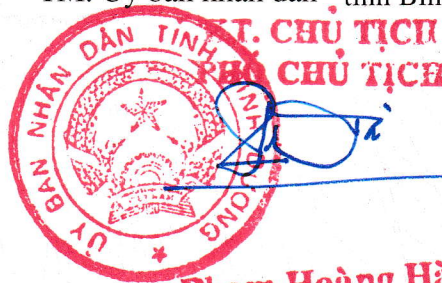
Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng



Mục IV của trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Thủ Dầu Một, ngày 09 tháng 12 năm 2009.

TM. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương



Hồ sơ gốc số 267/CN-SHCT

Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ký, đóng dấu)
(1)	(2)	(3)

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Chủ sở hữu có quyền và nghĩa vụ đối với công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận chia công trình xây dựng phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận mới.
3. Chủ sở hữu không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận.
4. Chủ sở hữu có trách nhiệm:
 - Giữ gìn, bảo quản giấy chứng nhận; trường hợp mất giấy chứng nhận phải báo ngay với công an phường, xã, thị trấn nơi gần nhất và cơ quan cấp giấy.
 - Khi giấy chứng nhận bị hư hỏng, rách nát hoặc mục IV hết chỗ ghi thì chủ sở hữu phải đến cơ quan cấp giấy chứng nhận làm thủ tục để được cấp đổi giấy mới.



Bộ Công An
CÔNG AN T. BÌNH DƯƠNG

Số: 08/XN.PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢN SAO

Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 5 năm 2005.

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống PCCC.

Kính gửi: CÔNG TY TNHH LODESTAR.

Căn cứ điều 48 Luật phòng cháy chữa cháy quy định về chức năng nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ điều 18 Nghị định 35/2003.NĐ.CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Theo công văn số: 01/CV ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Công ty TNHH LODESTAR về việc đề nghị nghiệm thu hệ thống Chữa cháy vách tường.

Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương xác nhận:

Hệ thống: Chữa cháy vách tường.

Công trình: Nhà xưởng

Thuộc: Công ty TNHH LODESTAR.

Địa chỉ: Khu 4 – Uyên Hưng – Tân Uyên – Bình Dương

Đã được tổ chức nghiệm thu ngày 06 tháng 5 năm 2005 (có biên bản nghiệm thu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên.

Văn phòng công chứng Uyên Hưng

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số:.....06.5.11.....Quyển số.....2...SCT/BS

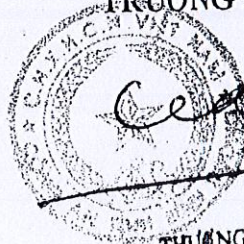
Uyên Hưng, ngày 6...tháng 6...năm 2016.

CÔNG CHỨNG VIÊN



Đoàn Xuân Hội

**TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**



Lê Anh Việt
THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt

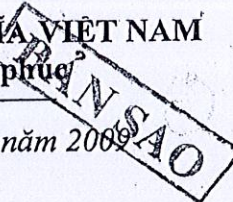


CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PC&CC

Số: 84/PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 4 năm 2009



V/v xác nhận nghiệm thu hệ
thống cấp nước chữa cháy, báo
cháy tự động

Kính gửi: Công ty TNHH Lode Star.

Theo công văn ngày 30 tháng 03 năm 2009 của Công ty TNHH Lode Star về việc nghiệm thu PC&CC hệ thống cấp nước chữa cháy, báo cháy tự động tại Công ty TNHH Lode Star. Địa chỉ: xã Tân Hiệp – huyện Tân Uyên – Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy do đại diện các bên liên quan lập ngày 01 tháng 04 năm 2009.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy & chữa cháy – Công an Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hệ thống cấp nước chữa cháy, báo cháy tự động tại Công ty TNHH Lode Star. Địa chỉ: xã Tân Hiệp – huyện Tân Uyên – tỉnh Bình Dương với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, báo cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

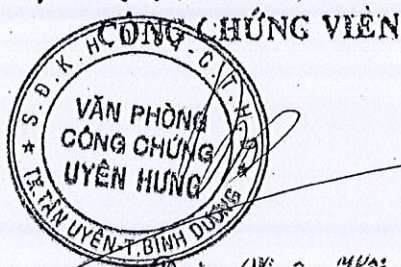
- Công ty TNHH Lode Star;
 - Lưu: Phòng CS.PC&CC.
- Văn phòng công chứng Uy. n Hưng

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 06.5.12..... Quyết số: 3..... SCT/BS

Uyên Hưng, ngày 6 tháng 6 năm 2016



Đoàn Xuân Hội

TRƯỞNG PHÒNG



THƯỢNG TÁ : Lê Anh Việt



BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG

Số: 20/SCSPCCC-TU

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Lode Star

Xét công văn ngày 16 tháng 12 năm 2011 Công ty TNHH Lode Star về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng sản xuất 3A, kho mút xốp. Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 292/TD-PCCC ngày 01/8/2011; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 15 tháng 01 năm 2012.

Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2;
- Lưu: Phòng CSPCCC Tân Uyên.



Văn phòng công chứng Uyên Hưng
CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 065/14.....Quyển số: 2...3CT/BS

Uyên Hưng, ngày 6 tháng 6 năm 2016

CÔNG CHỨNG VIÊN



Đoàn Xuân Hội

Số: 42 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần 1)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Lode Star ngày 25 tháng 01 năm 2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 103.../TTr-TNNKSKTTV ngày 18...tháng 4...năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Lode Star, ngành nghề sản xuất đồ gỗ gia dụng; địa chỉ: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung như sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Ông Đông – suối Cái – sông Đồng Nai;

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Địa chỉ: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.26.519; Y: 06.91.981;

3. Phương thức xả nước thải: bơm tự động;



4. Chế độ xả nước thải: liên tục;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_d = 0,9$; $k_f = 1,1$ đối với các thông số pH, BOD₅, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: ba (03) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Lode Star:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:
 - a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;
- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

- b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn;
- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, Coliforms theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.
- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;
6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty TNHH Lode Star được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 92/GP-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Lode Star còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty TNHH Lode Star;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Thúy



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1186/STNMT-MT

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 07 năm 2008

V/v: Kiểm tra xác nhận việc xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Kính gửi : Công ty TNHH Lode Star

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản của Công ty TNHH Lode Star, địa chỉ xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về việc xin nghiệm thu hệ thống xử lý sinh hoạt của Công ty. Sau khi kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên & Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty đã lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho hoạt động sản xuất đồ gỗ gia dụng xuất khẩu và được cấp phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1435/PXN-TNMT ngày 22/10/2004.

- Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và khu vực ký túc xá, nhà ăn công suất 250m³/ngày (số lượng công nhân viên Công ty hiện tại khoảng 800 người, trong đó ở lại ký túc xá khoảng 250 người). Quy trình xử lý nước thải của công ty:

Nước thải sinh hoạt → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học hiếu khí dính bám → Bể lắng → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Thải ra suối ông Đông.

- Tại thời điểm kiểm tra ngày 26 tháng 06 năm 2008, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường (TCVN 5945:2005 cột A, $k_q = 0,9$, $k_f = 1.1$). Kèm theo kết quả thử nghiệm số Q5368 ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

Về mặt môi trường, Sở Tài nguyên & Môi trường đồng ý cho Công ty đưa hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đi vào hoạt động. Đồng thời, yêu cầu công ty trong quá trình sản xuất phải:

+ Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Tiếp tục thực hiện đầy đủ những quy định về bảo vệ môi trường còn thiếu sót theo đúng thời hạn quy định tại quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh về ban hành danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2007 trên địa bàn tỉnh Bình Dương (thời hạn tối đa là ngày 10/9/2008) và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra.

Số: *TK* - RTT/HĐ – KT/22

Độc lập hoạt

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của Công Ty TNHH Lode Star

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ quyết định 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Lode Star theo giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 07 năm 2014

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 02743.652289

Fax: 02743.652282

MST: 3700527439

Do Ông/Bà: **CHIN HSIUNG**

Chức vụ: Giám đốc hành chính

(Theo giấy ủy quyền số 01/2021/UQ ngày 01/08/2021 của Tổng Giám đốc CHAN MU CHUAN)

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Sản xuất đồ gỗ gia dụng.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/ tuần vào thứ 03 và thứ 06 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Lode Star (Địa chỉ : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động) được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của người lao động): rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	500	500.000	1.500.000	2.000.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT 10%
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Hương	ngthihuongqt2703@gmail.com	0388 884 665

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định hiện hành.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

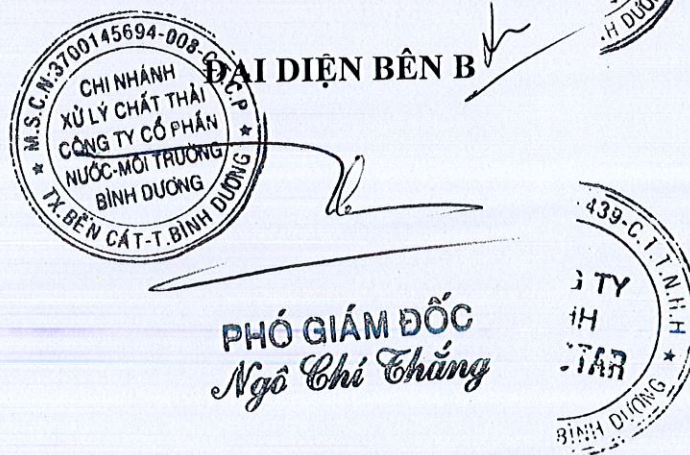
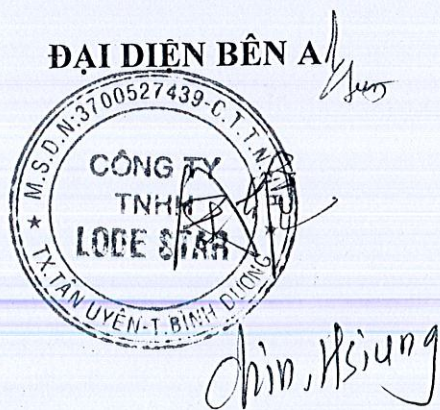
- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 03 (ba) bản, Bên A giữ 01 bản (một) Bên B bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN VÀ
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHÚ XUÂN**

Địa chỉ: Số 113/37/44, Đường 30/4, Khu 6, Phường
Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Email: moitruongphuxuan@gmail.com
Website: www.phuxaco.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社會主義共和國

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

獨立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

经济合同

Số 号码: 01/2022/ RCN-PL-PX-LODE STAR

(V/v: Thu gom chất thải công nghiệp không nguy hại và thu mua phế liệu)

(关于: 收集无害工业废料并购买废料)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

依據由越南國會於2015/11/24通過的民法No.91/2015/QH13

- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014;

依據由越南國會於2014/06/23通過的環境保護法No.55/2014/QH13

- Căn cứ nghị định số 38/2015/NĐ/CP của Chính phủ ngày 24 tháng 04 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu;

根据2015年4月24日政府关于废物和废料管理的第38/2015 / ND / CP号法令

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên tham gia.

依據雙方的能力與需求

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm có:

· 今日 · 2022年 01月 04日, 我们包括:

Bên A: 甲方

Tên đơn vị: 单位名称 **CÔNG TY TNHH LODE STAR**

Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên,
地址: Tỉnh Bình Dương

平陽省新安县新协镇新东区王东街

Điện thoại 电话: : 02743652289

Fax:

Mã số thuế 税号: : 3700527439

Người đại diện代表: : CHIN HSIUNG

Chức vụ职务: Giám đốc hành chính 行政总监

Bên B: 乙方

Tên đơn vị: : CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG PHÚ XUÂN

单位名称 富春环境咨询与分析一成员有限责任公司

Địa chỉ trụ sở chính: : Số 113/37/44, Đường 30/4, Khu phố 6, Phường Phú Hòa,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

地址: 平阳县周道莫特市富华区6区30/4街113/37/44号

Điện thoại 手机: : 0901 663 883

Mã số thuế 税号: : 3702330124

Người đại diện 代表: : NGUYỄN ĐĂNG HUY Chức vụ职务: Giám đốc经理

Tài khoản ngân hàng: : 180014851014785 tại Ngân hàng EXIMBANK BD

账户 180014851014785 · 在EXIMBANK平阳银行

Đã thỏa thuận, đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

已经同意并以以下条款签署合同:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一条: 内容合同

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.

乙方接受收集和运输由甲方经营产生的无害工业废物

- Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua các loại phế liệu (không chứa thành phần nguy hại) từ quá trình hoạt động của Bên A.

甲方同意出售 · 乙方同意从甲方的经营中购买各种废料 (不含有害成分)

- Địa chỉ thu gom: Khu phố Ông Đông, P. Tân Hiệp, Tx. Tân Uyên, Bình Dương.

收货地址: 平阳县新安县新协镇新东区王东街

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第二條：价格和付款方式

2.1 Đơn giá đơn vị:

Theo Phụ lục đính kèm của Hợp đồng này. 根据本协议所附附录

2.2 Đơn giá sẽ thay đổi theo giá cả thị trường và có sự thoả thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.

若權責機關有新規定或雙方以書面達成一致,上述單價將會變更.

2.3 Hình thức thanh toán: 付款方式

- Căn cứ vào khối lượng phế liệu thu gom thực tế, Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B vào cuối mỗi tháng. Bên B có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.

根据实际收集的废料量，甲方将在每个月底向乙方开具增值税发票。乙方负责在收到发票之日起十天内以现金付款或转账给甲方。

- Định kỳ 6 tháng (vào tháng 6/2022 và tháng 12/2022) Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT tiền thu gom và vận chuyển rác cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.

乙方每6个月（2022年6月和2022年12月）将开具增值税发票，用于垃圾收集和运输到甲方。甲方负责以现金支付或转移给甲方。B在收到发票后的10天内

- Phí chuyển khoản: Bên thụ hưởng chịu.

转让费：转让方付款。

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau để cập nhật.

当发票上的信息发生变化时，双方必须书面通知对方以进行更新。

Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm: 有效的付款文件包括

- Giấy đề nghị thanh toán. 付款要求信。

- Hoá đơn tài chính hợp lệ. 有效的财务发票。

2.4. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A (Bên B) không thanh toán cho Bên B (Bên A) thì:

如果超过了上述期限，则甲方（乙方）不向乙方（甲方）付款：

- Bên A (Bên B) phải chịu phạt với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

甲方（乙方）必须根据未缴付的价款，以越南国家银行逾期信用利率为基础的利率罚款。

- Bên B ngừng thu gom chất thải cho Bên A hoặc Bên A tạm ngưng bán phế liệu cho bên B.

乙方停止为甲方收集废物和废料。

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

第四条：各方的责任与权限

4.1. Trách nhiệm của Bên A 甲方的责任

- Thông báo thời gian trước 02 (hai) ngày cho Bên B thực hiện thu gom.

在02(两)天之前通知乙方收集时间.

- Phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành.

严格按照当前的环境法规将废物分类为不同的类别。

- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải, phế liệu tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B yêu cầu.

- 安排人员和手段支持乙方在乙方仓库处理和接收废物的过程，为乙方的收集创造了有利条件.应甲方要求提供有关废物的必要信息

- Bên A có trách nhiệm bố trí phương tiện và thiết bị để xếp các thùng chất thải lên phương tiện của Bên B tại địa điểm thu gom.

甲方负责安排车辆和设备，以将废物箱装载到乙方在收集地点的车辆上。

- Sau khi vận chuyển chất thải, đại diện hai Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này. *gk*

运送废物后，双方代表必须签署数量确认书，作为将来支付和清算合同的基础

- Trong thời còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải, phế liệu cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm, Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Bên B.

在合同期内，不允许甲方将废物或废料运送到其他单位或自毁废物。如有违反，甲方将依法承担全部责任，并赔偿乙方。

- Tuân thủ các yêu cầu của Nhà Nước về Luật Môi trường và các văn bản dưới luật khác đối với trách nhiệm của chủ nguồn thải.

遵守国家《环境法》的要求以及其他法律法规对废物产生者的责任。

- Thanh toán phí xử lý chất thải cho Bên B theo đúng thoả thuận giữa hai bên.

按照双方的协议，将废物处理费支付给乙方。

4.2. Trách nhiệm của Bên B 乙方的责任

- Chịu trách nhiệm thu gom chất thải công nghiệp và phế liệu của Bên A và chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

负责收集甲方的工业废物，并按规定转移到处理场所。

- Bên B không nhận thu gom và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại chất thải không phải là chất thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của bên A.

当甲方交付非公司活动产生的非工业废物的各种废物时，乙方不接受收集，也不承担任何责任。

- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên B để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải. Nếu nhân viên của Bên B lấy cắp tài sản của bên A thì bên B có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị hàng bị mất cắp cho Bên A.

乙方人员进出甲方区域时，必须遵守工作场所的规定，遵守乙方的安全管理和环境保护制度，以确保甲方工作场所的自我安全；乙方的员工必须严格遵守甲方代表关于旅行和废物收集地点的所有指示。乙方员工盗窃甲方财物的，乙方有责任向甲方赔偿被盗物品价值的100%

- Tất cả các xe vận chuyển chất thải của Bên B phải là xe chuyên dụng để tránh rơi vãi chất thải ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

乙方运输废物的所有车辆必须为专用车辆，以免在运输过程中将废物洒到环境中。

- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng chất thải, phước liệu để làm cơ sở thanh toán và thanh lý Hợp đồng sau này.

负责签署废料和废料确认书的纪要，作为以后付款和合同清算的基础。

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm với cơ quan chức năng sau khi chất thải ra khỏi khuôn viên bên A.

废物离开甲方处所后，向当局负全部责任

- Cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên A theo quy định.

按规定向甲方提供财务发票。

- Thanh toán chi phí thu mua phước liệu cho Bên A theo đúng quy định nêu trên.

将废品采购成本支付给乙方。

ĐIỀU 4: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

第四条：合同价值

Hợp đồng có giá trị từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2022**

该合同自签署之日起至2022年12月31日止有效

Một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu không có nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên kia. Bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo cho bên kia trước 30 ngày bằng văn bản.

如果不需要继续使用另一方的服务，则任何一方均有权提前单方面终止合同。希望在截止日期之前终止合同的一方必须提前30天以书面形式通知另一方

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第五条：争端和争端解决

5.1. Mọi tranh chấp, mâu thuẫn có thể phát sinh giữa hai bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng hòa giải trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau và cùng có lợi.

双方在合同执行过程中可能发生的任何纠纷，冲突，将在相互理解和互利的基础上，优先通过协商进行调解。

5.2. Trường hợp các tranh chấp Hợp đồng (nếu có) không thể giải quyết được thỏa đáng bằng thương lượng, thì sự việc tranh chấp được đưa ra xét xử tại Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Bình Dương, bên thua kiện chịu toàn bộ các chi phí có liên quan đến vụ kiện.

如果合同纠纷（如有）无法协商圆满解决，纠纷应提交平阳县有管辖权的法院审理，败诉方应承担与诉讼相关的所有费用

5.3. Luật áp dụng: Luật pháp Việt Nam.

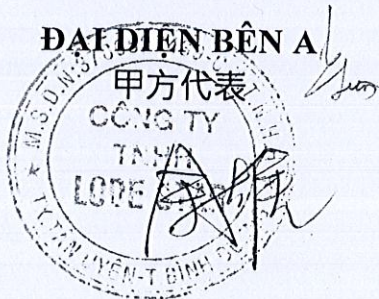
适用法律: 越南法律

5.4. Hai Bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

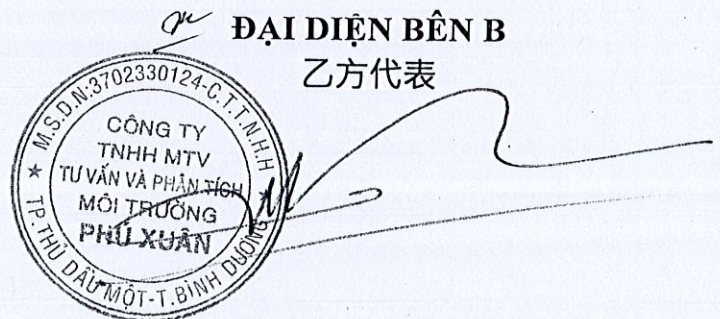
双方承诺履行合同中约定的条件.

5.5. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng song ngữ Việt - Hoa, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau. Nếu có sự khác biệt về ý nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Hoa của các điều khoản thì Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

合同分为越南文和中文04份，甲方保留02份，乙方保留02份，具有同等法律效力。如果越南语和中文的含义不同，则以越南语为准。



CHIN HSIUNG



NGUYỄN ĐĂNG HUY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社會主義共和國

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

獨立-自由-幸福

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

附录合同编01号

Của Hợp đồng số 合同编号: 01/2022/RCN-PL-PX-LODE STAR

ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 第一条: 合同附件

Chi phí thu gom, vận chuyển rác công nghiệp và thu mua phế liệu như sau:

收集和运输工业废物以及购买废料的成本如下:

1. Rác công nghiệp không nguy hại 无害工业废物:

Tên chất thải 废物种类	ĐVT 单元	Đơn giá thu gom 处理单价 (VNĐ/ĐVT)
Tất cả các loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Công ty 所有常见的工业废物均由公司产生	Tháng 月	2.500.000

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

以上单价不包含10%的增值税

- Chất thải được lưu trữ đúng theo quy định.

严格按照规定存储废物。

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển;

以上单价包括代收运输费;

2. Thu mua phế liệu 采购废料:

STT	Loại phế liệu 废料类型	ĐVT 单元	Đơn giá thu mua 采购单价 (VNĐ/ĐVT)
1	Giấy vụn	Kg	1.500
2	Giấy carton	Kg	2.000
3	Sắt đai	Kg	4.400

4	Sắt đặc	Kg	4.950
5	Nilon trắng	Kg	5.500
6	Nilon màu	Kg	4.400
7	Mút xốp	Kg	3.300
8	Nhám 100-240	Kg	9.900
9	Vỏ chai nhựa	Kg	3.300
10	Nhám cuộn	Kg	7.700
11	Dây đai nhựa	Kg	2.200

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT.

以上单价包含10%的增值税。

- Đơn giá trên đã bao phí vận chuyển, thu gom.

以上单价包括运输,收集。

- Đơn giá trên sẽ thay đổi theo thị trường. Nếu giá thị trường thay đổi, Bên B sẽ gửi bảng báo giá trước 03-05 ngày cho mỗi đợt lấy hàng.

上述单价将根据市场而变化。如果市场价格发生变化，乙方将为每批货物提前03-05天发送报价

ĐIỀU 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

第二条:其他条款

Các điều khoản còn lại vẫn áp dụng theo hợp đồng số : 01/2022/RCN-PL-PX-LODE STAR ký ngày 04/01/2022

其余条款仍按合同编号适用 01/2022/RCN-PL-PX-LODE STAR 签署于 04.01.2022

Phụ lục này được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 01/2022/RCN-PL-PX-LODE STAR ngày 04/01/2022 và có hiệu lực đến khi kết thúc hợp đồng.

本附录一式04份， 每一方持有02份， 具有相同的效力,本合同是日期为 04./2022/RCN-PL-PX-LODE STAR 的合同的不可分割的部分 04.01.2022, 并一直有效到合同终止.



Số: TT -RNH/HĐ – KT/22

Lưu nguyên hai

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công Ty TNHH Lode Star

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 74000.039.T ngày 26 tháng 05 năm 2015 do chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Lode Star
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Lode Star theo giấy chứng nhận đầu tư số: 461043000337 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 07 năm 2014

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 02743.652289

Fax: 02743.652282

MST: 3700527439

Do Ông/Bà: **CHIN HSIUNG**

Chức vụ: Giám đốc hành chính

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2021/UQ ngày 01/08/2021 của Tổng Giám đốc Chan Mu Chuan)

Trang *hai*

Mã khách hàng:

Ngành sản xuất: Sản xuất đồ gỗ gia dụng

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: theo yêu cầu, tối thiểu 01 lần/ 02 tháng bên A báo trước cho bên B trước 01 ngày (trừ ngày chủ nhật, ngày lễ và ngày tết)

- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Lode Star (Địa chỉ : Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý, thu gom và vận chuyển (đồng/kg)
01	Màng sơn, cặn sơn thải	Rắn	08 01 01	Thiêu đốt	2.700
02	Keo thải	Rắn	08 03 01	Thiêu đốt	2.700
03	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	2.000
04	Dung môi thải	Lỏng	17 08 03	Tái chế	1.500
05	Vải lau, găng tay dính hóa chất	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	2.700

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng, bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Hương	ngthihuongqt2703@gmail.com	0388 884 665

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên B khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

- TKL (NH)
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
 - Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
 - Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

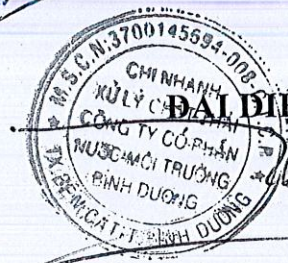
- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 01 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 03 (ba) bản, Bên A 01 (một) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Trang 5



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 51/HĐXL/MĐ-LD

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 55/2014/QH13 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Thông Tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định về Quản Lý Chất Thải Nguy Hại;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính Phủ về Quản Lý Chất Thải và Phế Liệu;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.128.VX ngày 25/12/2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Căn cứ Công văn số 2216/BTNMT-TCMT ngày 12/05/2021 v/v đăng ký bổ sung phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông;
- Căn cứ công văn số 5827/BTNMT-TCMT ngày 23/09/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường v/v chấp thuận Kế hoạch Vận hành thử nghiệm cho Công ty CP Môi trường Miền Đông;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Lode Star.

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2021, hai bên gồm có:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG
Đại diện : **Ông NGUYỄN DUY PHƯƠNG** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ văn phòng : Lô 1.02, 1472 Võ Văn Kiệt, Phường 3, Quận 6, TP.HCM
Địa chỉ nhà máy : Ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 028 3535 1275 Fax: 028 3535 2275
Mã số thuế : 3800611275
Tài khoản : 1697040798888888
Tại ngân hàng : Ngân hàng HDBANK - CN Hàng Xanh - TP.HCM

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

Bên B : CÔNG TY TNHH LODE STAR
Đại diện : **Bà CHAN AI NING** Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 02743 652289 Fax: 02743 652282
Mã số thuế : 3700527439

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CHÍNH

Bên A nhận thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại (“CTNH”) cho Bên B, tại địa điểm: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, với chi tiết được liệt kê trong Danh Mục kèm theo ở Điều 2.

ĐIỀU 2. DANH MỤC VÀ ĐƠN GIÁ

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	ĐV	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Đơn giá thu mua (VNĐ)
1.	Thùng phuy 200L phế	Rắn	18 01 02	Kg	1.100	3.500
2.	Hộp mực in	Rắn	08 02 04	Kg	4.000	
3.	Keo thải	Rắn	08 03 01	Kg	3.500	
4.	Bóng đèn thải	Rắn	16 01 06	Kg	5.500	
5.	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Kg	1.100	
6.	Dung môi thải	Lỏng	17 08 03	Kg	2.800	
7.	Thùng phuy 200L chứa hóa chất loại 1 (Thùng phuy nắp nhỏ, nắp lớn không móp méo, không rỉ sét)	Rắn	18 01 02	Cái	15.000	130.000
8.	Thùng phuy 200L chứa hóa chất loại 2 (Thùng phuy nắp nhỏ, nắp lớn bị móp méo, rỉ sét, bẩn)	Rắn	18 01 02	Cái	15.000	80.000
9.	Thùng thiếc 20L chứa hóa chất	Rắn	18 01 02	Kg	1.100	
10	Thùng nhựa 1M3	Rắn	18 01 03	Cái	50.000vnd/cái	300.000/cái

11	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	Rắn	18 01 03	Kg	1.100	
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Kg	4.600	
13	Sắt phế liệu, thùng sắt nhỏ nhiễm hóa chất	Rắn	18 01 02	Kg	1.100	
14	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	Kg	3.000	
15	Thủy tinh vỡ	Rắn	11 02 01	Kg	2.000	

Ghi chú:

- Đơn giá thu mua và xử lý trên đã bao gồm thuế 10% VAT.
- Đơn giá trên đã bao gồm phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Đơn giá sẽ được thay đổi tùy thuộc vào giá cả thị trường. Khi có sự thay đổi về giá cả, hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh giá.

ĐIỀU 3. GIAO NHẬN CHẤT THẢI - ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN

3.1. Giao nhận chất thải – Chứng từ chất thải:

- Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc tính từ ngày Bên B thông báo giao chất thải bằng điện thoại, e-mail, Bên A sẽ điều động phương tiện hợp lệ và nhân lực đến địa điểm nhà máy của Bên B như nêu ở Điều 1 để tiến hành giao - nhận chất thải. Nếu bên A chậm nhận hàng theo quy định này thì bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước.
- Bên B chỉ giao và Bên A chỉ nhận các chất thải, tại địa điểm được ghi trong Hợp Đồng và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có), và Bên A được quyền từ chối nhận chất thải ngoài hợp đồng, ngoài địa điểm quy định, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục chất thải của hợp đồng được thực hiện.
- Bên B chỉ giao chất thải lên các phương tiện đăng ký hợp pháp, và chỉ giao chất thải cho người đại diện của Bên A, theo Giấy giới thiệu của Bên A hoặc theo Danh sách có hình do Bên A ký, đóng dấu đề cử.
- Số lượng và loại chất thải giao nhận sẽ được xác định bằng Biên bản giao nhận và chứng từ chất thải nguy hại theo số cân thực tế giao nhận giữa hai Bên.

3.2. Địa điểm giao nhận chất thải:

- Kho chứa chất thải của Bên B tại địa chỉ: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3.3. Giao nhận, vận chuyển và xử lý:

- Chất thải được giao lên phương tiện của Bên A tại địa điểm của Bên B nêu trên và được vận chuyển về nhà máy của Bên A tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam để xử lý theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.128.VX ngày 25/12/2019 và công văn số 5827/BTNMT-TCMT ngày 23/09/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường v/v chấp thuận Kế hoạch Vận hành thử nghiệm.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Cơ sở số liệu thanh toán:

- Biên bản xác nhận số liệu chất thải giao nhận được lập và đại diện có thẩm quyền của mỗi bên cùng ký, đóng dấu (nếu có), là cơ sở dữ liệu chính thức cho việc xác nhận số lượng giao nhận chất thải thực hiện với chi tiết loại chất thải và khối lượng cụ thể.
- Hai Bên sẽ tiến hành đối chiếu số lượng chất thải sau khi giao nhận, làm cơ sở dữ liệu để Bên A sẽ phát hành hóa đơn tài chính cho Bên B.

4.2. Hạn kỳ thanh toán:

- Hai bên thanh toán cho nhau ngay khi giao nhận phế liệu và chất thải. Hóa đơn GTGT sẽ được hai bên xuất trong ngày.
- Thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của Bên B và xử lý tại Nhà máy của Bên A và đơn vị liên kết chuyển giao xử lý chất thải nguy hại của Bên A theo quy định hiện hành.
- Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép và các văn bản liên quan của Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp, để vận chuyển chất thải.
- Không để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi đã tiếp nhận và vận chuyển ra khỏi Nhà máy của Bên B.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục như đã nêu ở Điều 2.
- Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của Bên B.
- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B.
- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B.
- Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B đúng hạn.
- Thông báo bằng văn bản cho Bên B trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại mà chưa đưa vô xử lý sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ chất thải.
- Bên A sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp có bất kỳ sự cố, thiệt hại nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, xử lý CTNH của Bên B. Bên A chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B và/hoặc nhân viên của Bên B và/hoặc cho bên thứ ba có liên quan những thiệt hại, tổn thất do lỗi của Bên A/nhân viên của Bên A gây ra.

bên kia. Bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày.

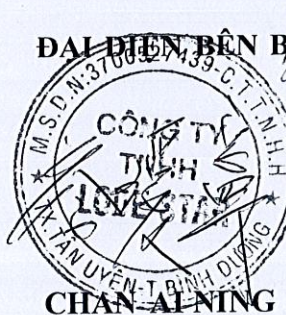
- Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại hoặc gia hạn hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có thể cùng thỏa thuận và giải quyết ổn thỏa trên tinh thần hai bên cùng có lợi.
- Hợp đồng này hai bên không được tự ý sửa đổi bổ sung khi chưa có sự đồng ý của một trong hai bên, nếu có sửa đổi bổ sung nội dung thì ký Phụ lục hợp đồng có đại diện của mỗi Bên ký kết.
- Khi xảy ra tranh chấp hợp đồng quyền và lợi ích của hai bên mà không tự giải quyết được, thì chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Bình Dương giải quyết, sự phán quyết cuối cùng của Tòa, hai bên không được nghị án, bên thua kiện phải thanh toán toàn bộ án phí.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

NGUYỄN DUY PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHAN AI NING

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016757

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY LOPE STAR

Địa chỉ văn phòng: KP. Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên B.D DT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
	Tổng khối lượng	115 kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....ngày 08 tháng 01 năm 2021.....ngày 08 tháng 01 năm 2021

Bên giao Hải

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒

CHÂN AI NING

3☐4☐5☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016758

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY LOPE STAR

Địa chỉ văn phòng: KP. Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên B.D DT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
	Tổng khối lượng	120 kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....ngày 15 tháng 01 năm 2021.....ngày 15 tháng 01 năm 2021

Bên giao Hải

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒

CHÂN AI NING

3☐4☐5☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016759

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên B.D DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		90 kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....ngày 22 tháng 01 năm 2021.....ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒2☐3☐4☐5☐

CHAN AI NING

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016760

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: KP Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên B.D DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		97 kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....ngày 29 tháng 01 năm 2021.....

.....ngày 29 tháng 01 năm 2021.....

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒2☐3☐4☐5☐

CHAN AI NING

TỈNH/THÀNH PHỐ **BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT** **Số:** **016761**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY LOPE STAR

Địa chỉ văn phòng: Cần Hiệp, Cần Uyên, Bình Dương ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương** ĐT: 02743.543.528-9
Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương** Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		120 Kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 05 tháng 02 năm 2021 ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Bên giao Đỗ Tiến Thuận **Bên nhận** Thuận
Đỗ Tiến Thuận Đỗ Tiến Thuận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒ 2☐ 3☐ 4☐ 5☐

TỈNH/THÀNH PHỐ **BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT** **Số:** **016762**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY TNHH LOPE STAR

Địa chỉ văn phòng: Cần Hiệp, Cần Uyên, Bình Dương ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương** ĐT: 02743.543.528-9
Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương** Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		80 Kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 12 tháng 02 năm 2021 ngày 12 tháng 02 năm 2021.

Bên giao Đỗ Tiến Thuận **Bên nhận** Thuận
Đỗ Tiến Thuận Đỗ Tiến Thuận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☒ 2☐ 3☐ 4☐ 5☐

TỈNH/THÀNH PHỐ **BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT** **Số:** **016763**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CTY TNHH LODE STAR**

Địa chỉ văn phòng: **Ấp Hiệp, Ấp Uyên, Bình Dương** ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** **ĐT: 02743.542.906**
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**
 Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		90kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... ngày **04** tháng **03** năm **2021** ngày **04** tháng **03** năm **2021**

Bên giao **Đường Thị Thanh Thủy** Bên nhận **Thuan Đỗ Tiến Thuan**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ **BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT** **Số:** **016764**

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): **CTY TNHH LODE STAR**

Địa chỉ văn phòng: **Ấp Hiệp, Ấp Uyên, Bình Dương** ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** **ĐT: 02743.542.906**
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương**
 Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		110kg.	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... ngày **12** tháng **03** năm **2021** ngày **12** tháng **03** năm **2021**

Bên giao **Đường Thị Thanh Thủy** Bên nhận **Thuan Đỗ Tiến Thuan**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016765

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH LODE STARĐịa chỉ văn phòng: Tân Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng		<u>100 kg.</u>	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... ngày 19 tháng 03 năm 2021

Bên giao

..... ngày 19 tháng 03 năm 2021

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☒2 ☐3 ☐4 ☐5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016766

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH LODE STARĐịa chỉ văn phòng: Tân Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	<u>Rác thải + rác cơ sở</u>	<u>110 kg</u>	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..... ngày 26 tháng 03 năm 2021

Bên giao

..... ngày 26 tháng 03 năm 2021

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☒2 ☐3 ☐4 ☐5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016767

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CTY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên, Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

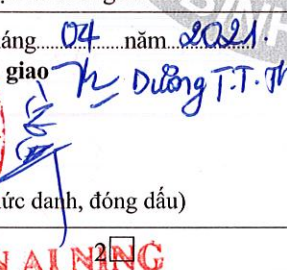
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng	1200 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 02 tháng 04 năm 2021 Bên giao: Dương T.T. Thủy (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 	ngày 02 tháng 04 năm 2021 Bên nhận: Tuấn, Đỗ Tiến Thuận (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 
---	---

@Liên số: 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016768

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty TNHH Lode Star

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên, Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

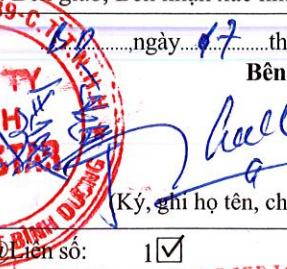
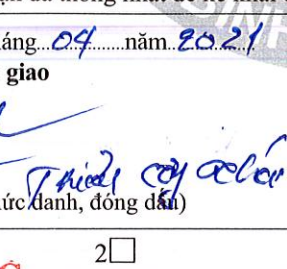
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng	90 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 17 tháng 04 năm 2021 Bên giao: Tuấn, Đỗ Tiến Thuận (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 	ngày 17 tháng 04 năm 2021 Bên nhận: Tuấn, Đỗ Tiến Thuận (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) 
--	--

@Liên số: 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016769

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng:

tên hợp tác xã Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Loại thải + loại rác thải	90 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Bên nhận, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016770

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng:

tên hợp tác xã Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Loại thải + loại rác thải	100 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Bên nhận, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

CHAN AI NING

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016771

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty Lodes to R

Địa chỉ văn phòng:

Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải công nghiệp	110 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao, ngày 07 tháng 05 năm 2021

Bên nhận, ngày 07 tháng 05 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☒2 ☐3 ☐4 ☐5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016772

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty Lodes to R

Địa chỉ văn phòng:

Tân Hiệp Tân Uyên B.D

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác vệ sinh + Rác thải	110 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao, ngày 14 tháng 05 năm 2021

Bên nhận, ngày 14 tháng 05 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☒2 ☐3 ☐4 ☐5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016773

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty LodeStar

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và rác về Sinal	40 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 21 tháng 5 năm 2021 ngày 21 tháng 5 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016774

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty LodeStar

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và rác về Sinal	105 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 28 tháng 5 năm 2021 ngày 28 tháng 5 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016775

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty LODESTAR

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

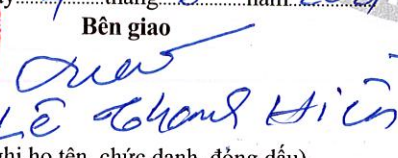
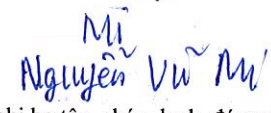
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vệ sinh	65 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 4 tháng 6 năm 2021 Bên giao  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) @Liên số: ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	ngày 21 tháng 6 năm 2021 Bên nhận  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
--	--

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016776

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty LODESTAR

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

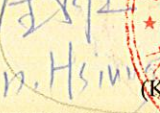
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vệ sinh	60 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 11 tháng 6 năm 2021 Bên giao  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) @Liên số: ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5	ngày 11 tháng 6 năm 2021 Bên nhận  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
---	--

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016777

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải nhà ăn - nhà vệ sinh	100 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày... tháng... năm...

ngày... tháng... năm...

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016778

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải nhà ăn - nhà vệ sinh	110 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày... tháng... năm...

ngày... tháng... năm...

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016779

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Tế, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày tháng năm

ngày tháng năm

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

Huỳnh Thanh Sang

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016780

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Tế, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2			
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày tháng năm

ngày tháng năm

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

Huỳnh Thanh Sang

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016781

Binh Duong

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty LodeStar

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình DươngĐT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải + Rác vệ sinh	110 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 29 tháng 10 năm 2021

Bên nhận: ngày 29 tháng 10 năm 2021

Bên giao
TNHH
LODE STAR
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Huỳnh Chánh Sang

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016782

Binh Duong

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty LodeStar

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình DươngĐT:

Địa chỉ cơ sở:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải + Rác vệ sinh	90 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 05 tháng 11 năm 2021

Bên nhận: ngày 05 tháng 11 năm 2021

Bên giao
TNHH
LODE STAR
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Huỳnh Chánh Sang

@Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016783

Binh Duong

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty LODESTAR

Địa chỉ văn phòng:

Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vệ sinh	90 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 10 tháng 11 năm 2021

Bên nhận: ngày 10 tháng 11 năm 2021

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016784

Binh Duong

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Công Ty LODESTAR

Địa chỉ văn phòng:

Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vệ sinh	410 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 17 tháng 11 năm 2021

Bên nhận: ngày 17 tháng 11 năm 2021

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016785

Bến Duong

Số: Công Ty LODESTAR

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hien Tan Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác Thải Và Rác Vệ Sinh	90 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 24 tháng 11 năm 2021

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: 016786

Bến Duong

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hien Tan Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: Công Ty LODESTAR DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác Thải Và Rác Vệ Sinh	110 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 12 tháng 12 năm 2021

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016787

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tâm Uyển Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác Thải và Rác Vệ Sinh	90 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 12 tháng 9 năm 2021 Bên nhận: ngày 8 tháng 10 năm 2021

Bên giao
CÔNG TY TNHH LODESTAR
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Huỳnh Thanh Sang

@Liên số:

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016788

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tâm Uyển Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác Thải và Rác Vệ Sinh	110 Kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Bên giao: ngày 12 tháng 9 năm 2021 Bên nhận: ngày 17 tháng 12 năm 2021

Bên giao
CÔNG TY TNHH LODESTAR
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Huỳnh Thanh Sang

@Liên số:

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016789

B.Đ. Bình Dương

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vụn	95 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 21 tháng 12 năm 2021, ngày 21 tháng 12 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số:

016790

B.Đ. Bình Dương

Số:

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):

Địa chỉ văn phòng: Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương DT:

Địa chỉ cơ sở: Bình Dương DT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-9

Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương

Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của người lao động: rác nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng		
2	Rác thải và Rác vụn	105 kg	
3			
Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

ngày 21 tháng 12 năm 2021, ngày 21 tháng 12 năm 2021

Bên giao

Bên nhận

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số:

1

2

3

4

5

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:

1. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1:

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng)

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sục	✓			08/01/2021	18002	70
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày

tháng

năm

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày

tháng

năm 20

@ Liên số

1

2

25

2

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2021/24000039

1. Chủ nguồn thải: Cty TNHH Lode Star

Mã số QLCTNH: 24000039

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: KP Ông Dương P. Tân Hiệp T. H. B)

ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng)

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cán Sơn	✓			080101	0	
2	Gạch Sơn	✓			180201	1801	HD
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cột lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Mai Việt Hùng

Ký: [Signature]

Ngày: 18/5/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 18 tháng 5 năm 2021



8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 18 tháng 5 năm 2021



PHÓ GIÁM ĐỐC Đỗ Minh Cường

Liên số

1 ☐2 ☐25 ☐2 ☐4 ☒5 ☐

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2021/711am 239T

1. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Lode Star Mã số QLCTNH: 711600039T

Địa chỉ văn phòng: 101 Ng. Dương - Tân Hiệp - Tân Uyên DT: 39.

Địa chỉ cơ sở: DT: 39.

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất lỏng	✓			180201	1915	40
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: 24 Tân Bình Ký: Ngày: 3/11/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 3 tháng 11 năm 2021



8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 3 tháng 11 năm 2021



① Liên số

1

2

CHÂN AI NING

2

4

Đỗ Minh Cường

Phó Giám Đốc

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1071 / 176000039.

1. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Lode Star Mã số QLCTNH: 176000039.

Địa chỉ văn phòng: KT Quy Nhơn (Quy Nhơn), TP. Quy Nhơn, Bình Định DT:

Địa chỉ cơ sở: KT Quy Nhơn (Quy Nhơn), TP. Quy Nhơn, Bình Định DT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng) DT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giao lưu				18/13	18/13	TA
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Ký: Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày tháng năm



8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày tháng năm 20



@ Liên số 1 2 2S 2T 4

Ban hành theo thông tư số 36/2015/TT - BTNMT

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Cường

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:

20211-240000397

Mã số QLCTNH:

240000397

1. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1:

XÍ NGHIỆP XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn bùn				150261	468	TD
2	Cặn bùn				081011	1516	TD
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

....., ngày tháng năm 2021



CHÂN AI NING

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 25 tháng 3 năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

Liên số

1

2

25

2

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2021/H1000.034/

1. Chủ nguồn thải: Cty TNHH Lode Star Mã số QLCTNH: 711000.034/

Địa chỉ văn phòng: Kt 01/1-Dãy Tân Hưng Thuận DT: 06503. 542. 906

Địa chỉ cơ sở: DT: 06503. 543. 644

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG DT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương DT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng) DT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cuối Sơn	✓			08-101-281	281	TD
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Ký: Ngày: 28/4/21

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 27/03/2021 tháng 4 năm 21



8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 30 tháng 4 năm 2021



Đã Liên số

1

2

25

4

5

Ban hành theo thông tư số 36/2015/TT - BTNMT

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Cường

Số: 2021/7408 0195

1. Chủ nguồn thải: Cty TNHH Late Star Mã số QLCTNH: 74.000.039.17
Địa chỉ văn phòng: DT:
Địa chỉ cơ sở: Kp. Ông Bông, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B.D. DT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 06503. 542. 906
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 06503. 543. 644
Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):
Địa chỉ văn phòng: DT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn	✓			080001	3126	HA
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Lê Duy Bình Ký: Ngày: 24/12/2021
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

B.D., ngày 24 tháng 12 năm 2021



CHAN AI NING

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 26 tháng 12 năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh CườngĐã Liên số 1 ☐ 2 ☐ 25 ☐

1. Chủ nguồn thải: CTY TNHH Lode Star Mã số QLCTNH: 74.000.039T
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: K. Phường Đồng Phú Tân Hiệp, TX - BD ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: ~~XUẤT NHẬP KHẨU~~ **CHẤT THẢI** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: 06503. 542. 906
 Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 06503. 543. 644
 Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Mang Sơn, Cạn Cạn	✓			080101	373A	7D
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:
 Số hiệu phương tiện: 61C-067.56 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Hồ Thanh Phong Ký: Ngày: 05-02-21
 7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 05 tháng 02 năm 2021



CHAN AI NING

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày tháng năm 2021



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Cường

Đã Liên số 1 ☐ 2 ☐ 25 ☐

2 ☐ 5 ☐

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:

2021/740000397

1. Chủ nguồn thải:

CTY TNHH Lode Star

Mã số QLCTNH:

740000397

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

K. Rong Dong, P. Tân Hiệp, T. Uyên B.Đ

ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1:

CHÍNH HÀNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cuối Lầu	✓			180201	152	TH
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:

Hỗ Thành Phong

Ký:

Ngày: 06-02-21

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



ngày 3 tháng 2 năm 2021

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 8 tháng 2 năm 2021



Đỗ Minh Cường
Phó Giám Đốc

Liên số

1

2

2

2

4

5

Ban hành theo thông tư số 36/2015/TT - BTNMT

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....

1. Chủ nguồn thải:.....

Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:.....

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:.....

ĐT:.....

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1:

XUẤT KHẨU CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTN: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):.....

Địa chỉ văn phòng:.....

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng).....

ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giỏ lau				1328	1328	TH
2	Cần gạt				1555	1555	TH
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đói); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....

Cửa nhập khẩu:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:.....

Ký:.....

Ngày:.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....

Ký:.....

Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày 26 tháng 7 năm 2021



CHAN AI NING

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 28 tháng 7 năm 2021



liên số

1

2

2⁵

2

Số:

Mã số QLCTNH:

1. Chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1:

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTN: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 06503. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 06503. 543. 644

Địa chỉ cơ sở: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Fax: 06503. 542. 907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: (nơi tái sử dụng)

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý # (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cao Sơn				08061	2640	HA
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); Khác (Ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày

tháng

năm



CHAN AI NING

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày

tháng

năm 20



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Cường

liên số

1

2

2⁵2¹

5

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2021/74.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1236 kg (102 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02	270 kg (15 cái)	SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51C 25677 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Ký: Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Nguyễn Văn Cầm Ký: Cầm Ngày: 7/11/2021

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 7 tháng 11 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
CHAN AI NING

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 17 tháng 01 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Phương

Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743 652289

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933 333 999

Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.008.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08 03 01	1	TD
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	1	Tách nước, Chưng cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	349	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: 51C 25677 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Nguyễn Văn An Ký: Ngày: 15/01/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Lê Đức An Ký: Ngày:/...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 18 tháng 1 năm 2021

CHAN AI NING
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BEVT, ngày 24 tháng 03 năm 2021

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Sơn
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4^S□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				Số: <u>01/2021</u> /74.000039.T	
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR					Mã số QLCTNH: 74.000039.T		
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương...					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.					ĐT:		
2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG					Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX		
Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước					ĐT: 0933.333.999		
Địa chỉ cơ sở/dãi lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước					ĐT: 0933.333.999		
3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):					Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):		
Địa chỉ văn phòng:					ĐT:		
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):					ĐT:		
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1044 (58 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	38	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03	19	SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	60	HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02	25	SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01	59	TC
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:					
Số hiệu phương tiện: <u>51C 256.77</u>		Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Nguyễn Văn An</u> Ký: <u>An</u> Ngày: <u>15/1/2021</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  CHAN AI NING (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)  GIÁM ĐỐC <u>Nguyễn Duy Phương</u> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ 2 ^S ☐ - 2 ^T ☐ - 3 ☐ - 3 ^S ☐ - 3 ^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 03/2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR		Mã số QLCTNH: 74.000039.T					
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.		ĐT:					
2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX					
Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):		Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):		ĐT:					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2196 kg (122 Can)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBB, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:					
Số hiệu phương tiện: 51C25677		Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Quý		Ký: Ngày: 30/1/2021					
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):		Ký: Ngày:					
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2021  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) CHAU AI NING				8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu) Bình Phước, ngày 06 tháng 01 năm 2021  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC Nguyễn Duy Phương			
*Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 2 ^S ☐ - 2 ^T ☐ - 3 ☐ - 3 ^S ☐ - 3 ^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số: 038/2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	756 kg (42 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	115 kg	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBĐ, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 93C - 09A 72' Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trịnh Thị Cúc Ký: TC Ngày: 5/2/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày: 05 tháng: 02 năm: 2021(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) CHAN AI NING

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày: 05 tháng: 02 năm: 2021(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) Nguyễn Duy PhươngLiên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 2^S ☐ - 2^T ☐ - 3 ☐ - 3^S ☐ - 3^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 04/2021/74.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): CTY MIỀN ĐÔNG Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1260	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	104	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03	360	SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51D.107.93

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Phạm Văn Sơn Ký: Ngày: 4/3/21

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 4 tháng 3 năm 21



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 15 tháng 03 năm 21



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Phương
Phạm Văn Sơn

Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4^S□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 05/2021/74.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2178.121 (ái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51C.256.77 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Quý Ký: Ngày: 17/13/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
CHAN AI NING

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 27 tháng 03 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC Nguyễn Duy Phương

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ 2^S ☐ - 2^T ☐ - 3 ☐ - 3^S ☐ - 3^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2020/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743 652289

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743 652289

2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 09331333999

Địa chỉ cơ sở: Ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 09331333999

3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		Tách nước, Chưng cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	386 kg	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: 93C 09472 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Trịnh Thị Cúc Ký: Ngày: 5/12/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Lê Đức An Ký: Ngày:/...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương ngày 05 tháng 02 năm 2021



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

1556403 ngày 03 tháng 02 năm 2021



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Sơn

Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5□

TỈNH/ HÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số: 06./2021/74.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1746(97 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	36	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TD
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TD
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02	152	SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiều/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51C.256.77 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Chấn Ký: Ngày: 25/3/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2021 Loan

CÔNG TY TNHH LODE STAR

TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

H. LỘC NINH - T. BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC Nguyễn Duy Phương

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

* Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

P. BÌNH DƯƠNG

Số: 07/2021/74.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	151	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBĐ, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		x		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 9309472 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Hùng Ký: Ngày: 27/10/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2021



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày: tháng: năm:



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Phương

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 2^S ☐ - 2^T ☐ - 3 ☐ - 3^S ☐ - 3^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01./2024/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743 652289

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743 652289

2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông

Mã số QLCTNH: 3-45-6-128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0939.393.999

Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0939.393.999

3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6-061.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

ĐT: 0254 3948354

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08 03 01		TD
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		Tách nước, Chung cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	417	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 9309472 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Nguyễn Văn Hùng Ký: hieu Ngày: 27/03/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Phạm Văn An Ký: u Ngày: 27/03/2021

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Sơn

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ 2 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 3 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI						
		Số:/2021/74.000039.T						
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR						Mã số QLCTNH: 74.000039.T		
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 02743 652289		
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 02743 652289		
2. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX		
Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						ĐT: 0933.333.999		
Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						ĐT: 0933.333.999		
3. Chủ xử lý CTNH 2: không có						Mã số QLCTNH:		
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:		
Địa chỉ cơ sở:						ĐT:		
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)								
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #	
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Thùng phuy loại 1 - 200L	x			18 01 02	1.926 (107 cái)	SR-TC	
2	Thùng phuy loại 2 - 200L (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	x			18 01 02	/	SR-TC	
3	Thùng sắt 20L	x			18 01 02		SR-TC	
4	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	x			18 01 03		SR-TC	
5	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	x			18 01 03		180 (3 cái)	SR-TC
6	Bóng đèn thải	x			16 01 06		Nghiên - HR	
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		TC	
8	Dung môi thải		x		17 08 03		TC	
9	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TD	
10	Thùng sắt nhỏ các loại đinh TPNH	x			18 01 02		SR-TC	
11	Thủy tinh vỡ	x			11 02 01		TD	
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);								
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu:			
Số phương tiện: 51C - 50380		Ngày xuất cảng:			Cửa xuất khẩu:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4								
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Phan Thị Diễm Trần Ký Ngày: 14 / 04 / 2021								
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:								
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.				
Bình Dương, ngày 14 tháng 04 năm 2021  CHAN AI NING				Bình Phước, ngày 19 tháng 04 năm 2021  GIÁM ĐỐC Nguyễn Duy Phương				
@ Liên số : 1□ - 2□ - 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4 ^X - 5□								

TỈNH/THÀNH PHỐ

BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 07 / 2020 / 74.000039 T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tài sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tài sử dụng):

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2268 kg	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 57C-25678

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Quý Ký: Quý Ngày: 28/04/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tài sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 27/04/2021, năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CHAI AN NING

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước

ngày 03 tháng 05 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Phương

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ 2^S ☐ - 2^T ☐ - 3 ☐ - 3^S ☐ - 3^T ☐ - 4 ☒ - 5 ☐



CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 09/2021/74.000039.T

1. Công ty nhận: CÔNG TY TNHH LODE STAR
Mã số QLCTNH: 74.000039.T
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743 652289
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743 652289
2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông
Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
ĐT: 0933.333.999
Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
ĐT: 0933.333.999
3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam
Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX
Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 0254 3948354
Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 0254 3948354

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bẩn			
1	Keo thải	x			03 03 01		TĐ
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		Tách nước, Chưng cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	50.2kg	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cà lạp/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảnh: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Nguyễn Văn An Ký: [Signature] Ngày: 29/04/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Lê Đức An Ký: [Signature] Ngày: 29/04/2021

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 29 tháng 04 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



31 tháng 07 năm 2021

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>08</u> /2021 /74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR		Mã số QLCTNH: 74.000039.T					
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương		ĐT:					
2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX					
Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Ấp Cẩn Lễ, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tài sử dụng):		Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở (nơi tài sử dụng):		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tài sử dụng) [*]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02		SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03	34kg	SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 05		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	22kg	HTXLBD, HR
7.	Pin, ác quy thải	X			19 06 01		Ác quy
8.	Dùng môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TD
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TD
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01	58kg	TD
[*] Ghi lên lược ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); Knac (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tài sử dụng ghi TSD.							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảnh:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Nguyễn Văn Quý</u>		Ký: <u>Cao</u>		Ngày: <u>29/04/2021</u>			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tài sử dụng):		Ký:		Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)		8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 hoặc tài sử dụng xác nhận đã tài sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)					
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)		(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)					
CHAI AN NING		GIÁM ĐỐC <u>Nguyễn Duy Phương</u>					
Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 2 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 3 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒ - 5 ☐							

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12/202 174.000039.T

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1764 kg (98 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	87 kg (87 cái)	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02	93 kg	SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51C - 25677 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Công Long Ký: Long Ngày: 12/15/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 12 tháng 05 năm 2021



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒ - 5 ☐

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số: 15/2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	(78 cái) 1404kg	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03	(6 cái) 360kg	SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		x		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dông kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 51C-25677 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Công Long Ký: Lou Ngày: 27/5/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 27 tháng 05 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Dương, ngày 11 tháng 06 năm 2021

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4^S□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số:...../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODESTAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2358kg (131 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	77	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03	33	SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		x		17 08 03		PT, TC, TD
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02	50	SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: 93R-00843 Ngựa xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Đình Hoàng Ký:..... Ngày: 04/06/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 06 tháng 06 năm 2021


(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 27 tháng 07 năm 2021


(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Phương

Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ cơ sở: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		Tách nước, Chưng cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	443	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: 93H 00495 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Nguyễn Đình Hoàng Ký: Ngày: 04/06/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Lê Đức Sơn Ký: Ngày:/...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BP, ngày 04 tháng 06 năm 2021



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn

Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số:...../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2340kg (130 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bản nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03	13kg	SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03	300kg (5 cái)	SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: 93H 00550 Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Tý Ký: Tý Ngày: 19/06/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 19 tháng 06 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 19 tháng 07 năm 2021



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Phương

Liên số:

1□

- 2□

2^S□- 2^T□

- 3□

3^S□- 3^T□

- 4□

- 5□



TỈNH/THÀNH PHỐ TỈNH BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 16./2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR		Mã số QLCTNH: 74.000039.T					
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương		ĐT: 02743 652289					
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương		ĐT: 02743 652289					
2. Chủ vận chuyển: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX					
Địa chỉ văn phòng: Ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
Địa chỉ cơ sở: Ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước		ĐT: 0933.333.999					
3. Chủ xử lý, tiêu hủy: Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX					
Địa chỉ văn phòng: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		ĐT: 0254 3948354					
Địa chỉ cơ sở: Lô 2, khu xử lý chất thải Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		ĐT: 0254 3948354					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
2	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		Tách nước, Chung cất
3	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại	x			18 01 01	334	TĐ
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: 93H-00538 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển: Nguyễn Văn Tỷ Ký: Tỷ Ngày: 19/06/2021							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: Lê Đức An Ký: An Ngày:/...../.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày 19 tháng 06 năm 2021 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Phú Mỹ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Giám đốc Nguyễn Văn Sơn							
Liên số: 1□ - 2□ 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4□ - 5□							

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số:...../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	2.268(125)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		x		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Tý Ký: Tý Ngày: 21/7/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Dương, ngày 21 tháng 7 năm 2021

Chin, Hsiung
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bình Phước, ngày 21 tháng 7 năm 2021

Nguyễn Duy Phương
 GIÁM ĐỐC
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4^S□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số:...../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dài lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02		SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	135 kg (135 Can)	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		x		17 08 03		PT, TC, TD
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TD
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02	109 kg	SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Ký: Ngày: 17/7/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số:...../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương..

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

ĐT:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1800 (100%)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03	180 (3 cái)	SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBD, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TD
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TD
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiều/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trần Xuân Hoàng Ký: Hoàng Ngày: 17.7.2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2021

Chín, Hoàng
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Bình Phước, ngày 17 tháng 7 năm 2021

Nguyễn Duy Phương
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

®Liên số:

1□

- 2□

2^S□- 2^T□

- 3□

- 3^S□- 3^T□

4□

- 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số: 22 /2021/74.000039.T1. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LODE STAR**

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG**

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1116kg (62 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBĐ, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 93H-00495

Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Trần Đức Minh Ký: [Signature] Ngày: 13/11/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2021 Ưan

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Chin, Hsiung

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 04 tháng 12 năm 2021 [Signature]

CHẤM ĐỌC
Nguyễn Duy Phương
 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

"Liên số: 1□ - 2□ - 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4^S□ - 4^T□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 19/2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/dại lý: ... Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02		SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, ri sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02		SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03	19 kg	SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBĐ, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Nguyễn Văn Liêm

Ký:

Ngày: 17/7/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2021

Hyên

Chị, Hsiung

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bình Phước, ngày 19 tháng 9 năm 2021

Giám đốc

Nguyễn Duy Phương

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4[✓]□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số 21.../2021/74.000039.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR

Mã số QLCTNH: 74.000039.T

Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

ĐT:

2. Chủ xử lý CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.128.VX

Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0933.333.999

3. Chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng):Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Thùng phuy loại 1 200 lít	X			18 01 02	1080 kg (60 cái)	SR, TC
2.	Thùng phuy loại 2- 200 lít (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	X			18 01 02		SR, TC
3.	Thùng sắt 20L	X			18 01 02	44 kg (44 cái)	SR, TC
4.	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	X			18 01 03		SR, TC
5.	Thùng nhựa 1 m3 có khung sắt	X			18 01 03		SR, TC
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		HTXLBĐ, HR
7.	Pin, ắc quy thải	X			19 06 01		Ắc quy
8.	Dung môi thải		X		17 08 03		PT, TC, TĐ
9.	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
10.	Thùng sắt nhỏ các loại dính thành phần nguy hại	X			18 01 02		SR, TC
11.	Thủy tinh vỡ	X			11 02 01		TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 93H-005.38

Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: LÊ TRI Ký: Ngày: 12/11/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2 (chủ tái sử dụng): Ký: Ngày:

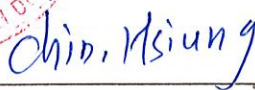
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

M.S.D.N: 3100527439
 CÔNG TY TNHH LODE STAR
 TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
 11 tháng 11 năm 2021
 Chín, Hsiang

M.S.D.N: 380061127
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG
 H. LỘC NINH - T. BÌNH PHƯỚC
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
 12 tháng 12 năm 2021
 GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Duy Phương

[#]Liên số: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5□

BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>23</u> .../2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR						Mã số QLCTNH: 74.000039.T	
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 02743 652289	
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						ĐT: 02743 652289	
2. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX	
Địa chỉ văn phòng: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						ĐT: 0933.333.999	
Địa chỉ cơ sở: Ấp Cầm Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						ĐT: 0933.333.999	
3. Chủ xử lý CTNH 2:						Mã số QLCTNH:	
Địa chỉ văn phòng:						ĐT:	
Địa chỉ cơ sở:						ĐT:	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng phuy loại 1 - 200L	x			18 01 02		SR
2	Thùng phuy loại 2 - 200L (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	x			18 01 02		SR
3	Thùng phuy 200L phế	x			18 01 02		SR
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ
5	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
6	Bóng đèn thải	x			16 01 06		Nghiên - HR
7	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ
8	Dung môi thải		x		17 08 03		TĐ/ TC
9	Thùng thiếc 20L chứa hóa chất	x			18 01 02		SR/ TĐ
11	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	x			18 01 03	300 kg (5 cái)	SR
12	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	x			18 01 03	25 kg	SR/ TĐ
13	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		TC
14	Sắt phế liệu, thùng sắt nhỏ nhiễm hóa chất	x			18 01 02		SR/ TĐ
15	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01	428 kg	TĐ
16	Thủy tinh vỡ	x			11 02 01		TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp):							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu:	
Số phương tiện:				Ngày xuất cảng:		Cửa xuất khẩu:	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1:				Phan Thị Diễm Trân		Ký 	Ngày: 24/ 11 / 2021
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4.			
Bình Dương, ngày 24 tháng 11 năm 2021  				Bình Phước, ngày 13 tháng 12 năm 2021  Giám Đốc  Nguyễn Duy Phương			
@ Liên số : 1□ - 2□ - 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4 ^S □ - 5□							

BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>21</u> .../2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						Mã số QLCTNH: 74.000039.T ĐT: 02743 652289 ĐT: 02743 652289	
2. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX ĐT: 0933.333.999 ĐT: 0933.333.999	
3. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng phuy loại 1 - 200L	x			18 01 02	<u>1080 kg (60 cái)</u>	SR
2	Thùng phuy loại 2 - 200L (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	x			18 01 02		SR
3	Thùng phuy 200L phế	x			18 01 02		SR
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ
5	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
6	Bóng đèn thải	x			16 01 06		Nghiên - HR
7	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ
8	Dung môi thải		x		17 08 03		TĐ/ TC
9	Thùng thiếc 20L chứa hóa chất	x			18 01 02		SR/ TD
11	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	x			18 01 03		SR
12	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	x			18 01 03		SR/ TD
13	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		TC
14	Sắt phế liệu, thùng sắt nhỏ nhiễm hóa chất	x			18 01 02		SR/ TD
15	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01		TĐ
16	Thủy tinh vỡ	x			11 02 01		TD
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu:	
Số phương tiện: <u>93H.00538</u>				Ngày xuất cảng:		Cửa xuất khẩu:	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Trần Văn Trí</u> Ký						Ngày: <u>08</u> / <u>12</u> / <u>2021</u>	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày <u>08</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u> <u>Canh</u>				8. Chủ xử lý tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4. Bình Phước, ngày <u>14</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u> <u>Canh</u>			
 <u>Phan Hùng</u>				 Giám Đốc <u>Nguyễn Duy Phương</u>			
@ Liên số : 1□ - 2□ - 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4 ^S □ - 5□							

BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>95</u>/2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương						Mã số QLCTNH: 74.000039.T ĐT: 02743 652289 ĐT: 02743 652289	
2. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông Địa chỉ văn phòng: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước Địa chỉ cơ sở: Ấp Cẩn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX ĐT: 0933.333.999 ĐT: 0933.333.999	
3. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:						Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:	
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng phuy loại 1 - 200L	x			18 01 02	<u>133.2 kg (74 cái)</u>	SR
2	Thùng phuy loại 2 - 200L (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	x			18 01 02	<u>90 kg (5 cái)</u>	SR
3	Thùng phuy 200L phế	x			18 01 02		SR
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ
5	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
6	Bóng đèn thải	x			16 01 06		Nghiên - HR
7	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ
8	Dung môi thải		x		17 08 03		TĐ/ TC
9	Thùng thiếc 20L chứa hóa chất	x			18 01 02	<u>56 kg</u>	SR/ TĐ
11	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	x			18 01 03		SR
12	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	x			18 01 03	<u>59.9 kg</u>	SR/ TĐ
13	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		TC
14	Sắt phế liệu, thùng sắt nhỏ nhiễm hóa chất	x			18 01 02	<u>65 kg</u>	SR/ TĐ
15	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01		TĐ
16	Thủy tinh vỡ	x			11 02 01		TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu:	
Số phương tiện: <u>51C. 256. 77</u>				Ngày xuất cảng:		Cửa xuất khẩu:	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Lê Hữu Nhân</u>Ký <u>[Chữ ký]</u> Ngày: <u>08</u> / <u>12</u> / <u>2021</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày <u>08</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u> <u>Chin. Hsiung</u>				8. Chủ xử lý tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4. Bình Phước, ngày <u>16</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u> Giám Đốc <u>[Chữ ký]</u> Nguyễn Duy Phương			
 							
@ Liên số : 1□ - 2□ - 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4 ^S □ - 5□							

BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: <u>86</u> .../2021/74.000039.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LODE STAR Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương							Mã số QLCTNH: 74.000039.T ĐT: 02743 652289 ĐT: 02743 652289
2. Chủ xử lý CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông Địa chỉ văn phòng: Ấp Cản Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước Địa chỉ cơ sở: Ấp Cản Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước							Mã số QLCTNH: 3-4-5-6. <u>138</u> .VX ĐT: 0933.333.999 ĐT: 0933.333.999
3. Chủ xử lý CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở:							Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng phuy loại 1 - 200L	x			18 01 02	<u>1152 (64 cái)</u>	SR
2	Thùng phuy loại 2 - 200L (bị móp, rỉ sét, bẩn nhiều)	x			18 01 02		SR
3	Thùng phuy 200L phế	x			18 01 02		SR
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ
5	Keo thải	x			08 03 01		TĐ
6	Bóng đèn thải	x			16 01 06		Nghiên - HR
7	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ
8	Dung môi thải		x		17 08 03		TĐ/ TC
9	Thùng thiếc 20L chứa hóa chất	x			18 01 02		SR/ TĐ
11	Thùng nhựa 1m3 có khung sắt	x			18 01 03		SR
12	Nhựa phế liệu nhiễm hóa chất	x			18 01 03		SR/ TĐ
13	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		TC
14	Sắt phế liệu, thùng sắt nhỏ nhiễm hóa chất	x			18 01 02		SR/ TĐ
15	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01	<u>478</u>	TĐ
16	Thủy tinh vỡ	x			11 02 01		TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận dụng/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi rõ tên phương pháp);							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):				Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu:	
Số phương tiện: <u>93C-037.00</u>				Ngày xuất cảng:		Cửa xuất khẩu:	
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: <u>Nguyễn Duy Hưng</u> Ký <u>HĐ</u> Ngày: <u>22/12/2021</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày <u>22</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u>  <u>Chín, Hưng</u>				8. Chủ xử lý tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp kê khai ở mục 4. Bình Phước, ngày <u>27</u> tháng <u>12</u> năm <u>2021</u> Giám Đốc <u>Nguyễn Duy Phương</u> 			
@ Liên số: 1□ - 2□ - 2 ^S □ - 2 ^T □ - 3□ - 3 ^S □ - 3 ^T □ - 4 ^S □ - 5□							



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực cổng	59	35,3	69,1	0,9	ASTN
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực cổng cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
2.Khu vực sản xuất	78	32,0	65,5	0,4	330
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1.Khu vực cổng	0,17	2,05	0,033	0,019
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2
2.Khu vực sản xuất	0,42	0,037	0,071	0,035
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	4,6875	15,625	3,90625	3,90625

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Toluen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm ³
7	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	Toluen	Xylen
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	117	605,3	27,1	89,4	-	-
Khí thải Hơi dung môi (Đo tại nguồn thải)	-	-	-	-	-	75,2	61,4
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	200	1000	500	850	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	750	870

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước sau hệ thống xử lý nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,6 ⁰ C)	-	6,81	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	18	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	43	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	18	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	9,25	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,71	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,02	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	26,4	1,5	50	SMEWW 2120.C:2017
9	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	0,75	0,3	5	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Coliform*	MPN/100mL	2.200	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước ngầm

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 09-MT 2015/BTNMT	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước dưới đất *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011
1	pH* (27,4°C)	-	7,01	2 ÷ 12,5	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	NO ₂ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,006	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
3	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	3,12	0,021	15	TCVN 6180:1996
4	Cl ⁻ **	mg/L	8,26	1,5	250	TCVN 6194:1996
5	SO ₄ ²⁻ **	mg/L	6,30	1,1	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E: 2017
6	Fe**	mg/L	4,15	0,05	5	TCVN 6177: 1996
7	Coliform*	MPN/100mL	KPH	2	3	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**




ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 257-03/21-2.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 26/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước mặt Suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT CỘT A2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH* (28,0 ⁰ C)	-	6,88	2 ÷ 12,5	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	12	5,0	30	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	8	2,0	15	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	4	1,0	6	TCVN 6001-1:2008
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,087	0,011	0,3	TCVN 6179-1:1996
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	0,69	0,021	5	TCVN 6180:1996
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	0,052	0,011	0,2	TCVN 6202: 2008
8	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s
5	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực cổng	52	32,4	64,3	0,6	ASTN
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực cổng cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-	-
2.Khu vực sản xuất	73	31,4	61,3	0,3	397
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	≥ 300

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

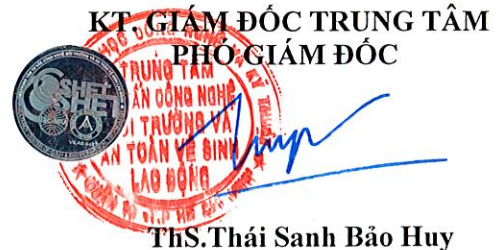
4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
1.Khu vực cổng	0,15	1,74	0,035	0,020
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2
2.Khu vực sản xuất	0,37	3,12	0,085	0,049
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	4,6875	15,625	3,90625	3,90625

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Toluen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm ³
7	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	Toluen	Xylen
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải tại lò hơi (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	128	624,4	31,5	96,8	-	-
Khí thải hơi dung môi (Đo tại nguồn thải)	-	-	-	-	-	69,7	53,6
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	200	1000	500	850	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	750	870

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/6

Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước sau hệ thống xử lý nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,1 ⁰ C)	-	6,53	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	22	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	59	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	27	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	11,5	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,94	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	3,25	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	20,1	1,5	50	SMEWW 2120.C:2017
9	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,0	0,3	5	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Coliform*	MPN/ 100mL	2.400	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS.Thái Sanh Bảo Huy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước ngầm

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 09-MT 2015/BTNMT	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước dưới đất *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011
1	pH* (27,8°C)	-	6,99	2 ÷ 12,5	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	NO ₂ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	KPH	0,006	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
3	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	5,06	0,021	15	TCVN 6180:1996
4	Cl ⁻ **	mg/L	15,8	1,5	250	TCVN 6194:1996
5	SO ₄ ²⁻ **	mg/L	8,22	1,1	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E: 2017
6	Fe**	mg/L	1,26	0,05	5	TCVN 6177: 1996
7	Coliform*	MPN/100mL	KPH	2	3	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 899-12/21-6 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LODE STAR

2/ Địa chỉ : KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước mặt Suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT CỘT A2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH* (28,7°C)	-	6,93	2 ÷ 12,5	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	15	5,0	30	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	11	2,0	15	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	5	1,0	6	TCVN 6001-1:2008
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	0,12	0,011	0,3	TCVN 6179-1:1996
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)**	mg/L	1,62	0,021	5	TCVN 6180:1996
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	0,084	0,011	0,2	TCVN 6202: 2008
8	Coliform*	MPN/100mL	3.300	2	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

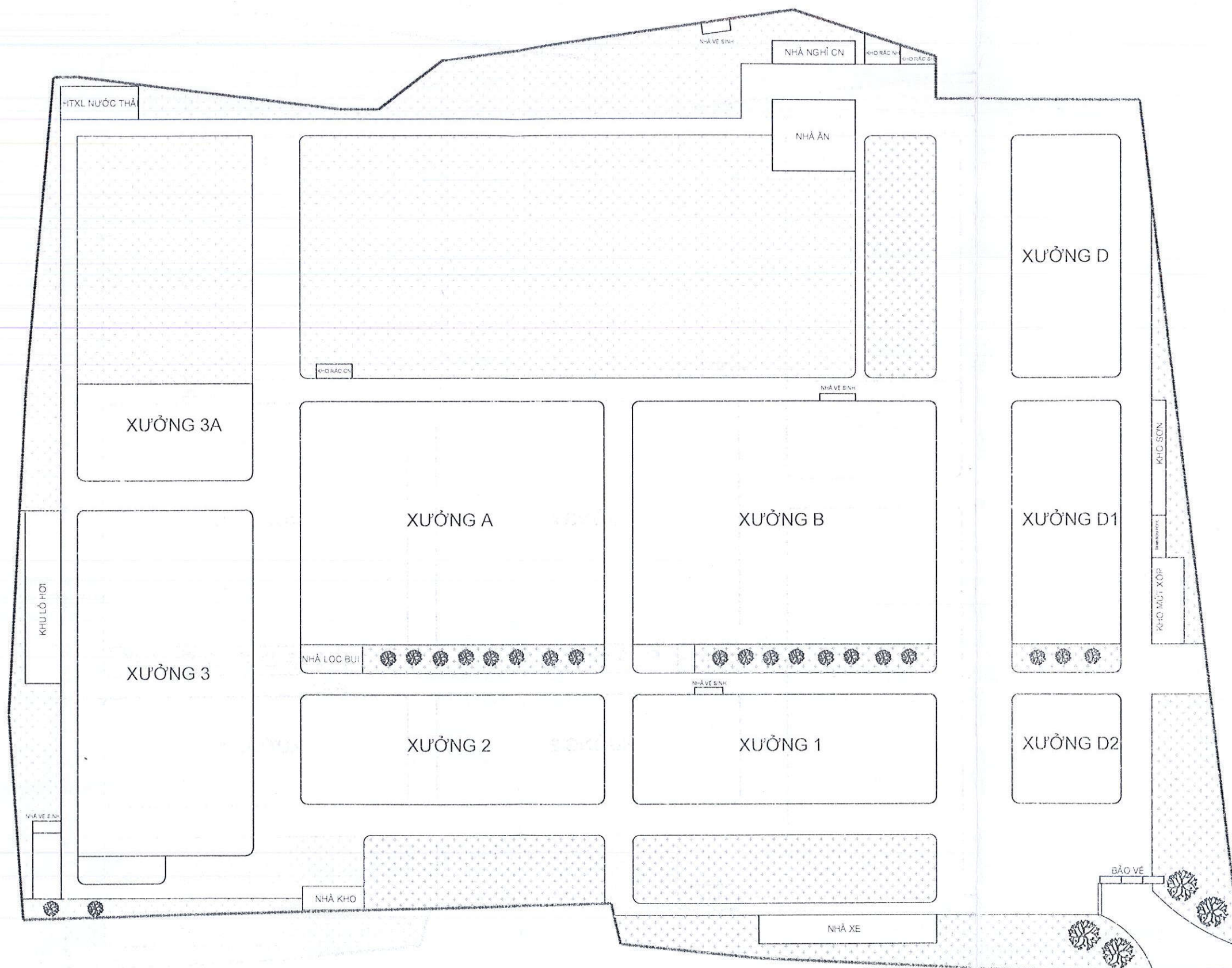
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

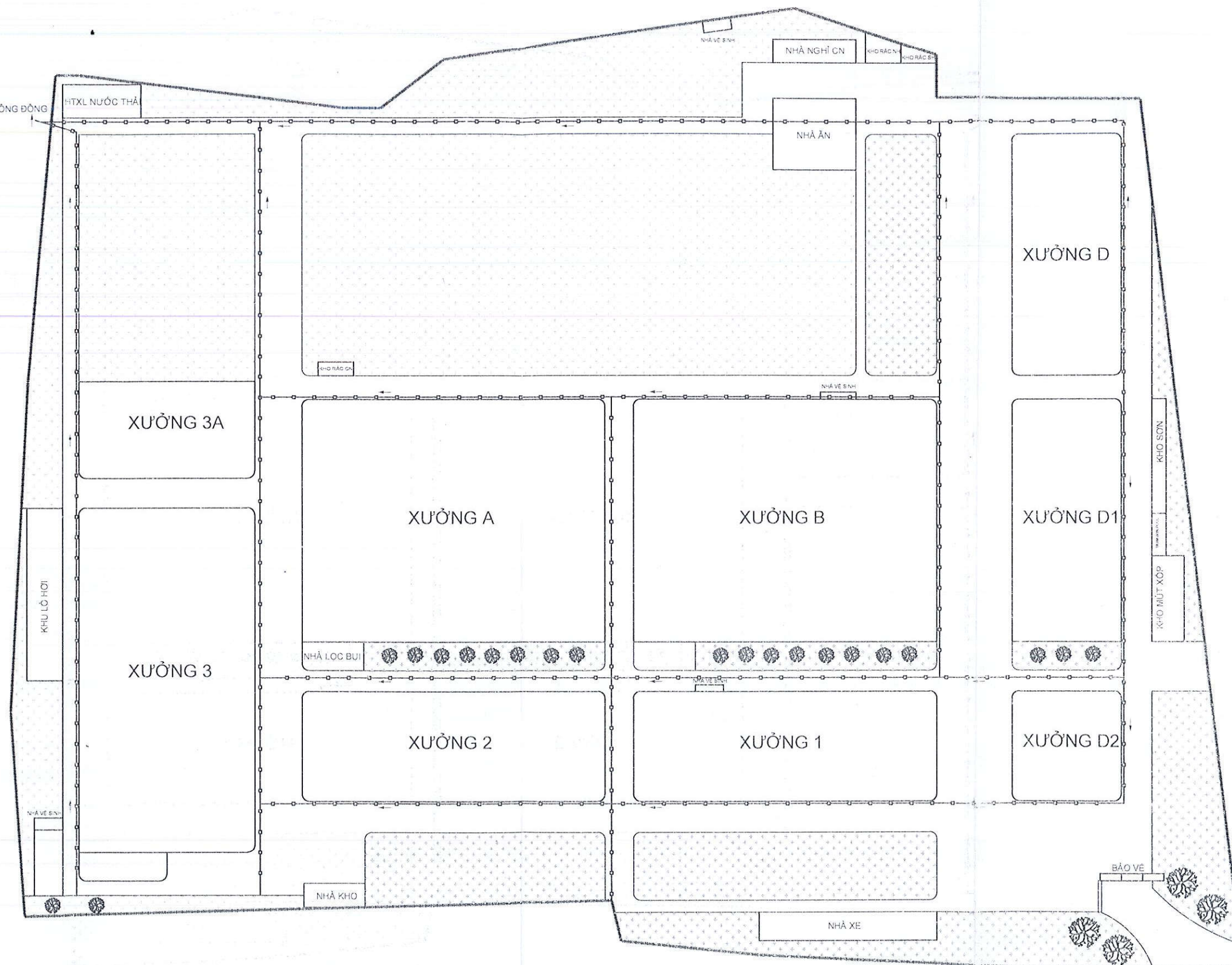


MẶT BẰNG TỔNG THỂ

CÔNG TY TNHH LODE STAR CO., LTD		DIRECTOR GARY NG	COMPANY CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LAM VIENT	DIRECTOR NGUYỄN VĂN ĐÌNH	COMPANY CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LAM VIENT	PROJECT NAME MẶT BẰNG	PROJECT NO.	PROJECT DATE
ĐỊA ĐIỂM: TÂN UYÊN - BÌNH DƯƠNG				PRINCIPAL NGUYỄN VĂN ĐÌNH	DESIGNER NGUYỄN VĂN ĐÌNH	DRAWING NAME TÊN BẢN VẼ		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH LODE STAR			40/45 TẠO P. THẠNH QUẬN QUẬN 3	ĐT: 0932 111 082	THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN ĐÌNH			FILE NAME (TÊN Tệp)



Chin, Hsiung



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TRÌNH	LODE STAR CO.LTD	DIRECTOR QUẢN LÝ	CONVILLAP	DIRECTOR	HOÀNG VĂN THỊNH	TRÌNH BẢNG MẶT	
ĐỊA ĐIỂM	TÂN UYÊN - BÌNH DƯƠNG		CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LAM VĨNH	PRINCIPAL DESIGN	PHUQUYNH TÂN VŨ	MẶT BẰNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH LODE STAR			DRAWING	NGUYỄN VĂN CỎY	DRAWING NAME	TÊN BẢN VẼ
			40/46, TXAO, P. THẠNH XUÂN, QUẬN 12	ĐT: 0932 114 583	CHECKED BY	HUYNH THANH VŨ	FILE NAME



CÔNG TRÌNH: LODE STAR CO LTD		DIRECTOR QUẢN ĐỐC:		ĐƠN VỊ LẬP:		DIRECTOR		QUẢN LÝ THIẾT KẾ:		TÊN BẢN VẼ:		MẬT BẢNG	
ĐỊA ĐIỂM: TÂN UYÊN - BÌNH DƯƠNG				CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG LÂM VIỆT		PRINCIPAL DESIGNER		HUYỀN TẠM VÕ		DRAWING NAME: TÂN UYÊN			
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH LODE STAR				NGƯỜI TRẢI P. THẠCH NGƯỜI DẪN DẪN		KĐT: 0932.114.533		CHUYÊN VI		HUYỀN TẠM VÕ		FILE NAME: TÂN UYÊN	

Suối Ông Đông



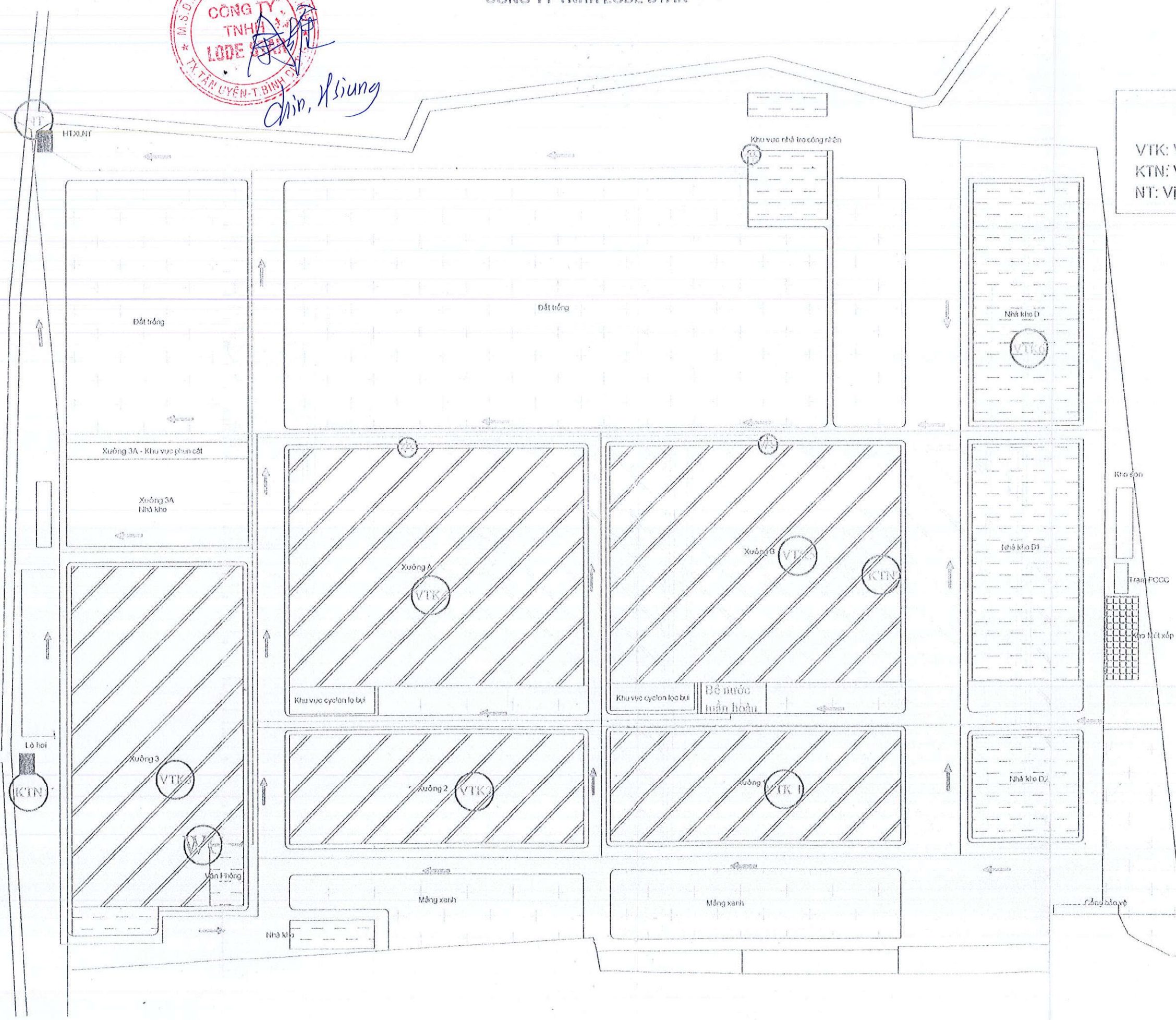
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH LODE STAR

Chíp, Hsiung

Đường thoát nước mưa
Đường thoát nước thải
Hướng thoát nước

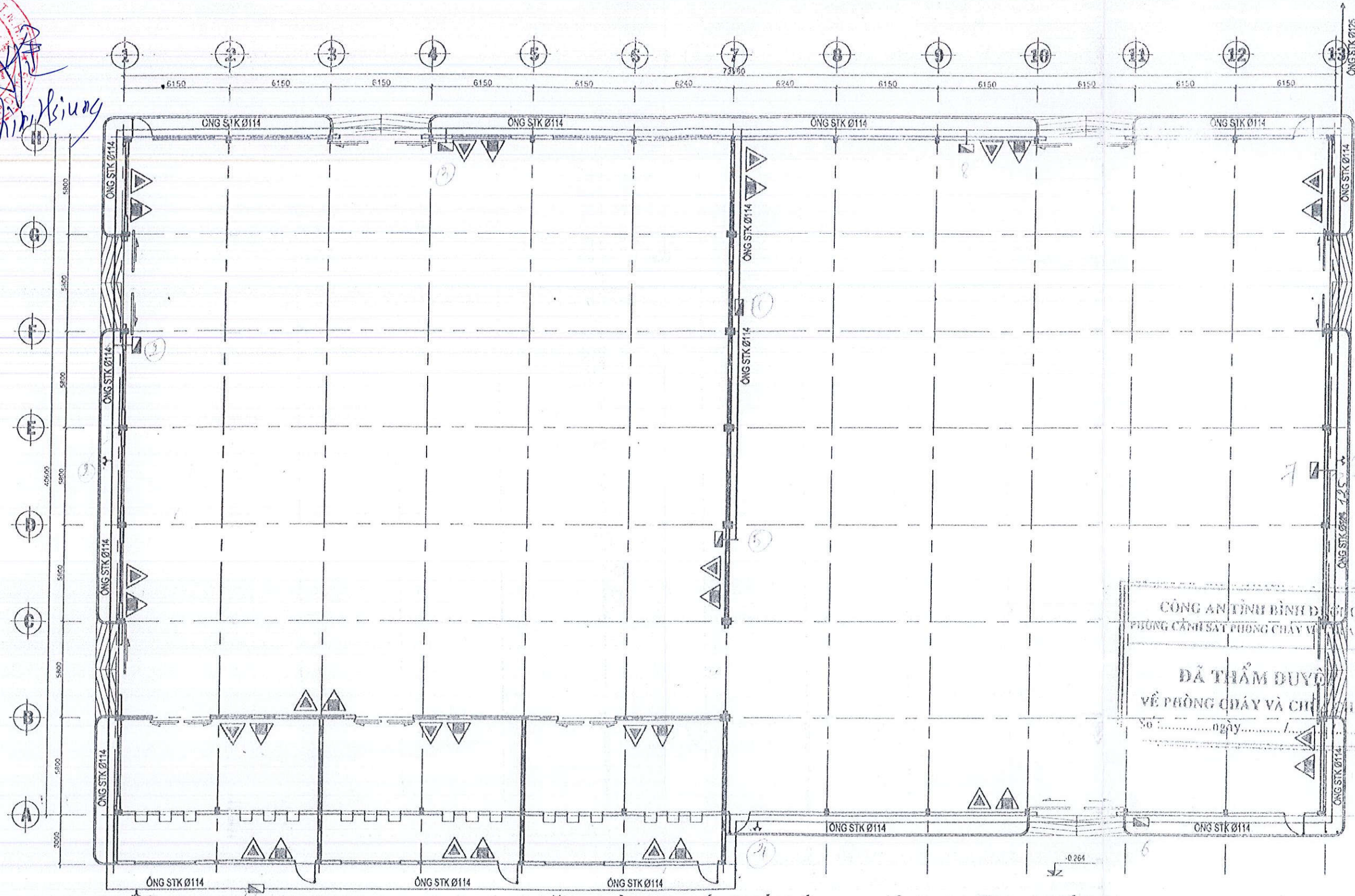
GHI CHÚ

VTK: Vị trí lấy mẫu không khí
KTN: Vị trí lấy mẫu khí thải tại nguồn
NT: Vị trí lấy mẫu nước thải





Chị Biuong



CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢM SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

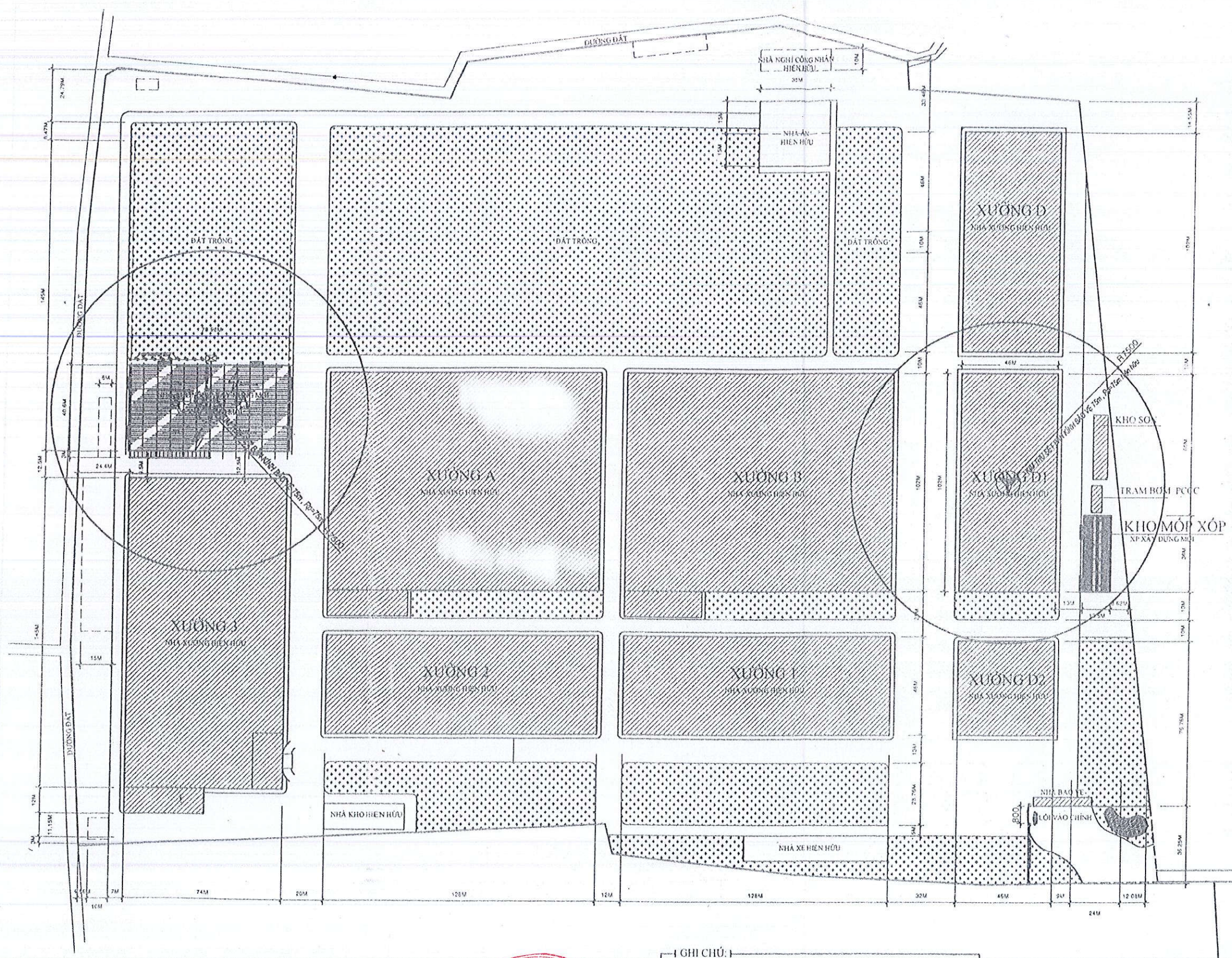
Số ngày

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

TL: 1/100

KÝ HIỆU:			
	TỦ CHỮA CUỘN VỎI CHỮA CHÁY		BỘ BEAM BÁO CHÁY
	HYDRANT- TRỤ ĐỐI 2 HỘP VỎI CC		CÒI BÁO CHÁY
	BÌNH BƠM ACB MFZ8 CHỮA CHÁY		CÔNG TÁC KHẨN
	BÌNH CO2 MT5 CHỮA CHÁY		TRUNG TÂM BÁO CHÁY
	ĐẦU PHUN SPRINKLER		ĐÈN CHIẾU SÁNG KHẨN CẤP
			ĐÈN CHỈ THOÁT HIỂM

CHỦ ĐẦU TƯ THE OWNER	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THE CONTRACTOR	CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH LODE STAR ĐỊA CHỈ: HUYỆN TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG	BẢN VẼ XP-XD
		HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG 3A	BẢN VẼ HT PCCC 02 09
TỔNG GIÁM ĐỐC - G.DIRECTOR	GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY	
		CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ KT - PRECISED - DESIGN	Q.L.K.T - CHECKED
KTS. BUI MINH PHU	KTS. NGUYEN MINH TU		KTS. BUI MINH HIEU



CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

ĐÃ THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Số ngày / /

MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ
KIM THU SÉT



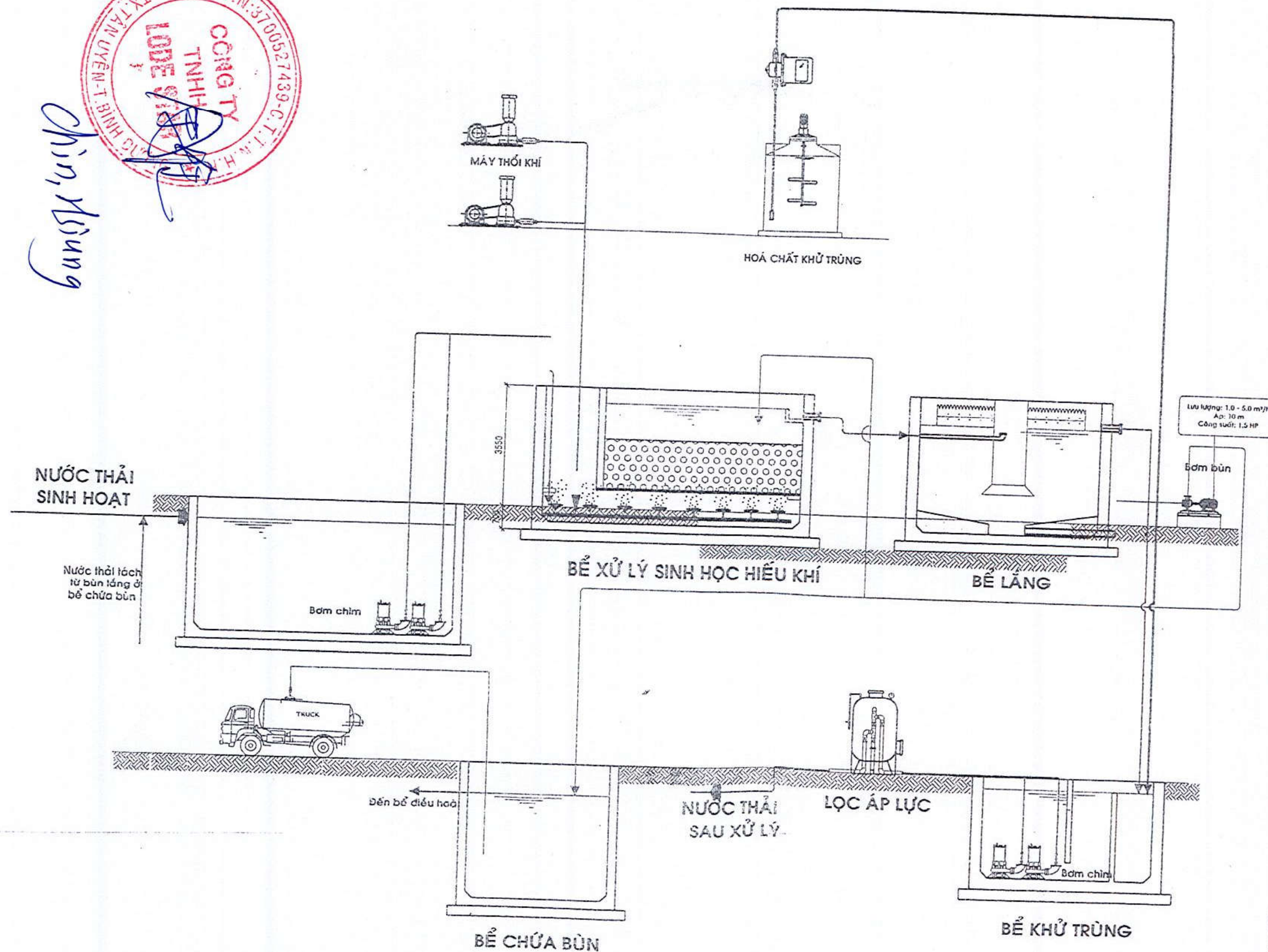
- GHI CHÚ:
- NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU
 - NHÀ XƯỞNG XP XÂY DỰNG MỞ RỘNG
 - NHÀ XƯỞNG 3A: (40,6m x 73,98m) ± (3m x 37,09m)
 - KHO MỘP XÓP: (12,5m x 31,25m)

CHỦ ĐẦU TƯ THE OWNER	CÔNG TY TNHH LODE STAR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ THE CONTRACTOR	CÔNG TRÌNH CÔNG TY TNHH LODE STAR ĐỊA CHỈ: HUYỆN TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG 3A	BẢN VẼ XP-XD CS 01 02	BẢN VẼ HT CS 01 02
TỔNG GIÁM ĐỐC - G.DIRECTOR	KS. NGUYỄN MINH TU	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ KT - PRECISED - DESIGN	MB THOÁT NƯỚC XUNG QUANH NHÀ XƯỞNG	Q.L.K.T - CHECKED	KT.S - SỬ MINH HIẾU
CHUYÊN MU CHUAN	KS. NGUYỄN MINH TU	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ KT - PRECISED - DESIGN	MB THOÁT NƯỚC XUNG QUANH NHÀ XƯỞNG	Q.L.K.T - CHECKED	KT.S - SỬ MINH HIẾU

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250M³/NG



Chin, Nhung



HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 250M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LODE STAR

ĐỊA CHỈ: XÃ HIỆP PHƯỚC, H. TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL: 065-652283-9
FAX: 065-652282

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
& MÔI TRƯỜNG Á ĐÔNG

ASIA TECHNOLOGY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
3368/2 ĐƯỜNG 9
QUẬN PHÚ NHÚNG TP. HCM
TEL: 84-8-8445438
FAX: 84-8-8454697

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Chin</i>
QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Chin</i>
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Chin</i>
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	KS. CHU KIM TRỌNG	<i>Chin</i>
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	<i>Chin</i>
VẼ DRAWN BY	KS. LÊ VĂN LÂM	<i>Chin</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Chin</i>

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

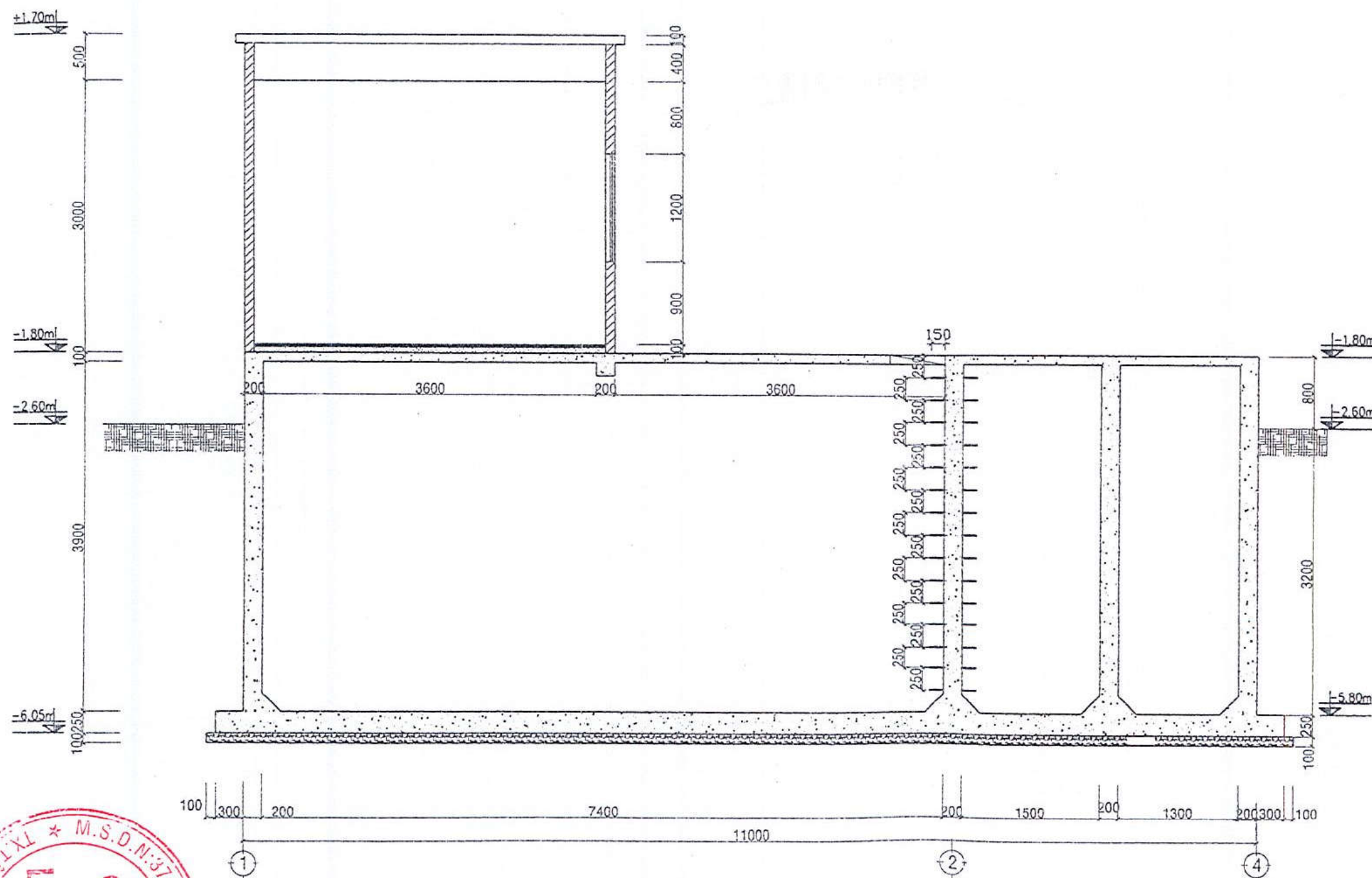
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

HỒ SƠ TK DOCUMENT		CN-01
NGÀY HT DATE	04 - 03 - 2007	

HỒ SƠ TK DOCUMENT		CN-02
NGÀY HỌ DATE	04 - 09 - 2007	



HỒ SƠ TK DOCUMENT	KIẾN TRÚC CỤM BẾ XỬ LÝ	CBXL
NGÀY HT DATE	04 - 09 - 2007	KT.03/07



MẶT CẮT 1-1 TỶ LỆ 1/50



HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOA

CÔNG SUẤT: 250M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH

LODE STAR

ĐỊA CHỈ: XÃ HIỆP PHƯỚC, TÂN UYÊN

TỈNH BÌNH DƯƠNG

TEL: 065-652283-9

FAX: 065-652282

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
& MÔI TRƯỜNG A ĐÔNG

ASIA TECHNOLOGY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

336B/2 ĐƯỜNG ANH PHƯƠNG 9

VÀ MÔI TRƯỜNG

QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HCM

TEL: 84-8-8445436

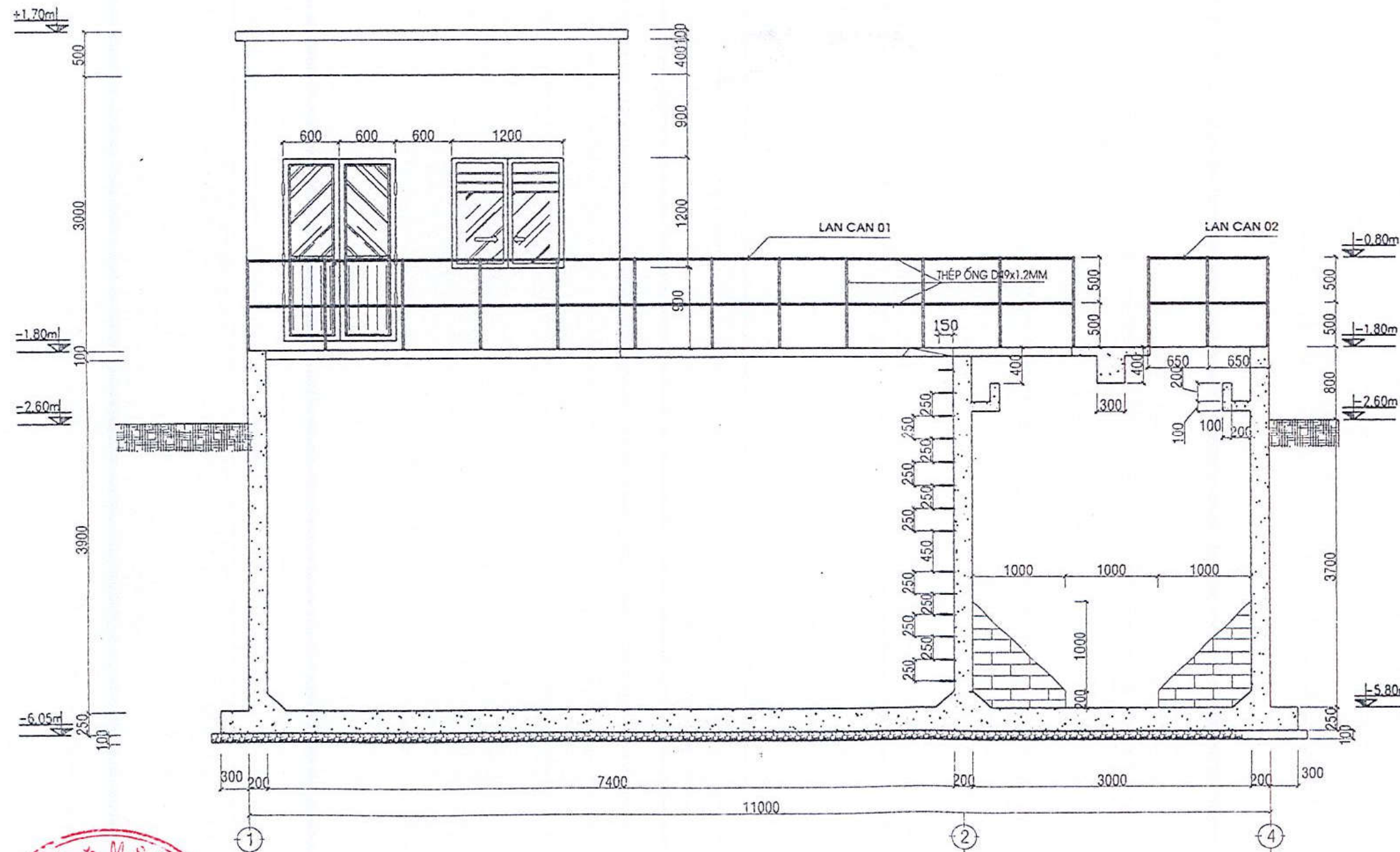
FAX: 84-8-8454697

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Ulan</i>
QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER	KS. HOÀNG ĐỊNH BÀ DƯƠNG	<i>Ulan</i>
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Ulan</i>
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	KS. CHU KIM TRỌNG	<i>Ulan</i>
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	<i>Phuoc</i>
VẼ DRAWN BY	KS. LÊ VĂN LÂM	<i>Phuoc</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. HOÀNG ĐỊNH BÀ DƯƠNG	<i>Ulan</i>

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT CẮT 2-2

HỒ SƠ TK DOCUMENT	KIẾN TRÚC CỤM BỂ XỬ LÝ	CBXL
NGÀY HT DATE	04 - 09 - 2007	KT.04/07



MẶT CẮT 2-2 CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỶ LỆ 1/50



HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HO
CÔNG SUẤT: 250M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH

LODE STAR

T. NHH
ĐỊA CHỈ: XÃ HIỆP PHƯỚC - H. TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL: 965-652283-9
FAX: 065-652282

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
& MÔI TRƯỜNG

ASIA TECHNOLOGY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
336B/2 ĐƯỜNG DUY ANH - PHƯỜNG 9
VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HCM
TEL: 84-8-8445430
FAX: 84-8-8454697

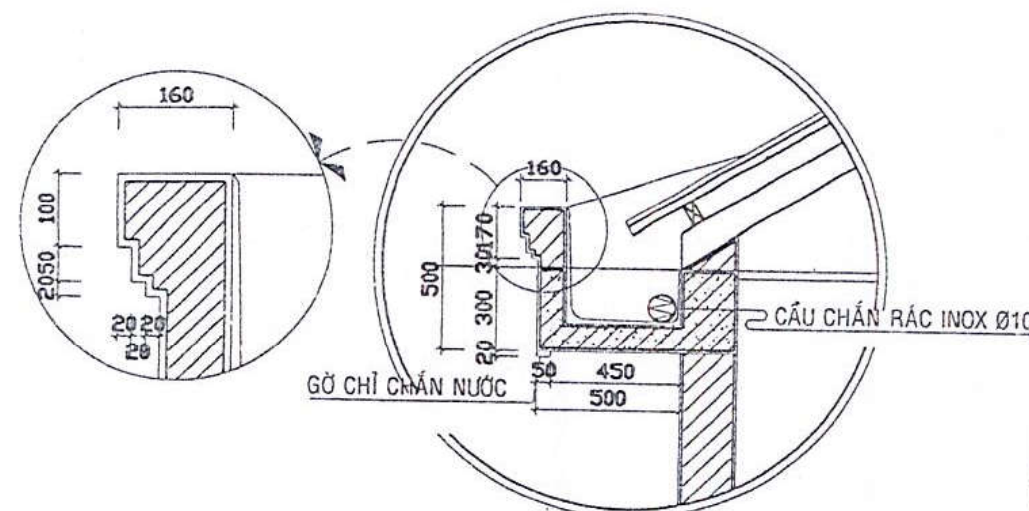
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Uc</i>
QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Clan</i>
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Uc</i>
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	KS. CHU KIM TRỌNG	<i>Uc</i>
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	<i>P. Tuan</i>
VẼ DRAWN BY	KS. LÊ VĂN LÂM	<i>Uc</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Clan</i>

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT CẮT 3-3

HỒ SƠ TK DOCUMENT	KIẾN TRÚC CỤM BỂ XỬ LÝ	CBXL
NGÀY HT DATE	04 - 09 - 2007	KT.05/0

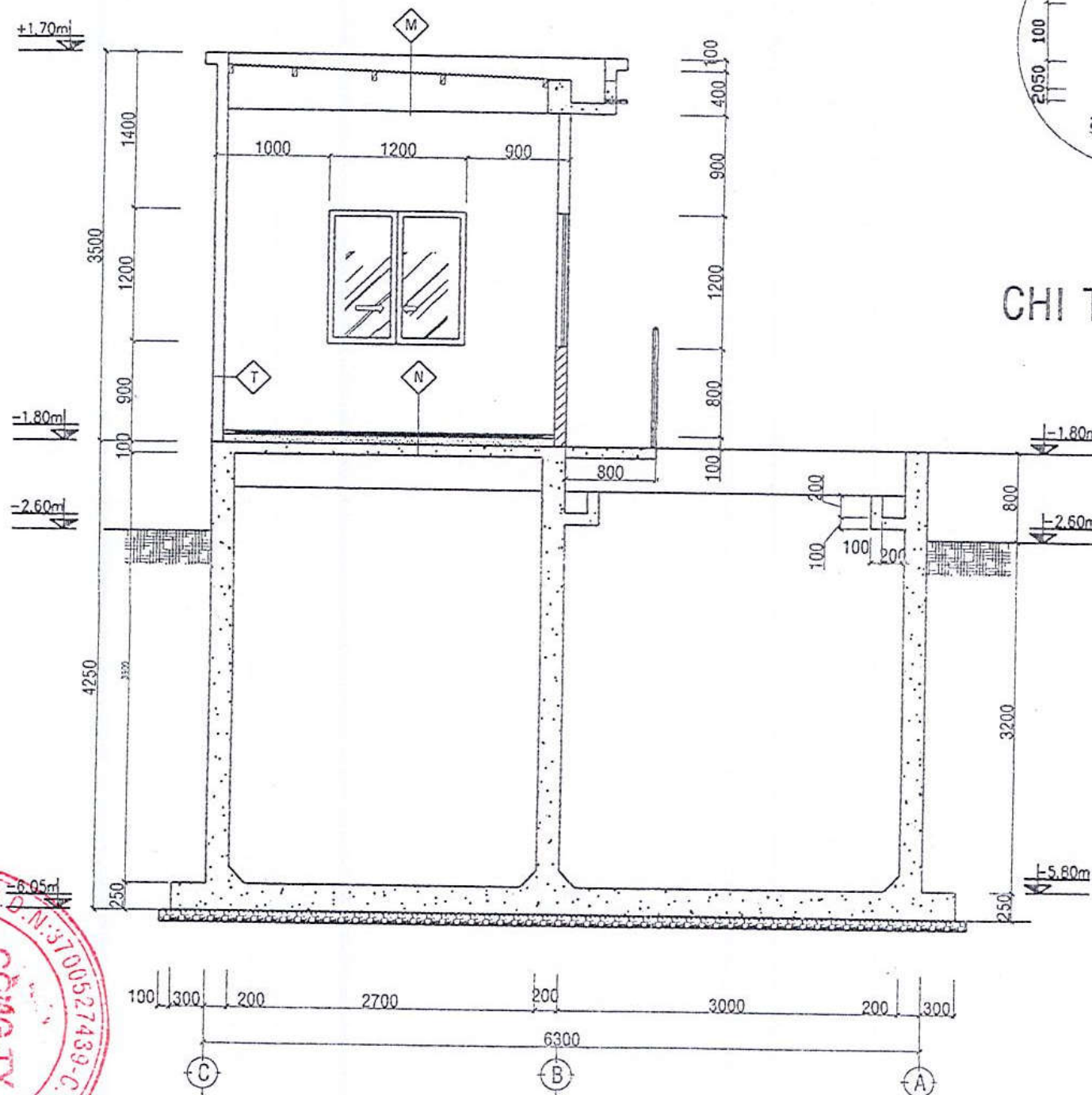
CHI TIẾT SÊ NÔ TRỤC MÁI TL 1/50



- M** MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH
- TOLE MÀY DÀY 0.4MM
 - XÀ GỖ THÉP 40x80x1.2.
 - KHUNG THÉP V50@50
 - TẤM NHỰA LAMBRIS

- N2** NỀN NHÀ ĐIỀU HÀNH
- GẠCH CERAMIC 300X300
 - VỮA XM M75 DÀY 30.
 - LỚP CÁT ĐẮP DÀY 60
 - ĐẠN BTCT NẤP BỂ

- T** TƯỜNG NHÀ ĐIỀU HÀNH
- BÃ MATIC, SƠN NƯỚC 02 LỚP
 - VỮA XM M75 DÀY 20.
 - GẠCH ỐNG, VỮA M75, D100
 - VỮA XM M75 DÀY 20.
 - BÃ MATIC, SƠN NƯỚC 02 LỚP



MẶT CẮT 3-3 CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỶ LỆ 1/50



Chín Hùng

LODE STAR

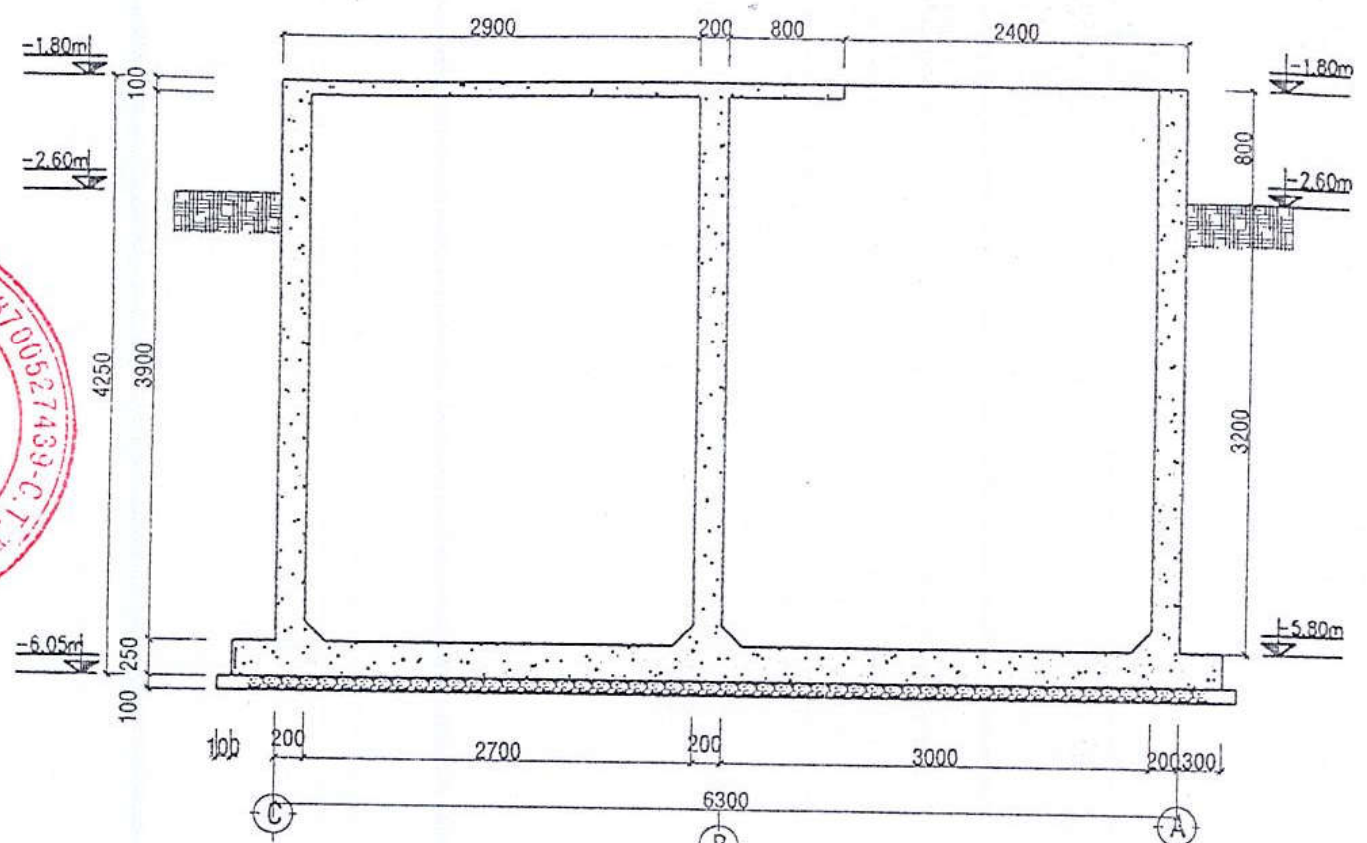
 CÔNG TY TNHH

 M.S.D.N: 3700521439-C.T.T.H

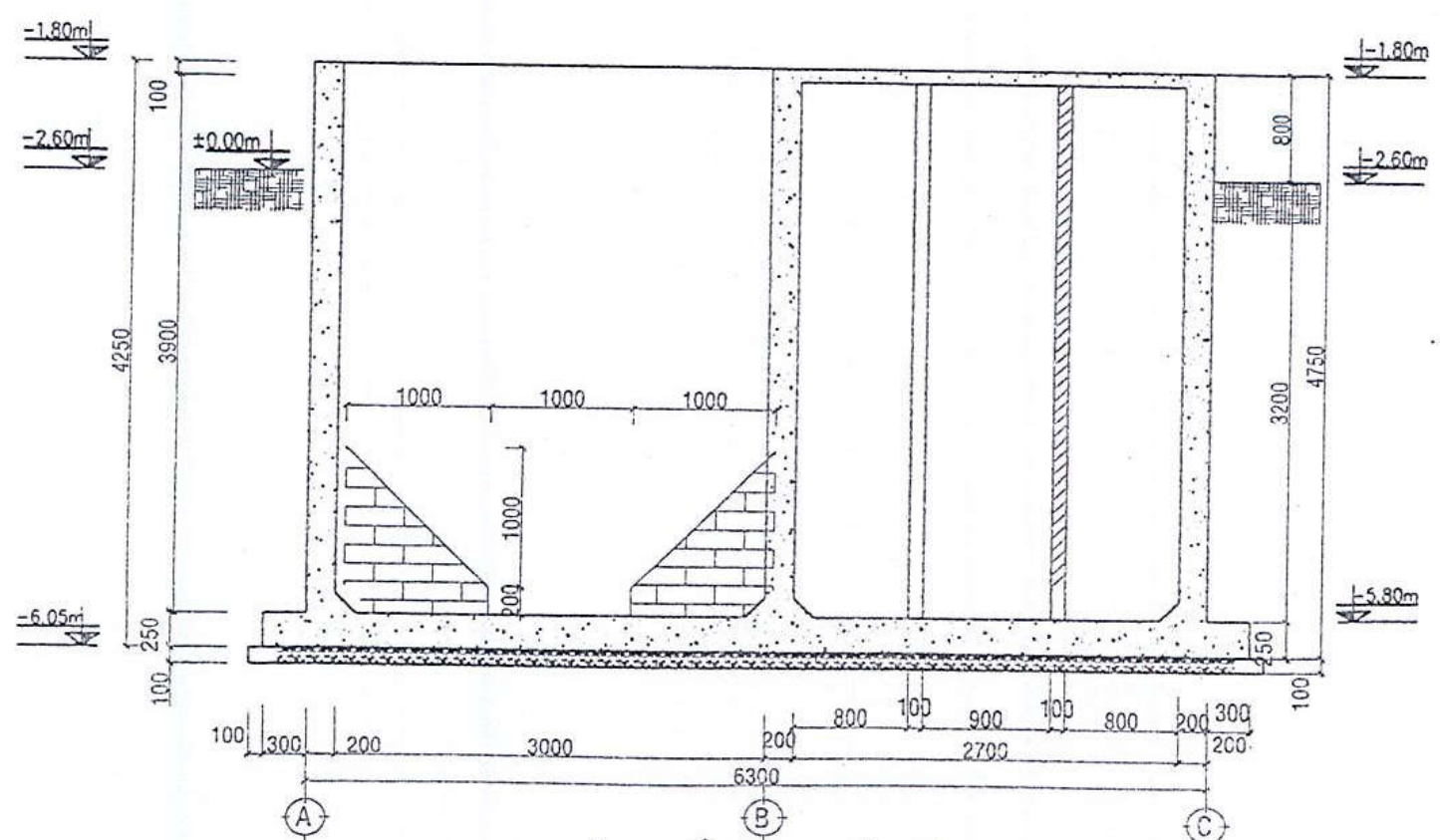
 Địa chỉ: Xã Hiệp Phước, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

 Tel: 065-6522829

 Fax: 065-652282

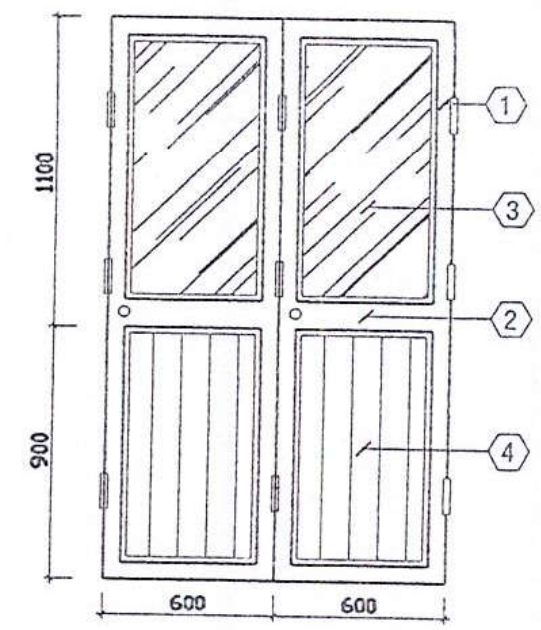


MẶT CẮT 4-4 TỶ LỆ 1/50



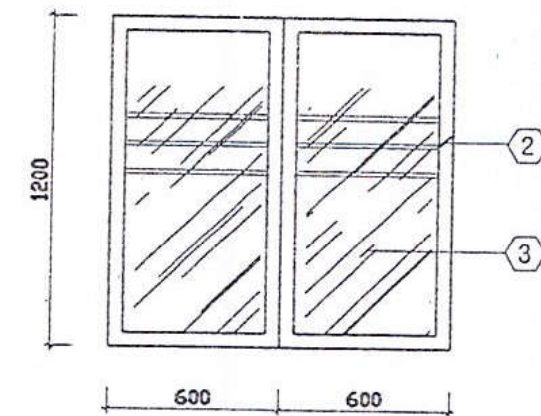
MẶT CẮT 6-6 TỶ LỆ 1/50

CỬA DI HAI CÁCH D1
(SL: 01)



- ① : NHÔM □ 70x34x1.0
- ② : NHÔM □ 50x34x1.0
- ③ : KÍNH TRONG 5mm
- ④ : PA NÔ NHÔM

CỬA SỔ HAI CÁCH D1
(SL: 02)



- ② : NHÔM □ 50x34x1.0
- ③ : KÍNH TRONG 5mm

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH
 PROJECT
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH H
 CÔNG SUẤT: 250M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
 INVESTOR
CÔNG TY TNHH
LODE STAR
 TNHH
 ĐỊA CHỈ: XÃ HIỆP PHƯỚC, H. TÂN UYÊN
 TỈNH BÌNH DƯƠNG
 TEL: 065-6522829
 FAX: 065-652282

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
 & MÔI TRƯỜNG
ASIA TECHNOLOGY
 PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
 336B/2 ĐÀO DUY TÂN PHƯỚC 9
 QUẬN PHÚ NHÚC, TP. HCM
 TEL: 84-8-8446438
 FAX: 84-8-8454697

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Uch</i>
QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Uch</i>
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Uch</i>
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	KS. CHU KIM TRỌNG	<i>Uch</i>
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	<i>Phai</i>
VẼ DRAWN BY	KS. LÊ VĂN LÂM	<i>Bac</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Uch</i>

TÊN BẢN VẼ
 DRAWING TITLE

MẶT CẮT 4-4
 MẶT CẮT 6-6

HỒ SƠ TK DOCUMENT	KIẾN TRÚC CỤM BỂ XỬ LÝ	CBXL
NGÀY HT		KT 06/0

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH
PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT: 250M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH
LODE STAR

ĐỊA CHỈ: XÃ HIỆP PHƯỚC, TÂN UYÊN

TỈNH: BÌNH DƯƠNG

TEL: 065-652283-9

FAX: 065-652282

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
& MÔI TRƯỜNG ĐỒNG

ASIA TECHNOLOGY

336B/2 Đ. BÙI VĂN ĐÌNH, PHƯỜNG 9

QUẬN PHÚ NHÚC, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 84-8-8445436

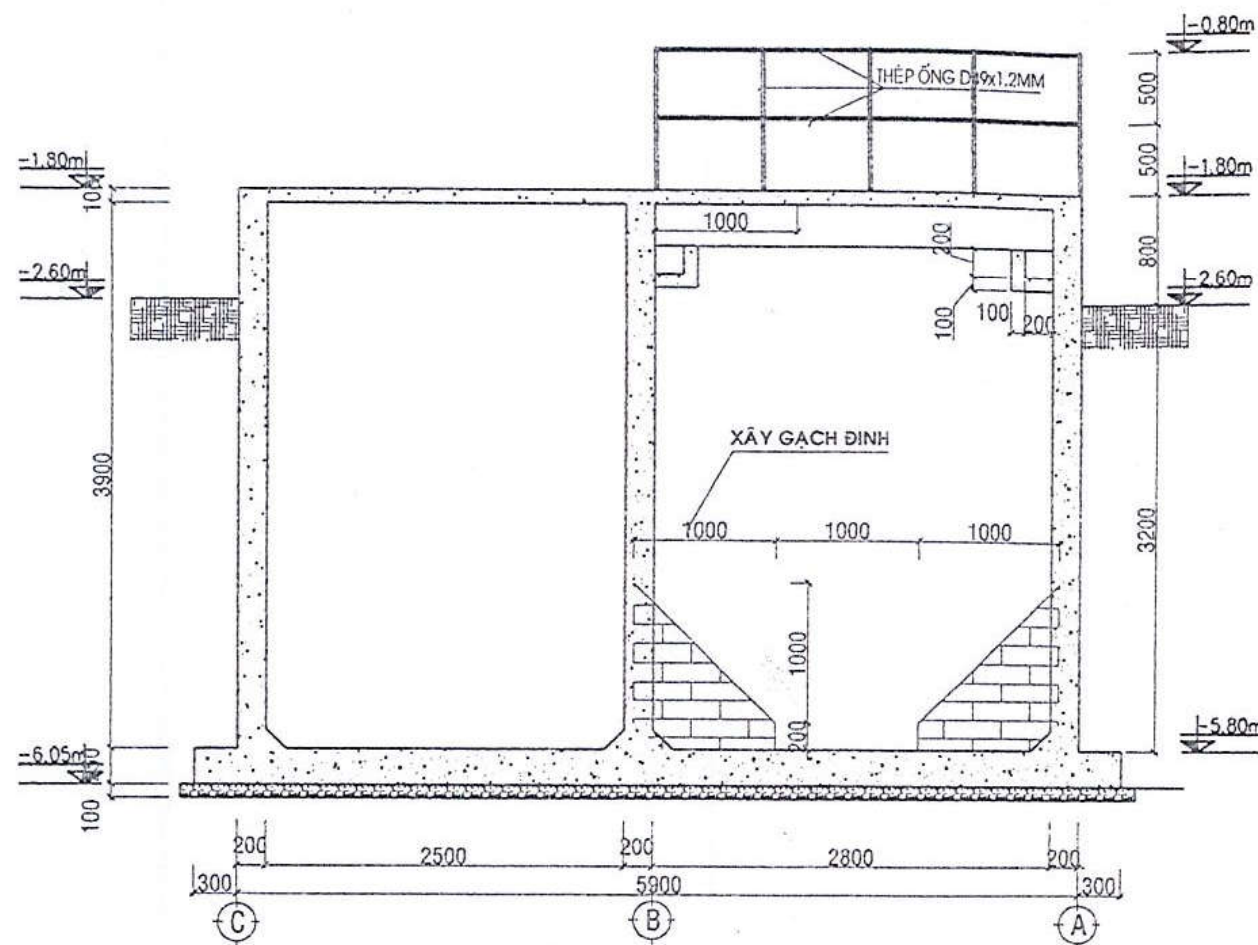
FAX: 84-8-8454697

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Trần</i>
QUẢN LÝ KT TECH. MANAGER	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Hoàng</i>
CHỦ TRÌ MAJOR ARCH	TS. TRẦN MẠNH TRUNG	<i>Trần</i>
TK CÔNG NGHỆ P. DESIGNED BY	KS. CHU KIM TRỌNG	<i>Chu</i>
TK XÂY DỰNG C. DESIGNED BY	KS. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	<i>Quốc</i>
VẼ DRAWN BY	KS. LÊ VĂN LÂM	<i>Lâm</i>
KIỂM TRA CHECKED BY	KS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	<i>Hoàng</i>

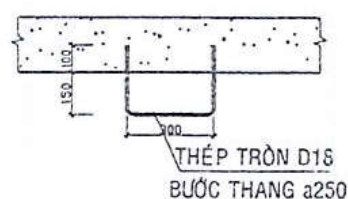
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT CẮT 5-5
CÁC CHI TIẾT KIẾN TRÚC

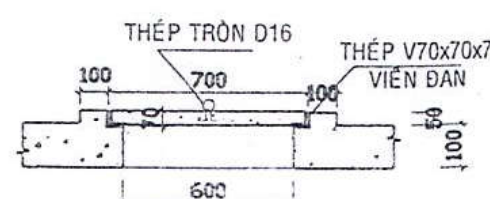
HỒ SƠ TK DOCUMENT	KIẾN TRÚC CỤM BỂ XỬ LÝ	CBXL
NGÀY HT DATE	04 - 09 - 2007	KT.07/07



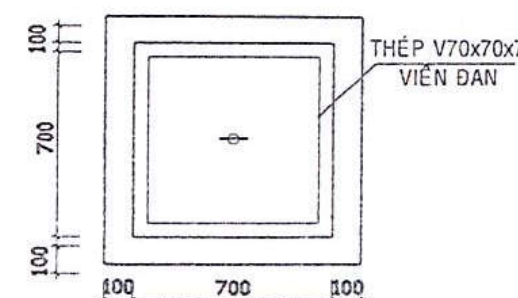
MẶT CẮT 5-5 TỶ LỆ 1/50



CHI TIẾT CẦU THANG
XƯỐNG BỂ TỶ LỆ 1/25



MẶT CẮT ĐƠN TỶ LỆ 1/25



MẶT BẰNG ĐƠN TỶ LỆ 1/25